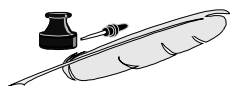


# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 - Số 193 - Năm thứ 18, tháng 06-2005

*Xã luận*

## KINH NGHIỆM BA LAN

Ngày 4-6 này các lực lượng dân chủ Ba Lan sẽ kỷ niệm lần thứ 16 ngày thắng lợi của dân chủ. Cuộc bầu cử tự do ngày 4-6-1989 đã đem thắng lợi 100% cho các ứng cử viên Solidarnosc. Trong hội nghị bàn tròn hai tháng trước đó, công đoàn Solidarnosc đã phải chấp nhận một thỏa hiệp can đảm mà những người bị quan coi là một sự đầu hàng : đảng cộng sản Ba Lan được dành trước 50% số ghế trong quốc hội, đối lập dân chủ chỉ được tranh cử trên một nửa số ghế còn lại. Tuy nhiên thắng lợi của phe dân chủ đã quá toàn diện, cuộc bầu cử vì thế đã biến thành cuộc biểu quyết xóa bỏ chế độ cộng sản. Ý chí của nhân dân Ba Lan đã rõ rệt và mãnh liệt đến nỗi đảng cộng sản Ba Lan (danh xưng chính thức là Đảng Công Nhân Thống Nhất) phải bàn giao quyền hành và sau đó tự giải thể. Biến cố này cho thấy, trái với thành kiến của nhiều người, không phải hễ thỏa hiệp với cộng sản là thua, kể cả khi phải thỏa hiệp trong những điều kiện khó khăn.

Solidarnosc đã toàn thắng và cầm quyền, để rồi thất bại 5 năm sau đó về tay những người cộng sản cũ đã trở thành dân chủ. Biến cố này cũng có ý nghĩa to lớn, nó chứng tỏ rằng một đảng cộng sản biết phục thiện và chuyển hóa về dân chủ vẫn có chỗ đứng trong sinh hoạt dân chủ và hy vọng trở lại cầm quyền.

Ngày 4-6-1989 đã là ngày lịch sử trọng đại của dân tộc Ba Lan, nhưng nó cũng xứng đáng được coi

là ngày lịch sử của mọi người dân chủ trên thế giới. Nó là một ngày để suy nghĩ và rút kinh nghiệm. Mối liên hệ tốt đẹp giữa Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên và những người đã đưa cuộc cách mạng Solidarnosc đến thành công đã cho phép chúng tôi hiểu được hoàn cảnh và lý do thắng lợi, cũng như thất bại về sau của họ. Trong nhiều năm họ đã chỉ là một nhóm nhỏ, thiếu cả kinh nghiệm lẫn phương tiện. Họ đã chỉ tồn tại được nhờ có lý tưởng, có quyết tâm và có sự hậu thuẫn của cộng đồng người Ba Lan hải ngoại. Và họ đã có mặt khi tình thế đã chín muồi và lịch sử bắt buộc phải sang trang. Ba Lan là một bài học quý báu cho những người dân chủ Việt Nam và cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Trong mọi cuộc vận động dân chủ chống lại một chế độ độc tài, các cộng đồng hải ngoại luôn luôn có vai trò quyết định.

Sức mạnh của Solidarnosc là ở chỗ nó đại diện cho một tương lai nhất định phải đến. Solidarnosc đã toàn thắng với một nhóm nhỏ và đã thất bại sau khi có mọi phương tiện của một chính quyền và sự ngưỡng mộ của thế giới. Đặc điểm của các chế độ dân chủ là không khoan nhượng đối với những sai lầm.

Mười năm sau khi mất chính quyền, những thành viên cốt cán của Solidarnosc đã rút được kinh nghiệm, đã kiên nhẫn phục hồi và theo các thăm dò dư luận chắc chắn sẽ thắng lợi một cách rất vẻ vang trong cuộc tuyển cử sắp tới.

**Thông Luận**

# Ấn Độ, quốc gia đầy triển vọng của thế kỷ 21

Từ vài năm trở lại đây Ấn Độ trở thành nơi hành hương của những nhà lãnh đạo quốc gia giàu có nhất và tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới. Từ tháng 3-2005 trở đi, người ta thấy bà Condolezza Rice, tân bộ trưởng ngoại giao Mỹ, đã chọn Ấn Độ làm quốc gia đầu tiên trong chuyến viếng thăm châu Á của mình. Tiếp theo sau là thủ tướng Ôn Gia Bảo của Trung Quốc, tổng thống Musharaf của Pakistan, tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Koffi Anan, thủ tướng Koizumi của Nhật Bản... đua nhau đến thủ đô New Dehli thăm viếng và trao đổi với chính phủ Ấn Độ. Tất cả đều vì một viễn tượng vững chắc : Ấn Độ đang trở thành một cường quốc kinh tế mới tại châu Á và sẽ giữ một vai trò rất lớn trong việc duy trì hòa bình và ổn định trong vùng Đông Nam Á.

Theo những số liệu thống kê đáng tin cậy, đến năm 2030 tổng thu nhập nội địa (GDP) của Ấn Độ sẽ ngang bằng Trung Quốc, đến năm 2035 sẽ vượt qua Nhật Bản và có thể đứng vào hạng thứ hai hay thứ ba trên thế giới. Nếu chỉ nhìn phiến diện bề ngoài, thành phố Bombay ngày nay là một "Manhattan mới" của Ấn Độ với những tòa nhà chọc trời lộng lẫy, đường sá rộng lớn với từng đoàn xe hơi sang trọng chạy quanh khắp thành phố với những cửa hàng to lớn đầy ắp hàng hóa và màu sắc hai bên đường.

Lý do của sự thay da đổi thịt này là từ cuối thập niên 1980, các chính quyền Ấn Độ đã thay đổi chính sách quản trị đất nước bằng cách chấm dứt chế độ kinh tế chỉ huy để tư hữu hóa sản xuất và khuyến khích phát huy sáng kiến và ý kiến. Sau 15 năm áp dụng, tỷ lệ phát triển kinh tế của Ấn tăng trên 6%/năm và sẽ còn tăng cao hơn nữa.

Đặc điểm của chính sách kinh tế mới này là : giảm thiểu vai trò của công nghiệp quốc doanh từ 17 ngành xuống còn 8 ngành ; giải tư thật nhanh những xí nghiệp quốc doanh có năng suất cao và có lời ; khuyến khích đầu tư tư nhân vào các ngành sản xuất, trừ các ngành kỹ nghệ nguy hiểm có thể gây ô nhiễm ; ban hành luật cấm độc quyền và cho phép tư bản di chuyển tự do ; tư bản nước ngoài có thể làm chủ 51% vốn đầu tư.

Với chính sách mới này, kinh tế của Ấn Độ không những đã tăng trưởng trở lại mà đồng rúppi còn được tôn trọng trên các thị trường chứng khoán quốc tế. Nền nông nghiệp lạc hậu cũng nhờ đó được phục hồi, nạn thiếu đói triển miên ở những vùng nghèo khó cũng chấm dứt. Ngành sinh vật học cũng đã góp phần đáng kể trong việc bảo tồn môi sinh và sinh thái trong nước và khu vực.

Tuy vậy Ấn Độ vẫn dành ưu tiên phát triển ngành công nghệ nội địa, dựa trên nền dân chủ đại nghị do toàn dân đầu phiếu chọn dân biểu và nghị sĩ từ nhiều đảng chính trị. Điều này khác với mô hình phát triển theo kiểu "công trường thế giới" của Trung Quốc. Nhưng từ khi chính sách kinh tế mới được áp dụng, hàng hóa của Ấn Độ cũng đã xuất hiện tại khắp nơi và chiếm lĩnh một vài thị trường quan trọng như tin học, hạch nhân nhẹ và dược phẩm. Tỷ lệ xuất khẩu phần mềm (software) của Ấn Độ trong năm

2004 đã lên đến 17,2 tỷ USD tăng 35% so với năm trước, công nghệ kỹ thuật cao cấp hạch nhân chiếm 20% tổng ngạch xuất khẩu.

Tại sao người Ấn có khiếu về ngành tin học ? Tại vì Ấn Độ biết áp dụng một chính sách giáo dục thích hợp với nhu cầu của thời đại. Nhờ nắm vững tiếng Anh (quốc ngữ chính), nhân tài Ấn Độ hấp thụ rất nhanh các ngành khoa học của phương Tây, nhờ đó đã thích ứng nhanh với những đòi hỏi mới của nhu cầu công nghệ tin học và điện tử. Hiện nay một số công ty tin học của Ấn dẫn đầu thế giới về phần mềm cũng như về dịch vụ khai thác. Khác với Nhật Bản, một nửa nhân tài tập trung vào các ngành dịch vụ như thương nghiệp, ngân hàng, gần phân nửa nhân tài tại Ấn tập trung vào toán học và tin học.

Nhờ có sinh hoạt kinh tế tự do, tư bản Ấn đầu tư rất nhiều vào nghiên cứu khoa học, đặc biệt là ngành chế biến dược phẩm. Hiện nay, 8 công ty sản xuất dược phẩm quốc nội không những đã cung cấp đầy đủ thuốc men cho dân chúng trong nước mà còn xuất khẩu sản phẩm y dược sang những quốc gia khác tại châu Á, châu Phi và châu Mỹ La-Tinh. Đặc điểm của các công ty dược phẩm Ấn là chờ đến lúc các bằng sáng chế y dược Âu Mỹ vừa hết hạn là tập trung vào sản xuất với giá rẻ hơn rồi bán ra thị trường. Sự bộc phát của công nghệ này đang đe dọa sự sống còn của các công ty dược phẩm lớn của phương Tây.

Như một phản ứng dây chuyền, nhờ có tỷ lệ phát triển cao, Ấn Độ có đủ tiền để đầu tư vào nghiên cứu khoa học trong mục đích kinh doanh. Các cố vấn kỹ thuật của Ấn hiện đang có mặt khắp nơi tại các quốc gia thuộc thế giới thứ ba để buôn bán và giúp đỡ các chính quyền địa phương.

Một công nghệ đầy triển vọng khác là ngành chế tạo xe hơi, mà Nhật Bản đang rất quan tâm. Đầu năm 2005, công ty Mitsubishi đã mua xí nghiệp SRS Tools của Ấn để chiếm lĩnh thị trường trên một tỷ người này. Công ty sản xuất xe hơi Lotte của Nam Hàn cũng đã có mặt tại New Dehli. Tuy có hơi lỗi thời, ngành sản xuất đầu máy xe lửa của Ấn vẫn chiếm lĩnh thị trường các quốc gia chậm tiến.

Tuy vậy, sinh hoạt kinh tế của Ấn vẫn còn nhiều khuyết điểm như cơ sở hạ tầng còn yếu kém, khả năng cung cấp điện lực chưa đáp ứng được nhu cầu trong nước, tỷ lệ người biết đọc biết viết còn thấp (65%), sự phân biệt nam nữ và sự phân chia đẳng cấp vẫn còn tồn tại. Để vượt qua những khó khăn vật chất này, Nhật Bản là quốc gia viện trợ nhiều nhất cho Ấn Độ qua các chương trình viện trợ ODA, hơn một tỷ USD mỗi năm.

Nói tóm lại, với một dân số trên một tỷ người với hơn gần một ngàn ngôn ngữ và phong tục tập quán khác nhau, Ấn Độ đã thành công trên đường tiến về tương lai. Nguyên do chính của những thành công này là dân chủ. Như một phép mầu, chỉ trong vòng 15 năm áp dụng dân chủ Ấn Độ đã trở thành một cường quốc kinh tế và đang được mời gọi nắm giữ những vai trò quốc tế quan trọng.

**Nguyễn Minh (Tokyo)**

# Nước cờ tính lộn ?

## Ai đứng sau lưng các cuộc biểu tình chống Nhật ?

Những cuộc biểu tình chống Nhật gần đây tại Trung Quốc và một số quốc gia có đông người Trung Quốc cư ngụ không phải tình cờ, tất cả đều được sắp xếp vì một dụng ý chính trị. Mọi người đều biết sau vụ xuống đường của sinh viên tại quảng trường Thiên An Môn năm 1989, chính quyền cộng sản đã cho sửa đổi lại hiến pháp, qui định bất cứ một cuộc biểu tình, hội họp hay đình công nào cũng phải được sự cho phép của nhà nước. Trên thực tế từ trước đến nay không có cuộc biểu tình nào được cho phép và cũng không có tập thể nào xin biểu tình ngoài chính các tổ chức của đảng cộng sản và nhà nước Trung Quốc.

Năm 1999, khi máy bay Mỹ thả bom lộn vào tòa đại sứ Trung Quốc ở Nam Tư và, năm 2001, khi máy bay trinh sát của Mỹ đụng máy bay quân sự của Trung Quốc trên không phận đảo Hải Nam, dân chúng Trung Quốc đã ồ ạt xuống đường biểu tình chống Mỹ, nhưng ai cũng biết cả hai cuộc biểu tình này đều do chính quyền Trung Quốc chỉ đạo. Lần này những cuộc biểu tình chống Nhật trên khắp 20 thành phố lớn của Trung Quốc Công giáo do các chính quyền địa phương tổ chức theo lệnh của trung ương. Tại những nơi có tòa đại sứ Nhật và có đông người Trung Quốc cư ngụ thì chính nhân viên sứ quán Trung Quốc tổ chức.

## Chính quyền Trung Quốc muốn gì qua sự kiện này ?

Từ khi Nhật Bản muốn giữ một vai trò quan trọng hơn trong Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, chính quyền cộng sản Trung Quốc rất lo ngại, nhất là việc chính phủ Nhật cùng với Hoa Kỳ quyết định bảo vệ Đài Loan nếu bị Trung Quốc tấn công. Nhân dịp ngành giáo dục Nhật Bản phát hành sách giáo khoa mới cho niên học tới, Bắc Kinh đã phản đối chính phủ Nhật Bản không nhìn nhận lỗi lầm của mình trong thế chiến II khi xâm chiếm và sát hại hàng triệu người Trung Quốc. Trong thực tế, năm nào sách giáo khoa của Nhật cũng giữ nguyên nội dung về vai trò của Nhật Bản trong thế chiến II, nhưng lần này Bắc Kinh muốn thông qua những cuộc biểu tình chống Nhật để cảnh cáo Tokyo không nên hỗ trợ Đài Loan.

Sự phản đối của dân chúng Trung Quốc là chính đáng, vì trong thế chiến qua quân Nhật đã rất tàn ác không những đối với người Trung Quốc mà cả với người Đại Hàn và tất cả những dân tộc sinh sống trong vùng Đông Nam Á. Nhưng chính quyền Trung Quốc, nhất là đảng cộng sản, không đủ tư cách để phê phán Nhật Bản về những vụ thảm sát này. Lý do là từ khi lên cầm quyền cho đến nay, đảng cộng sản đã giết hại hàng chục triệu thường dân Trung Quốc bởi những chính sách dã man dưới các tên thật kêu như Cải cách ruộng đất, Bước nhảy vọt lớn, Cách mạng văn hóa, v.v. Số người bị chính đảng cộng sản sát hại cao hơn gấp nhiều lần số người bị quân Nhật tàn sát trong thế chiến II. Do đó không phải người Trung Quốc giết người Trung Quốc thì được tha còn người ngoại quốc giết người Trung Quốc thì bị lên án. Giết người là một tội ác.

Thật ra chính phủ Nhật cũng đã nhiều lần tuyên bố tạ tội chính thức trước dư luận quốc tế, như thủ tướng Murayama đã bày tỏ trước hội nghị các nước châu Á năm 1995 và của thủ tướng Koizumi hồi tháng 5-2005 vừa qua, nhưng hình như không người Trung Quốc nào biết đến vì không được thông tin. Cho dù những lời tạ tội của chính phủ Nhật chưa được thành khẩn, nhưng ít ra họ cũng đã bày tỏ sự ân hận và chịu bồi thường cho những quốc gia nạn nhân. Từ năm 1979 tới nay, chính phủ Nhật Bản đã viện trợ cho Trung Quốc những khoản tiền khổng lồ để giúp xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế.

Còn Đảng Cộng Sản Trung Quốc ? Chưa bao giờ ! Cho đến nay, các sách giáo khoa thư của Trung Quốc không hề nhắc tới những sai lầm của đảng cộng sản sau khi làm hàng chục triệu người chết oan từ khi cướp được chính quyền. Một sự thật chưa bao giờ được Đảng Cộng Sản Trung Quốc công bố là năm 1964, trong cuộc hội kiến giữa Mao Trạch Đông và hai ông Sasaki - Kuroda (thuộc đảng xã hội cầm quyền tại Nhật lúc đó), Nhật Bản đã tỏ ý muốn tạ tội cùng nhân dân Trung Quốc về những thiệt hại mà quân đội họ đã gây ra, nhưng Mao từ chối : "*Các ông không cần phải xin lỗi vì nếu không có quân Nhật vào đánh quân Tưởng Giới Thạch lúc đó, nhân dân Trung Quốc đã không thể chiếm được quyền lãnh đạo Trung Quốc*".

Trong khi đó, thay vì sợ sệt, dân chúng Nhật Bản yêu cầu chính phủ họ làm áp lực mạnh hơn nữa để tự do và dân chủ được thiết lập tại Trung Quốc, có như thế người dân Trung Quốc mới có được những thông tin trung thực và có thể thực hiện những quyền tự do và dân chủ của mình.

Nói tóm lại, sự giật dây của Bắc Kinh sau lưng những cuộc biểu tình chống Nhật chỉ là một nước cờ tính lộn, không những đã gây thiệt hại cho uy tín của Trung Quốc trên trường quốc tế mà cho cả sinh hoạt kinh tế trong nước, mà nạn nhân đầu tiên là hai thành phố lớn nhất nước, Thượng Hải và Bắc Kinh. Vì không được thông tin đầy đủ, những người xuống đường biểu tình tại hai thành phố này, tưởng được chính quyền khuyến khích, đã tỏ ra dữ tợn hơn những nơi khác. Sự kiện này làm xấu đi hình ảnh Trung Quốc trên trường quốc tế : người ta thấy một Trung Quốc hung hãn, vừa mới bắt đầu phát triển đã để lộ móng vuốt bá quyền khu vực, hăm dọa những quốc gia lân bang. Giới đầu tư quốc tế rất e ngại tâm lý này lan rộng, đang tìm đường rút lui. Các quốc gia giàu có phương Tây cũng đang nghiên cứu những biện pháp ngăn chặn hàng hóa Trung Quốc nhập khẩu ồ ạt vào lãnh thổ của họ.

Người ta cũng nghi ngờ ý đồ tranh giành quyền lực giữa hai phe Bắc Kinh và Thượng Hải trong nội bộ Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Những cuộc xuống đường biểu tình chống Nhật này gây thiệt hại cho Thượng Hải nhiều hơn là Bắc Kinh. Chỉ riêng trong tháng 4-2005, giá bất động sản ở Thượng Hải đã giảm 30% (trước đó từ tháng 10-2004 đến tháng 3-2005 tăng 80%), làm thiệt hại hàng tỷ USD. Nếu những tính toán chiến thuật này tiếp tục, Đảng Cộng Sản Trung Quốc sẽ rất khó duy trì được sự đoàn kết nội bộ và cũng khó giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ.

**Nguyễn Long Vân (Kanagawa)**

# LIÊN HIỆP CHÂU ÂU VẤP NGÃ

## Nước Pháp chao đảo và bối rối

*Nguyễn Gia Kiểng*

Trong vòng ba ngày, Pháp và Hòa Lan, hai nước giàu mạnh, sáng lập viên của Liên Hiệp Châu Âu, đã bỏ phiếu chống dự án hiến pháp châu Âu. Giấc mơ một châu Âu thống nhất với 500 triệu dân và một sức mạnh kinh tế lớn nhất thế giới tan theo mây khói, ít nhất trong một thế hệ. Liên Hiệp Châu Âu giống như một căn nhà đã xây cất gần xong rồi bỏ ngang.

Tiếng NEE của cử tri Hòa Lan khá giản dị. Họ không muốn đi xa hơn trong sự thống nhất. Đối với họ quan hệ hòa bình và hợp tác hiện nay là đủ rồi. Hòa Lan là một ngoại lệ của châu Âu lục địa, tiếp tục tăng trưởng mạnh và vẫn giữ được liên đới xã hội ở mức độ cao trong khi hầu hết các nước khác đều trì trệ. Mặt khác, Hòa Lan nhỏ hẹp và ít dân sẽ không thể có tiếng nói quyết định trong các chính sách của một châu Âu thống nhất, đặc biệt là chính sách về di dân. Vả lại Hòa Lan đã gần như thống nhất trong khối Schengen của sáu nước phát triển và dân chủ nhất châu Âu rồi. Tóm lại, sự từ chối của Hòa Lan là thái độ của một học sinh xuất sắc không muốn hội nhập hơn nữa vào một lớp học xô bồ.

Tiếng NON của dân Pháp phức tạp hơn nhiều. Nó là tiếng thét hỗn tạp của những phần tử chống việc thành lập Liên Hiệp Châu Âu với những lý do trái ngược, vì thấy nó đã đi quá xa hay ngược lại vì thấy nó đi không đủ xa, vì thấy nó quá tư bản hay ngược lại vì thấy nó quá xã hội. Đảng phát-xít Le Pen chống châu Âu vì nó theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và kỳ thị. Đảng cộng sản Pháp và nhóm Trotskyist (cộng sản đệ tứ) chống Liên Hiệp Châu Âu, như họ chống lại tất cả những gì mà mọi chính quyền Pháp, dù tả hay hữu, kêu gọi; cả hai khuynh hướng này đòi một châu Âu theo chủ nghĩa Marx, nghĩa là một châu Âu không thể có. Cánh hữu trưởng giả và quý tộc của De Villiers muốn bảo vệ chủ quyền và sự tinh hoa của nước Pháp. Và dĩ nhiên lúc nào cũng có những chính khách cơ hội, khai thác tất cả mọi bất mãn cho tương lai chính trị của mình, lần này nổi bật nhất là Laurent Fabius, nhân vật số 2 của đảng Xã Hội. Những lý do mâu thuẫn để chống Liên Hiệp Châu Âu của người Pháp phần nào cũng thể hiện giữa các nước châu Âu. Thí dụ người Hòa Lan bất mãn vì chính sách nông nghiệp chung của Liên Hiệp tài trợ quá nhiều cho nông dân Pháp, trong khi nông dân Pháp phẫn nộ vì cho rằng mức tài trợ quá thấp.

Nếu cả hai sự từ chối của Pháp và Hòa Lan đã được dự báo từ nhiều tuần lễ trước đó thì cường độ của chúng (55% tại Pháp và 62% tại Hòa Lan) không khỏi gây ngạc nhiên. Đã có sự hấp tấp và vụng về trong chính phát triển của Liên Hiệp, số thành viên đã tăng vọt từ 15 lên 25 trong vòng vài năm, với nhiều nước khác sắp được kết nạp. Các thành viên mới đều là những nước cộng sản cũ, tất cả đều ở mức phát triển thấp hẳn so với Tây Âu, nòng cốt của

Liên Hiệp, và trong một vài trường hợp chưa thực sự hoàn tất tiến trình dân chủ hóa; các nước này được cảm nhận như một gánh nặng ít nhất trong một thời gian cho các nước Tây Âu. Thêm vào đó, từ một vài năm nay châu Âu lại là khu vực trì trệ nhất về kinh tế, mức tăng trưởng thấp so với thế giới, đôi khi gần với số không, tỷ lệ thất nghiệp cao và tiếp tục gia tăng. Cử tri Pháp đã bỏ phiếu chống hiến pháp châu Âu chủ yếu vì họ bất mãn với chính quyền của chính họ và cách phản ứng này cũng không có gì là lạ. Giọt nước làm tràn ly là dự định kết nạp Turkey, một nước Hồi giáo về địa lý không thuộc châu Âu và về văn hóa không chia sẻ các giá trị Thiên Chúa giáo được coi là nền tảng của châu Âu.

Tuy nhiên, những lý do này không đủ để giải thích sự chống đối mạnh mẽ của người Pháp, nhất là sự thay đổi lập trường đột ngột của họ. Mới cách đây không đầy một năm, các cuộc thăm dò dư luận còn cho thấy có tới 70% người Pháp ủng hộ dự án hiến pháp. Phải có một cái gì đó rất căn bản khiến người Pháp, cũng như những người Tây Âu khác, trong một lúc đã quên rằng sự thống nhất châu Âu vừa tự nhiên vừa bắt buộc.

Các biên giới quốc gia tại châu Âu không phải là những biên giới tự nhiên và lâu đời. Ngay cả các quốc gia châu Âu cũng thế. Cho đến thế kỷ 8 trên miền được gọi là châu Âu chỉ có những lãnh địa nhỏ với vài ngàn dân, thậm chí vài trăm dân, với các lãnh chúa là các chiến binh dần dần biến thành địa chủ. Sự hình thành các chính quyền tại châu Âu cũng giống như ở mọi nơi trên thế giới: những đảng cướp du thủ du thực từ xa tràn tới trấn áp và thống trị những người dân hiền lành, bắt họ làm nô lệ nộp thuế, xây lâu đài và đi lính cho chúng, rồi với thời gian trở thành quý tộc và vua chúa.

Tên gọi "Europe" xuất hiện lần đầu tiên năm 732 khi một lãnh chúa, Charles Martel, khuất phục được nhiều lãnh chúa khác và đánh bại một cuộc xâm lăng của một đám rợ đến từ phía Đông. Ưu thế của Charles Martel là đã biết dựa vào Thiên Chúa giáo, tôn giáo đang phát triển mạnh trong dân gian lúc đó, và dùng Thiên Chúa giáo như một dụng cụ cai trị. Trong thế kỷ sau, cháu nội của Charles Martel là Charlemagne chinh phục được phần đất gồm Tây Âu và một phần của Đông Âu hiện nay. Châu Âu đã hình thành và mở rộng cùng với sự phát triển của Thiên Chúa giáo. Nếu Charlemagne chỉ có một con thì lịch sử châu Âu đã khác và các nước châu Âu có lẽ đã không có. Nhưng Charlemagne đã có nhiều con, hai trai và một gái, và đã chia đất cho các con trước khi chết. Con cháu Charlemagne cũng hành xử như thế và nhiều vương quốc xuất hiện, với các biên giới thay đổi, một cách thường xuyên theo những thừa kế và cưới gả. Những phân chia giả tạo này đã là

nguyên nhân của những tranh chấp liên tục và đẫm máu. Các vương quốc ra đời rồi bị sáp nhập, các biên giới thay đổi không ngừng. Cho đến đầu thế kỷ 19, trên phần đất của nước Đức hiện nay còn 38 vương quốc liên tục gây chiến với nhau. (Triết lý lịch sử của Hegel theo đó nguyên lý vận hành của lịch sử là sự xung đột giữa các quốc gia dần dần dẫn đến thống nhất về một mối chủ yếu do quan sát tiến trình thống nhất nước Đức và cũng nhắm mục đích biện minh cho sự chính đáng lịch sử đế quốc Đức).

Riêng trong nửa đầu của thế kỷ 20, những tranh chấp đất đai và ảnh hưởng tại châu Âu đã đưa đến hai cuộc thế chiến thảm khốc làm hàng chục triệu người thiệt mạng.

Sau thế chiến II, một đồng thuận áp đảo xuất hiện, đó là phải thống nhất châu Âu để dừng bao giờ xảy ra những cuộc chiến như vậy nữa. Liên Hiệp Châu Âu được khai sinh năm 1950 với Liên Hiệp Than và Thép châu Âu gồm sáu nước Tây Âu rồi dần dần được tăng cường với hậu thuẫn mạnh mẽ của quân chúng, trở thành Thị Trường Chung châu Âu, rồi Cộng Đồng Châu Âu, cuối cùng là Liên Hiệp Châu Âu với tham vọng trở thành một hình thức liên bang mới, đủ tầm vóc và gắn bó để cạnh tranh một cách hiệu lực với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và khối châu Mỹ La-Tinh, đứng đầu là Brazil. Sự hình thành của Liên Hiệp Châu Âu đã có hiệu quả mong đợi : các mối căng thẳng đã hầu như biến mất, châu Âu đã có hòa bình ổn vững và, cùng với hòa bình, sự phồn vinh. Không những thế, sự hợp tác thân thiện và chặt chẽ đã cho phép họ đạt những thành tựu mà không một nước châu Âu nào đủ sức làm một mình, như chương trình không gian Ariane, hay máy bay khổng lồ Airbus 380. Một cách gián tiếp, sự thành công của Liên Hiệp Châu Âu cũng đã đóng góp làm sụp đổ khối cộng sản. Cho tới vài năm gần đây, đồng thuận về một châu Âu thống nhất mạnh đến nỗi người châu Âu có thể chấp nhận bất cứ gì để thực hiện nó. Nhưng có lẽ chính sự sụp đổ của khối cộng sản đã phần nào khiến người ta không còn nhìn thấy sự cần thiết của liên hiệp như trước nữa.

Sự từ chối hiến pháp Liên Hiệp của cử tri Pháp có ý nghĩa của một sự khai tử đối với dự án này. Vấn đề một hiến pháp châu Âu sẽ không đặt ra trong ít nhất một thập niên nữa và Liên Hiệp Châu Âu sẽ gần như dậm chân tại chỗ trong sự thiếu vắng một nền tảng pháp lý cần thiết cho những quyết định quan trọng.

Quyết định áp đảo của cử tri Pháp còn đặc biệt đau đớn cho Liên Hiệp, giống như một cơn nhồi máu cơ tim, vì ý kiến thống nhất châu Âu gần như hoàn toàn là của Pháp. Ngay từ thế kỷ 19, Victor Hugo đã nói tới giấc mơ một châu Âu thống nhất trong sự tôn trọng các khác biệt. Cha đẻ của Liên Hiệp Châu Âu là Robert Schuman, ngoại trưởng Pháp ; đề nghị một hiến pháp châu Âu cũng là của Pháp ; Ủy ban soạn thảo hiến pháp do một cựu tổng thống Pháp, ông Valéry Giscard d'Estaing chủ tọa. Vậy mà Pháp lại là nước đầu tiên từ chối hiến pháp này, và từ chối một cách dứt khoát.

Lý do căn bản nhất trên bình diện châu Âu cho sự

khủng hoảng này là chính mô thức dân chủ xã hội của châu Âu cần được xét lại. Đây là một mô hình đã chứng tỏ tính nhân bản của nó, nhưng nó đã không cho phép châu Âu cạnh tranh với mô thức thuần túy thị trường và lợi nhuận của châu Mỹ và châu Á. Các biện pháp cải tổ bắt buộc theo chiều hướng thị trường dĩ nhiên là rất mất lòng dân, trong khi những người lãnh đạo Tây Âu không đủ can đảm để giải thích thẳng thắn với dân chúng và lấy hành động dứt khoát. Chính đảng nào cũng chờ đợi đối phương lấy những quyết định cần thiết nhưng thất nhân tâm để khai thác và giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử. Mỗi lần bắt buộc phải đưa ra một biện pháp như hối họ giải thích là do bắt buộc của việc thành lập Liên Hiệp Châu Âu. Cuối cùng họ biến Liên Hiệp Châu Âu thành đáng ghét đối với cử tri.

Nhưng cú sốc lớn nhất đã đến từ Pháp với những lý do riêng của nước Pháp. Một mặt, từ nhiều thập niên qua, Pháp thiếu những người lãnh đạo đủ can đảm để làm những cải tổ thực sự. Cả cánh tả lẫn cánh hữu đều đua nhau tranh luận my dân, lấy lòng khuynh hướng trông đợi ở một nhà nước bao cấp và tài trợ, cuối cùng các vấn đề chồng chất thêm và khó khăn thêm, và cả giai cấp chính trị bị mất tín nhiệm. Cuộc bỏ phiếu vừa qua đã là cuộc bỏ phiếu bất tín nhiệm nhân sự chính trị Pháp. Cá nhân tổng thống Chirac cũng là một lý do đưa đến thất bại của châu Âu trong cuộc tuyển cử vừa rồi. Ông mấy uy tín ngay trong đảng UMP của mình. Người Pháp nhìn ông như một chính khách vô nguyên tắc và họ không hoàn toàn vô lý.

Mặt khác, nước Pháp hình như vẫn chưa ra khỏi các khủng hoảng căn cước đã bắt đầu từ thế chiến II. Trước đó Pháp là một đế quốc. Nhưng Pháp đã bại trận và sau đó đã bị nhiều nước qua mặt. Ngày nay Pháp vẫn còn là một nước dân chủ giàu mạnh nhưng chỉ còn là một cường quốc trung bình với 60 triệu dân, số người sử dụng tiếng Pháp trên thế giới chưa tới 100 triệu. Pháp cần một ý thức và một định nghĩa quốc gia mới. Pháp đã dùng đảng trước cuộc khủng hoảng căn cước này, cụ thể là vấn đề trả độc lập cho các thuộc địa cũ trong hơn một thập niên. Sau đó De Gaulle đã trở lại cầm quyền với một quan niệm sai về quốc gia, theo đuổi chính sách vĩ đại (politique de grandeur) mà Pháp không thể có. Sau De Gaulle là những chính khách thiếu cả tầm vóc lẫn sự dũng cảm, không động viên được dân chúng để làm những cố gắng và hy sinh cần thiết, vị trí của Pháp trên thế giới ngày càng giảm sút trong khi những khó khăn ngày càng gia tăng. Pháp vẫn còn thiếu một quan niệm về quốc gia phải có, đó là coi quốc gia như một tình cảm, một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Một quốc gia được quan niệm như vậy sẽ rất thoải mái trong một Liên Hiệp Châu Âu lớn mạnh.

Châu Âu vừa vấp ngã chủ yếu do sự chao đảo và bối rối của Pháp. Những ngày trước mắt sẽ khó khăn. Tuy nhiên các nước châu Âu đều là những nước dân chủ và dân chủ có những sức mạnh riêng của nó. Một trong những sức mạnh này là khả năng phản bác, xét lại chính mình, thay đổi và tiếp tục tiến tới.

**Nguyễn Gia Kiểng**

# ĐỪNG SỢ DÂN CHỦ !

*Trong buổi gặp gỡ cộng đồng người Việt tại Praha, Cộng hòa Tiệp, ngày 22-5-2005, ông Bùi Tín đã phát biểu như sau:*

Thưa các vị và các bạn,

Trước hết tôi xin gửi đến các vị và các bạn lời chào thân thiết nhất. Phần lớn bà con ta ở Tiệp hiện nay đã ra đi từ miền Bắc nước ta, từng sống dưới chế độ gọi là xã hội chủ nghĩa, như hoàn cảnh của tôi, do đó tôi cảm thấy cuộc gặp mặt này thật là thân thiết và ấm cúng.

Tôi lại càng xúc động vì hai lần trước tôi đến Praha thì Tiệp còn là một nước trong phe xã hội chủ nghĩa, mà các bạn Tiệp từng là thành viên của Hiến chương 77 gọi là thời kỳ bị Liên Xô "thống trị như một thuộc địa của họ", nay Tiệp đã là một nước hoàn toàn độc lập, dân chủ, gia nhập Liên Hiệp Châu Âu. Tôi vui mừng thấy bà con ta có may mắn làm việc, học tập và kinh doanh trong một môi trường tự do, có pháp luật nghiêm minh, bình đẳng cho mọi người.

Môi trường dân chủ, tự do là **một tầng cao văn hóa hơn hẳn** môi trường độc đoán, độc đảng, tạo cho mỗi con người trong môi trường ấy điều kiện để nảy nở hết tài năng sáng tạo, sống tự do thoải mái, ngẩng cao đầu, không phải e dè sợ hãi trước cường quyền áp chế. Được hưởng không khí tự do, chúng ta thông cảm sâu sắc hơn với bà con ruột thịt ở trong nước vẫn còn chịu cảnh thiếu tự do, nhân phẩm bị xúc phạm.

Năm nay, kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám và 30 năm thống nhất đất nước. Trong nước đang tổ chức nhiều lễ hội ồn ào, hình thức tốn kém, chỉ để tô vẽ cho vai trò chính đáng lãnh đạo đất nước của đảng cộng sản khi uy tín của đảng xuống thấp nhất, sự chia rẽ từ trên hàng ngũ lãnh đạo cao nhất trở nên cực kỳ gay gắt, khi **đảng đã thất bại rõ ràng** trong chống "giặc tham nhũng", trong bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và lãnh hải của Tổ quốc, trong thu hẹp khoảng cách về sản xuất và đời sống với các nước láng giềng, trong thu hẹp khoảng cách giữa những kẻ giàu và người nghèo trong xã hội...

Đúng vào dịp kỷ niệm này, từ trong nước vang lên liên tiếp những tiếng nói yêu cầu đảng từ bỏ chế độ độc đảng lạc hậu và có hại - nguồn gốc của mọi bế tắc hiện nay, bắt đầu xây dựng **chế độ đa nguyên đa đảng** để huy động mọi nội lực của dân tộc vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đó là yêu cầu của các nhà dân chủ kiên cường Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Trần Khuê..., của các nhà dân chủ trẻ quý mến Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Đỗ Nam Hải..., các nhà tu hành Thích Quảng Độ, Thích Huyền Quang, Nguyễn Văn Lý... Thậm chí các trí thức hàng đầu trong cơ chế như các ông Lê Đăng Doanh, Trần Văn Hà, Phan Đình Diệu và nhà bác-xít số một Hoàng Tùng cũng nhìn thấy cái khiếm khuyết của bộ máy cai trị là ở chỗ độc đoán, phản dân chủ. Tất cả đều chỉ rõ : chế độ độc đảng, một mình một chiếu, không có lực cân bằng, không có ganh đua và kiểm soát,

đảng đứng trên và đứng ngoài pháp luật, là nguyên nhân của những nguyên nhân chậm tiến, trì trệ, quan liêu, tham nhũng, rút ruột ngân sách và nguyên vật liệu quy mô kinh hoàng hiện nay.

Từ tháng 8 năm 1945, sau khi đảng cộng sản cùng nhân dân khởi nghĩa cướp chính quyền, lẽ ra đảng phải chịu sự kiểm soát của nhân dân qua những cuộc bỏ phiếu thật sự tự do định kỳ 3 hoặc 5 năm - như phần lớn các nước khác, nhưng đảng đã ôm chặt lấy chính quyền không chia xẻ cho ai, đi vào con đường độc đảng, độc quyền, độc đoán tệ hại suốt 60 năm dài. Tình hình đến nay không thể trì hoãn được nữa ; có thể nói là chậm, quá chậm rồi. Hơn 10 năm trước, các nhà lãnh đạo cộng sản còn chống chế, trì hoãn, vin vào các giá trị "châu Á" là quen vâng lời, quen theo đạo Khổng tôn trọng vua - quan (!), nhưng ngay sau đó hầu hết các nước châu Á : quân phiệt như chế độ Phác Chung Hy ở Nam Hàn, Tưởng Kinh Quốc ở Đài Loan, Marcos ở Philippines, Suharto ở Indonesia, chế độ các thống chế ở Thái Lan... đều đã đi vào con đường tiến bộ **dân chủ đa đảng**, với các cuộc bỏ phiếu tự do, được quốc tế công nhận, mở đường cho đất nước phát triển phồn vinh, hơn hẳn các nước độc đoán còn lại như Lào, Miến Điện, Bắc Hàn và Việt Nam.

Những tháng gần đây, các cuộc cách mạng không bạo lực, xây dựng dân chủ đa đảng ở Estonie, Lettonie, Lithuanie, ở Georgia và Kirghistan, ở cả Liban... được mang tên cách mạng hoa hồng, hoa cẩm chướng, hoa tuy-líp..., dẫn đầu bởi một số trí thức tiến bộ và các thanh niên đầy nhiệt huyết và trí tuệ, được cả loài người nức lòng cổ vũ, thúc đẩy quá trình dân chủ hóa trên toàn thế giới.

Mới đây, tại phòng họp của Quốc hội Pháp đã có một cuộc hội thảo Việt-Pháp về Việt Nam ; một nhà sử học phát biểu rằng thật là không có văn hóa, **phản văn hóa** khi đảng cầm quyền thực hiện chế độ toàn trị đối với chính nhân dân nước mình, đối với chính đồng bào của mình. Nhà báo Pháp nổi tiếng Jean Lacouture, từng ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam, từng viết sách ca tụng ông Hồ Chí Minh, nhân dịp này đã tự phản biện mình và sáng tạo ra danh từ mới để chỉ sự cai trị hà khắc nhẫn tâm của đảng cộng sản đối với chính dân mình, đó là từ : "**autocolonisation**", nghĩa là thi hành chính sách thực dân ngay đối với chính đồng bào của mình.

Các nhà lãnh đạo cộng sản nước ta hãy ngẫm nghĩ về cái danh từ mới này, thật thâm thúy, xác đáng. Và xin hãy biết xấu hổ !

Hãy biết xấu hổ để chấm dứt những cuộc bỏ phiếu "đảng cử dân bầu" nhạt nhẽo nhằm chán, chỉ làm trò cười cho công luận.

Vì tháng này còn có ngày sinh nhật của ông **Hồ Chí Minh** (19-5) nên cho phép tôi nói đôi điều cần thiết với các bạn, đặc biệt là các bạn trẻ. Giới lãnh đạo trong nước đến nay vẫn còn cố tình trưng ra tư tưởng Hồ Chí Minh để chứng

minh tính chính đáng cầm quyền của họ. Họ vẫn coi Hồ Chí Minh là Thần tượng, là Thánh sống, là Bồ tát, không hề có sai lầm, và buộc nhân dân phải sùng bái tuyệt đối. Tôi không đồng tình với những quan điểm như thế, nhưng tôi cũng không thể đồng tình với những người quá khích, chửi rủa ông bằng những danh từ xấu xa nhất. Tôi tôn trọng những đánh giá khác nhau về nhân vật lịch sử này, cũng như tôi cho rằng những nhận định cực đoan đều không đúng. Theo tôi, ông Hồ Chí Minh là con người, với tốt xấu, đúng sai, phải trái của mỗi con người. Mặt tích cực không phải là nhỏ ; ông đã lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng 8 và đứng đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi. Ông đã thành nhân vật lịch sử. Nhưng mặt khác, ông Hồ Chí Minh đã có những **lầm lẫn**, những **lầm lẫn** không nhỏ. Dịp này, tôi chỉ mạnh dạn đưa ra một **lầm lẫn lớn nhất, cực kỳ tai hại** của ông. Khi 30 tuổi, anh Nguyễn Tất Thành dự một cuộc họp của đảng Xã hội Pháp, anh thú nhận lúc ấy còn non nớt về chính trị, chưa hiểu gì các danh từ chính trị, nhưng anh đã vội đặt hết niềm tin ở Quốc tế cộng sản III ; ngay sau đó anh đọc được một bài luận văn của Lênin, đã vội ôm vào ngực hét toáng lên rằng : chân lý đây rồi, con đường đúng đây rồi. Rồi Hồ Chí Minh sang Moskva, sống hàng chục năm làm việc, học tập dưới quyền Stalin, để sau này cả quyết tại Đại hội II đảng cộng sản (1952) rằng : "*Bác bảo đảm rằng hai đồng chí lãnh tụ của chúng ta Staline và Mao Trạch Đông không bao giờ phạm sai lầm !*". Bây giờ mọi sự đã rõ như 2 với 2 là 4. Chủ nghĩa Mác-Lê đã phá sản triệt để cả về lý luận và thực tiễn. Liên bang xô viết và đảng Cộng sản Liên Xô vang bóng một thời đã mất tiêu. Sai lầm và tội ác của Xít và Mao kể ra, có chứng minh, hàng pho sách ! Ai muốn tìm hiểu, xin vào các thư viện, cửa hàng sách quốc tế, các mạng web...

Tôi không nghĩ ông Hồ Chí Minh cố tình gây tội ác, cố tình phá hoại. Tôi thận trọng, vì theo luật pháp cần phân biệt ngộ sát với cố sát. Có thể ông vẫn nghĩ rằng chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa xã hội theo kiểu của Lênin và Stalin là tốt đẹp nhất, như cả một tầng lớp trí thức châu Âu những năm 50, 60 của thế kỷ trước đã **lầm tưởng** một cách hăng say và vụng dại.

Lầm lẫn của một con người luôn xảy ra. Nhưng lầm lẫn của một nhà lãnh đạo, của một đảng lớn, tự cho là duy nhất đúng, suốt hơn 75 năm, với 60 năm dài cầm quyền, với một **học thuyết đầy ảo tưởng**, thì thật là kinh khủng, kinh hoàng ! Máu đổ bao nhiêu ? Nước mắt bao nhiêu ? Khổ ải lầm than bao nhiêu ? Tật hậu bao nhiêu ? Phí phạm thời gian của dân tộc bao nhiêu ? Mà nay vẫn chưa thoát. Thật là ghê rợn ! Các thế hệ tiếp nối còn phải gánh chịu biết bao hậu quả dai dẳng. Mọi sự đều có hạn, cả sự lầm lẫn và mù quáng nữa chứ !

Vì vậy, nhân dịp này tôi xin được cùng các nhà dân chủ trong và ngoài nước kêu gọi các nhà lãnh đạo cộng sản hãy suy nghĩ về hiện tình đất nước, chớ nên huênh hoang kiểu "tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại", thực hiện ngay nền dân chủ đa đảng, **trả lại cho nhân dân các quyền cơ bản** ghi trong hiến pháp : tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn

giáo, tự do bầu cử mà nhân dân một số nước đã được hưởng từ 200 năm nay.

Tôi mong bà con ta nhất là tuổi trẻ trong và ngoài nước hãy nhân dịp này **thảo luận rộng rãi về nền dân chủ có lợi hay hại ra sao** và làm thế nào để sớm hòa nhập về mọi mặt với thế giới dân chủ hiện tại.

Đài phát thanh Pháp RFI vừa hỏi tôi muốn nhắn gì đến các nhà lãnh đạo ở Hà Nội ; tôi trả lời : "*Xin các vị **đừng sợ hãi nền dân chủ ! Bầu cử dân chủ là giá trị cao quý nhất của thời đại. Vận động bầu cử, tranh cử ngay thật rất lương thiện, hấp dẫn, bổ ích, sôi động hứng thú lắm. Các vị cứ thực hiện mà xem. Hãy biết **sự trách nhiệm trước lịch sử** nếu các vị một mực chống lại nền dân chủ đích thật !***".

Cuối cùng xin báo cùng các bạn tin mừng : hôm thứ năm trước, chúng tôi gặp một số nhân vật chính trị Tiệp của Phong trào **Hiến chương 77** ; các bạn Tiệp đều tán thành và nhiệt tình ủng hộ cuộc đấu tranh dân chủ hóa Việt Nam của chúng ta, yêu cầu nhận được những thông tin đầy đủ về đấu tranh của các chiến sĩ dân chủ trong nước, còn dự định lập ra Ủy ban ủng hộ dân chủ cho Việt Nam, như đã có Ủy ban ủng hộ dân chủ cho Cuba mà nhà dân chủ tuyệt vời Havel là chủ tịch.

Xin cảm ơn các bạn đã lắng nghe và chúc các bạn trong cộng đồng, cả các bạn vì điều kiện ngoài ý muốn không đến được, lời chúc chân thành đạt thật nhiều kết quả, thành tựu trong công việc, kinh doanh và học tập trên đất Tiệp tự do và tươi đẹp này.

**Bùi Tín (Praha)**

### **Ghi nhanh bên lề hội thảo**

Trong cuộc trao đổi ý kiến sau đó, một bạn trẻ trong nước, qua mạng *Paltalk*, hỏi nhà báo Bùi Tín : "Sắp tới thủ tướng Phan Văn Khải sẽ công du sang Mỹ, xin hỏi nhà báo Bùi Tín nếu được hỏi ý kiến thì ông sẽ khuyên ông Khải nói những gì với tổng thống Bush ? Ông Khải có nên đặt vấn đề về vụ kiện liên quan đến chất độc màu da cam với ông Bush không ? Nếu gặp đại diện cộng đồng, ông Khải nên nói điều gì ?".

Nhà báo Bùi Tín đã trả lời như sau : "Theo ý tôi, ông Khải nên nói với ông Bush đại thể và vắn tắt như sau : bộ chính trị chúng tôi *lấy làm tiếc* về việc hồi năm ngoài đã có nhận định của bộ quốc phòng chúng tôi không đúng về Hoa Kỳ (ý nói về nghị quyết ngày 24-8-2004 của bộ Quốc phòng do Tổng cục 2 thảo ra chỉ rõ Hoa kỳ vẫn là *kẻ thù nguy hiểm* có âm mưu diễn biến hòa bình để lật đổ chính quyền, điều này chắc chắn ông Bush đã biết rõ ; về ngoại giao, công thức "lấy làm tiếc" thường được coi là lời xin lỗi chính thức). Từ nay chúng tôi *coi trọng* việc thắt chặt quan hệ về mọi mặt với các nước dân chủ như Hoa Kỳ, Liên Hiệp Châu Âu, Nhật bản, Úc... không kém gì với Trung Quốc và các nước ASEAN (có nghĩa là đường lối đối ngoại không còn như trước, không còn gấn bó ưu tiên với Trung Quốc, từ bỏ "giải pháp đờ" là gấn bó chặt các nước cộng sản còn rớt lại, lấy Trung Quốc làm trụ). Về đối nội chúng tôi đang chuẩn bị cho Đại hội X theo hướng *dân chủ*

đa đảng trong trật tự, với các quyền tự do ngôn luận báo chí, tự do tôn giáo và bầu cử tự do theo những tiêu chuẩn quốc tế thông thường.

Ông Khải không nên nói gì đến vụ chất độc màu da cam vì Hà Nội đã *vung về và lộ liễu sử dụng vụ án pháp lý này như một vụ án chính trị*, khơi lại căm thù, qua những chiến dịch thu nhặt thật nhiều chữ ký làm áp lực, với những con số tự tạo thổi phồng quá đáng, không có cơ sở khoa học và bằng chứng pháp lý, trong khi phía Việt Nam cũng đã dùng hóa chất làm phân bón một cách liên tục, quy mô lớn và thiếu thận trọng... Do đó theo luật pháp, vụ kiện đã bị bác và khó lòng đổi khác. Các nạn nhân thật sự lại thêm là nạn nhân của một lầm lẫn tệ hại do chủ quan, duy ý chí, thiếu hiểu biết.

Với cộng đồng, ông Khải nên có dũng khí nói hai chữ "xin lỗi" về sự đối xử quá đáng (bỏ tù gần 300.000 sĩ quan, viên chức, phân biệt đối xử với gia đình sĩ quan, viên chức thuộc chính quyền cũ, bán bãi bán tàu bán chỗ thu vàng, cưỡng bức đi kinh tế mới, gây nên số chết trên biển chưa thống kê được - có ước lượng từ 50.000 đến 300.000 người). Ông nên báo tin trong nước sẽ tổ chức, ví dụ như vào dịp Lễ xá tội vong nhân rằm tháng 7 ta năm nay nhân 30 năm chấm dứt chiến tranh, một cuộc *cầu siêu và cầu kinh* trong toàn quốc cho tất cả vong linh của mọi người chết trong chiến tranh (1945-1975), không phân biệt ở bên nào.

Với nội dung trên, tôi cho rằng chuyến đi của ông Khải sẽ có tác dụng nhanh chóng, sâu sắc, lâu bền, bằng hàng ngàn cuộc kêu gọi đầu tư, bằng hàng trăm Nghị quyết 36, nó sẽ đúng là một chuyến đi *lich sử*, làm nên lịch sử, mở ra một thời kỳ phát triển hoàn toàn mới cho đất nước; cả nhân dân Mỹ và bà con cộng đồng sẽ tiếp sức, có thể nói là dốc sức, theo quy mô không ai lường nổi về tiền của, tài năng, chất xám cho nước Việt Nam *thật sự thống nhất, thật sự hòa giải và hòa hợp trong tình anh chị em ruột thịt* đã trở lại sau hơn nửa thế kỷ chia lìa và chiến tranh. *Việt Nam sẽ cất cánh từ đây!* Mong rằng bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam không bỏ qua một cơ hội cực kỳ hiếm này".

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là một kết hợp của những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ, bao dung và giàu mạnh, một nước Việt Nam mà những con người ngày hôm nay có thể chấp nhận được và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Mục tiêu gần và cũng thiết thân nhất của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là đấu tranh thiết lập một thể chế dân chủ đa nguyên trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc bằng những phương thức bất bạo động.

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên qui tụ những người Việt Nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

## **ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN**

### **Thanh niên Việt Nam**

## **GIÚP NẠN NHÂN SỐNG THẦN**

Ngày 21-5-2005, đại diện một số hội đoàn Việt vùng Paris đã giao cho hội UNICEF Pontault Combault, một thành phố phía đông Paris, một ngân phiếu 6.371 Euros để trợ giúp nạn nhân sống thần cuối năm 2004 vừa qua tại Đông Nam Á. Ngân phiếu này đã được giao lại cho ông Joseph Perret, đại diện UNICEF địa phận Seine et Marne.

Số tiền tuy không nhiều nhưng đã thể hiện một tấm lòng lớn của thanh niên Việt Nam tại Pháp. Đây không phải lần đầu tiên những thanh niên này giúp đỡ nạn nhân thiên tai trên thế giới, nhưng những giúp đỡ của họ trước kia chỉ là hỗ trợ những công tác sẵn có. Lần này đại diện một số hội đoàn Việt Nam vùng Paris và phụ cận (*Hội Thanh Niên Giáo Xứ Việt Nam tại Paris, Hội Thanh Thiếu Niên Việt Nam, Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Paris, Hội Y Giới Việt Nam Tự Do, hội Măng Non, Hội Quang Trung và Liên Minh Dân Chủ Việt Nam*) đã tự lấy sáng kiến quyên góp và bán những huy hiệu của UNICEF trong những ngày cuối tuần hay dịp hội chợ để gây quỹ cứu trợ.

Tổng số tiền thu được là 7.191 euros, trong đó 820 euros tặng cho các tổ chức phi chính phủ như *La Chaine d'Espoir, Secours Catholique, Médecins du Monde*, số còn lại (6.371 euros) tặng cho UNICEF Pontault Combault, do bà Cuny Cẩm Phượng, phu nhân cố chí hữu Lê Văn Đăng, đại diện. Bà Cẩm Phượng cho biết sẽ dùng số tiền này để xây lại trường học, cung cấp nước uống, chích ngừa và bảo vệ những trẻ em bị lạm dụng tình dục trong vùng bị nạn.

Cũng nên biết nét đặc trưng của những hội đoàn người Việt tại Pháp từ trước đến nay được thành lập ra chỉ để tương trợ người Việt mà thôi, tại Pháp cũng như trong nước. Đa số hoạt động của các hội đoàn Việt Nam tập trung vào các lãnh vực văn hóa, xã hội và chính trị; rất ít tập trung vào các lãnh vực nhân đạo và từ thiện, trừ các hội đoàn tôn giáo. Khác với các bậc cha anh, những thanh niên Việt Nam được sinh ra và lớn lên tại Pháp muốn thể hiện tinh thần khác, tinh thần tương thân tương trợ giữa những con người với nhau chứ không riêng cho sắc tộc của mình, cộng đồng người Việt sinh sống tại Pháp.

Các anh Nguyễn Quốc Gia Bảo (Liên Minh Dân Chủ), Phạm Quang Minh Nguyên (Tổng Hội Sinh Viên) và Trần Vĩnh Cửu (Măng Non) đã lần lượt phát biểu về vai trò của các hội đoàn người Việt tại Pháp trong việc giúp đỡ những nạn nhân sống thần. Nguyễn Quốc Gia Bảo kết luận: "Tính cộng đồng không phải là sự khép kín vào chính mình mà là sự mở rộng sang những cộng đồng khác. Cộng đồng người Việt ngày nay đang thể hiện sự lớn mạnh của mình và đang mở rộng những hoạt động của mình sang những cộng đồng kém may mắn khác, đó cũng là một thể hiện của tính đa nguyên trong tâm hồn người Việt Nam. Trong tinh thần đó, hội nhập vào quốc gia tiếp nhận không phải là đánh mất bản thể mà là cách hay nhất để phát huy nét đặc trưng của cộng đồng mình".

Lê Văn Cẩm Phượng (Pontault Combault)

# Ra mắt Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Tiệp

Một tháng sau khi ra mắt phân bộ Đông Bắc Mỹ, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã ra mắt đồng bào tại Tiệp (Cộng Hòa Séc). Đây là một biến cố chưa từng có tại Tiệp. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là tổ chức đối lập dân chủ duy nhất có cơ sở tại các nước Đông Âu và các cơ sở này đang phát triển mạnh.

Việc ra mắt đã tiến hành theo hai đợt. Trước hết, ngày 19-5-2005, là buổi gặp gỡ với tổ chức Hiến Chương 77, tổ chức đã làm nên cuộc cách mạng nhưng đánh đổ chế độ cộng sản và thiết lập dân chủ, và sau đó trở thành đảng cầm quyền. Buổi trao đổi thân mật đã diễn ra giữa các thành viên cốt cán của Hiến Chương 77 và khoảng 20 chí hữu và thân hữu Tiệp tại nhà Văn Hóa Praha. Cựu tổng thống Vaclav Havel, lãnh tụ Hiến Chương 77, vì đang thăm viếng Hoa Kỳ đã không thể có mặt ; ông Jan Ruml, nghị sĩ, cựu bộ trưởng nội vụ, đã là vị khách quan trọng nhất. Bên cạnh ông là 8 vị dân biểu, nghị sĩ thuộc thành phần sáng lập Hiến Chương 77, trong đó có hai vị hiện lãnh đạo tổ chức "Giúp người cần giúp" do tổng thống Havel thành lập để yểm trợ những người dân chủ trên thế giới. Ngoài ra còn một số ký giả và nhà nghiên cứu.

Ông Nguyễn Gia Kiểng đã ngỏ lời cảm ơn và chào mừng quan khách Tiệp. Ông nói : *"Trước Mùa Xuân Praha 1968, tôi đã chỉ biết một cách mơ hồ đến Tiệp như là một dân tộc đã đấu tranh một cách rất chặt vật để giữ chủ quyền. Hành động đầu tiên của tôi đối với Tiệp là đã tham gia cuộc biểu tình tại London ngày 21-8-1968 chống lại cuộc xâm lăng của xe tăng Nga để đàn áp Mùa Xuân Praha. Sau đó, 30 mười năm sau vui mừng trước thắng lợi của cuộc cách mạng nhưng do Hiến Chương 77 lãnh đạo. Đó là thắng lợi của cả loài người văn minh. Hôm nay tôi hân hạnh được gặp tại thủ đô của nước Tiệp dân chủ những người mà tôi hằng ngưỡng mộ, những người đã làm ra lịch sử Tiệp và làm cho thế giới trở thành đẹp hơn. Chúng tôi tới đây để trình bày với quý vị về hoàn cảnh nước chúng tôi, nhưng chủ yếu là để được nghe quý vị và học hỏi những kinh nghiệm quý báu của quý vị"*.

Kế đó hai ông Nguyễn Gia Kiểng và Bùi Tín đã trình bày về hiện tình của cuộc vận động dân chủ tại Việt Nam và lập trường đấu tranh của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Các quan khách đã lần lượt phát biểu, nhắc lại những khó khăn trong hơn 20 năm của những người dân chủ Tiệp. Tất cả đều nhấn mạnh không phải vì số đông và phương tiện mà vì đã kiên trì giữ vững lòng tin. Họ đều bày tỏ sự ủng hộ nhiệt thành với những người dân chủ Việt Nam và tiếc rằng không được thông tin vì cho tới nay không có một lực lượng dân chủ Việt Nam nào hiện diện tại Tiệp. Họ mong mỗi một quan hệ thường xuyên và chặt chẽ với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên để có thể hỗ trợ cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam. Buổi tiếp xúc đã kết thúc bằng một bữa cơm tối thân mật. Bên lề cuộc tiếp xúc này, hai ông Nguyễn Gia Kiểng và Bùi Tín đã trả lời những cuộc phỏng

vấn của báo chí và các đài truyền hình.

Ba ngày sau, 22-5-2005, là một cuộc hội thảo với đồng bào Việt Nam tại Tiệp. Sứ quán Hà Nội đã ra thông cáo, với giọng điệu hằn học và hăm dọa, kêu gọi đồng bào tẩy chay buổi hội thảo. Họ cũng đã họp liên tiếp để tìm cách chống lại. Một thân hữu thuật lại rằng một trong những buổi họp này đã rất gây căng, đại sứ Bùi Khắc Bút đã mất kiên nhẫn trước thái độ "thiếu hăng say" của những người được ông động viên chống cuộc hội thảo. Những hành động phá hoại của sứ quán chắc chắn là có ảnh hưởng đáng kể đối với cộng đồng vì đại bộ phận đồng bào Việt Nam ở đây có thông hành Việt Nam và còn nhiều quan hệ thường xuyên với trong nước, hơn nữa họ cũng lo ngại những hậu quả cho thân nhân. Mặc dầu vậy, bất chấp sự hù dọa của sứ quán, hơn 70 người đã tới tham dự cuộc hội thảo này.

Sau lời chào mừng của ông Đỗ Xuân Cang, đại diện Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Tiệp, lão ký giả Bùi Tín, cựu đại tá, phó tổng biên tập báo *Nhân Dân*, đã thuyết trình về bối cảnh cuộc đấu tranh cho dân chủ (xem bài thuyết trình trong số này). Tiếp theo, ông Bùi Tín đã trả lời những câu hỏi của cử tọa. Một tham dự viên đã gây xúc động khi nói : *"Tôi từng là đảng viên cộng sản, bốn anh em tôi đã hy sinh trong cuộc chiến, nhưng ngày nay tôi thấy cuộc chiến này là vô nghĩa, đảng cộng sản phản bội quyền lợi của dân tộc, tôi đứng về phía những người dân chủ"*.

Trong phần sau, ông Nguyễn Gia Kiểng thuyết trình về tương lai đất nước. Cả hai bài thuyết trình của hai ông Bùi Tín và Nguyễn Gia Kiểng đều được sự ủng hộ nồng nhiệt của cử tọa.

Sứ quán, dù kêu gọi tẩy chay, cũng gởi cò mỗi tới phá đám. Một cò mỗi đã lợi dụng không khí trao đổi dân chủ phát biểu những lời xỏ xiên đối với ông Bùi Tín, với lập luận cũ rích : *"Ông đã được nhiều ân sủng của chế độ mà nay lại mạt sát chế độ và chủ tịch Hồ Chí Minh, v.v."*. Sự thật là ông Bùi Tín đã thuyết trình một cách ôn tồn, nhẹ nhàng như đọc giả có thể thấy qua bài phát biểu.

Buổi gặp gỡ với Hiến Chương 77 và buổi hội thảo đã đánh dấu sự hiện diện tích cực và mạnh mẽ của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Cộng Hòa Tiệp. Qua hai cuộc gặp gỡ này, cũng như những tiếp xúc riêng trong hai ngày 20 và 21-5-2005, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã tranh thủ được một vốn tình cảm lớn tại đây trong chính giới Tiệp cũng như trong cộng đồng người Việt.

Sứ quán Hà Nội tại Praha đã hết hoảng vì từ trước đến nay họ coi Tiệp là vùng an toàn của họ. Tình thế đã thay đổi, như ông Nguyễn Gia Kiểng đã tuyên bố với một nhà báo : *"Thay vì hết hoảng và tức giận, họ (sứ quán Hà Nội tại Praha) phải tỏ thiện chí và thích nghi với tiến trình dân chủ hóa. Làn sóng dân chủ sẽ tới nhiều nước khác tại Đông Âu và nó cũng sẽ đến cả Hà Nội"*.

Nguyễn Sơn Bá (Paris)

# Ảnh mắt Praha

Sài Gòn. Tháng 8-1963. Để phản đối chính sách Phật Giáo của chính quyền tổng thống Ngô Đình Diệm, hòa thượng Thích Quảng Đức đã tẩm xăng vào người và tự thiêu. Trên đường phố, vị sư già chấp tay niệm chú, điềm nhiên tọa tọa khi thân mình đang biến thành một ngọn lửa rợn người. Ông đang tử vì đạo ; nhưng đối với bậc chân tu Phật Giáo, đời người là cõi tạm, là bể khổ, rời bỏ nó để về cõi Niết bàn có lẽ không phải là một quyết định quá khó khăn. Dù sao, xuyên qua làn lửa thiêu diệt vẫn thấp thoáng một đôi mắt trầm tư, mang nặng nỗi đau cho những cái ác của người đời. Đôi mắt đó truyền đi một ánh sáng hóa giải.

\*

Praha. Tháng 5-2005. Quảng trường Vaclav (Vaclavske Namesti) trong trung tâm thành phố rực rỡ nắng vàng. Trên cao, ở phía đầu của quảng trường, pho tượng ông vua lập quốc Vaclav sừng sững minh chứng cho sự bất diệt của một quốc gia mặc cho những bước khúc của lịch sử, vẫn biết tiến cùng nhân loại đi về phía trước. So với Champs Elysées của Paris, đại lộ nổi dài quảng trường Vaclav tuy nhỏ hơn, vắng người hơn, nhưng không hề kém phần cổ kính, duyên dáng. Khu phố này có quyền sánh vai cùng đại lộ nổi tiếng của Pháp ; và hơn thế nữa, tại đây, người dân Tiệp còn có quyền tự hào về một chứng tích anh hùng. Không xa ông vua lập quốc là một đài tưởng niệm khiêm nhường, ghi ơn tích của những thanh niên, sinh viên Tiệp Khắc (1) đã lấy thân mình ra chặn xích xe tăng Hồng quân Xô Viết, với ước vọng bảo vệ sự đổi mới và dân chủ hóa đất nước vào thời kỳ 1968-1969. Tuy thất bại, nhưng họ đã tạo ra Mùa Xuân Praha 68, và là những viên kim cương nền móng cho thể chế dân chủ của Cộng hòa Tiệp hiện nay. Dưới chân đài tưởng niệm là chân dung và tên tuổi của hai người :

*Jan Palach, sinh 11-08-1948, mất 19-01-1969 ;*

*Jan Zajic, sinh 03-07-1950, mất 25-02-1969.*

Năm 1968, nhiều nhân vật chủ chốt trong Ban lãnh đạo Tiệp Khắc hồi đó đã chủ trương một số đường lối cải tổ theo hướng dân chủ và được sự ủng hộ sâu rộng của dân chúng, đặc biệt là của giới trẻ. Trước nguy cơ mất quyền lực độc quyền, một số nhân vật bảo thủ của chính quyền Tiệp Khắc đã báo động cho Moscow, và Hồng quân đã tràn sang, bắt giữ những nhà lãnh đạo cách tân, đàn áp thô bạo phong trào dân chủ Tiệp Khắc, nhằm không để đứt tung một mắt xích quan trọng của hệ thống xã hội chủ nghĩa đương thời. Để phản đối cuộc can thiệp mang tính ngoại xâm, ngày 16-1-1969, chàng thanh niên Jan Palach đã châm lửa tự thiêu trên quảng trường Vaclav, và từ trần ba ngày sau đó. Đối với ước vọng thoát khỏi sự lỏng lẻo của người Tiệp Khắc, Palach được mệnh danh là "Ngọn Đuốc số 1". Ngọn đuốc này đã gây xáo động đất nước, nhưng vẫn không chặn đứng được xích sắt xe tăng. "Mùa Xuân Praha 68" dần dần mất sắc, Tiệp Khắc phải lùi vào trầm lặng trong "vòng kim cô chuyên chính vô sản". Phần uất về sự tiêu tan một ước mơ cao đẹp, về sự nén chịu của lòng người

trước bạo lực bất công, ngày 25-2-1969, cũng trên quảng trường này, "Ngọn Đuốc số 2" bùng cháy, Jan Zajic đốt lửa tự thiêu. Cái chết của hai chàng trai trẻ tuy không trở thành một vầng hồng nhưng đã nuôi dưỡng được những tia lửa tự do bất diệt, để rồi đúng 20 năm sau, sự hy sinh của họ đã được đắp đền xứng đáng với thành công của Cuộc Cách Mạng Nhung bất hủ.

Ngày nay, xung quanh đài tưởng niệm, bên hai bức chân dung của Palach, Zajic, lúc nào cũng có những vòng hoa, những bông hoa thắm sắc và những ngọn nến lung linh. Những người Tiệp, những người du khách, sau khi nhẹ đặt một nhành hoa, nâng niu thấp lên một ngọn nến, lặng đứng suy ngẫm và tri ân hai con người kỳ diệu. Cùng với U và C, hai thanh niên Việt Nam sống ở Praha, chúng tôi cũng làm như bao nhiêu du khách khác, và chăm chăm nhìn vào những cặp mắt đầy sức sống trong hai bức ảnh. Nhìn kỹ, chúng tôi - những người Việt Nam, thấy ánh mắt của họ chiếu ra những tia nhìn thật lạ.

\*

Theo ước tính thì ở Tiệp có khoảng 30.000 người Việt làm ăn, sinh sống, trong đó, khoảng trên dưới 10.000 người sống ở Praha. Phần lớn họ là những sinh viên, nghiên cứu sinh, công nhân hợp tác lao động sang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc trước đây và ở lại sau cuộc Cách Mạng Nhung. Phần còn lại là những người mới sang lập cơ sở buôn bán với giấy lưu trú ngắn hạn và những người mới nộp đơn xin tỵ nạn với một dạng tạm trú mong manh. Tại đây, việc người Việt có công việc và địa vị ổn định trong công sở hay các hãng lớn coi như không có. Tuyệt đại đa số người Việt sinh sống bằng các ngành kinh doanh, từ lớn tới nhỏ. Họ làm việc, kiếm tiền với một công sức và quyết tâm thật lớn, nhưng chẳng mấy vui.

K, 34 tuổi, sang Tiệp từ 1998, cùng với một anh bạn mở một quầy ăn Châu Á nhỏ trước cửa một siêu thị. K ở thuê căn phòng 14 m<sup>2</sup> tại nhà một người đồng hương. Phòng của K có một chiếc giường nhỏ, và một cái tủ quần áo cũ, xộc xệch. K bảo, cuộc sống của anh chỉ cần có thế. Quầy ăn 9 giờ mở cửa, nhưng 7 giờ sáng K đã dậy, rồi đi, vì còn phải "mua nguyên vật liệu và chuẩn bị". 11 giờ tối K về, leo lên giường, cầm đọc tờ "An ninh thế giới" rồi thiu thiu ngủ. Hỏi chuyện vợ con, K bảo em không có thời gian - "quầy ăn của bọn em một năm đóng cửa nghỉ 5 ngày". Tối về, K vui lắm khi chúng tôi đến thăm nói chuyện. "Vì nếu không, thì ngoài thằng bạn cùng bán hàng, em chẳng có ai ở đây, nên cũng chẳng cần quan tâm đến cái gì". Cứ thế từ 7 năm nay, và cứ một năm K lại phải ra Sở di trú để gia hạn thị thực lưu trú một lần. K bảo : "Khi nào có đủ tiền, em sẽ cưới một cô vợ Tiệp để có dấu lưu trú dài hạn hơn".

Còn hai vợ chồng T và Q thì có một quầy rau quả khá lớn ở một quận rìa thành phố. Q trước đây học Cao đẳng kỹ thuật ở Tiệp Khắc, sau về nước ""thấy chán quá", Q chạy đường "du lịch" sang Nga lập nghiệp, nhưng "kiếm sống bên đó phập phù lắm, rồi thì hết Maphia Nga lại đến Maphia Việt, không trụ nổi", thế là Q lại chi tiền "dịch vụ" sang nước Tiệp "dân chủ hơn" để kiếm sống. Theo chân Q là T - vợ Q, trước đây là một giảng viên đại học tại Hà Nội.

T học tiếng Tiệp, qua giao tiếp với khách hàng, khá nhanh. Và, với "bản gốc sơ phạm", T được khách hàng rất quý, do vậy, từ 6 năm nay, quây rau quả của T và Q ngày càng trụ vững. "Bọn em chỉ tập trung vào làm ăn, chứ hầu như chẳng muốn quan tâm tới người Việt nào quanh đây". Hai, ba năm một lần, họ lại thuê người bán hàng thay để "về phép Việt Nam". "Để thăm ông bà già thôi, chứ bọn em không có ý định về hẳn. Ở đây lâu nên quen với xã hội văn minh tại Tiệp mất rồi". Cả T và Q đều đã trên 40 tuổi, với trên 6 năm họ đã quen được với cuộc sống nơi đất khách, vậy thì cái sự "làm quen lại" với cuộc đời nơi bản quán tại sao mà quá khó? Có vẻ như chưa bao giờ phải suy nghĩ đến điều này, nên sau một hồi im lặng khá lâu, T mới khẽ nói: "Cũng có thể, sau này nước mình thay đổi, chúng em sẽ về. Không biết tội nhỏ sẽ như thế nào, nhưng với bọn em, đây chẳng bao giờ là đất nước của mình".

Đương nhiên, không phải người Việt nào tại Tiệp cũng ngày ngày phơi nắng hay đội tuyết. Nhiều người có bằng cấp đã trở thành những chủ chợ, chủ công ty xuất nhập khẩu hàng Âu-Á, chủ nhà hàng hay văn phòng mỗi manh, dịch vụ. Cuộc sống của họ giàu có hơn, sang trọng hơn, nhưng điều này không phải bao giờ cũng đồng nghĩa với sự đứng trên về hiểu biết và trí tuệ. Hàng loạt những tạp chí tiếng Việt như "Tuần Tin Mới", "Vạn Xuân",... ngoài những thông tin hoặc dịch, hoặc lấy từ Internet và những bài viết theo kiểu "báo tường", cũng không có gì khác với những "phụ bản" báo từ Hà Nội. Cũng như đại đa số những đồng bào làm lữ bán buôn không dám nghĩ vì sợ hụt thu nhập, không ít người trong số họ được thẩm quyền tâm linh "chính thống" và coi mảnh đất Tiệp không khác một bãi chợ kiếm tiền. Họ không hề ý thức được thực chất của Cuộc Chạy Trốn Tập Thể đối với quê hương của chính mình, và trong họ vẫn nung nấu một nỗi tự hào.

Với não trạng tự tôn đó, tại buổi hội thảo về tình hình Việt Nam do Tập Hợp Dân chủ Đa nguyên tổ chức vào ngày 22-5, một người sau hàng chục năm phục vụ trong hàng ngũ cộng sản, nay tỉnh ngộ, đòi đổi thay chế độ, đã bị một người trong số đó sỉ mắng là "phản bội" (2). Họ không biết rằng: không có ai "phản bội" để từ chỗ "vương, tướng" tự nguyện đi vào chỗ gian lao. Sự phản bội chỉ ngự trị trong những bước đường ngược lại. Họ hoảng hốt khi có người đòi khuyên "Ngài Thủ tướng Phan Văn Khải" mà không hiểu rằng, ở một thể chế dân chủ, như ở ngay nơi họ đã học tập và sinh sống từ hàng chục năm nay, bất kỳ ai cũng có quyền "khuyên" bất cứ ai. Với họ, địa vị vẫn là một cái thiêng liêng. Họ căm giận khi có ai "*lãng mạ Bác Hồ kính yêu*" bằng một câu "Ông Hồ đã mắc những sai lầm", vì không có khả năng chân nhận ra bản chất những vấn nạn chết người mà ông Hồ và các đồng chí của ông - vì bất cứ động cơ gì, đã góp phần không nhỏ mang lại cho đất Việt. Được sống trong không khí tự do của thế kỷ 21, nhưng họ vẫn chưa qua được não trạng sùng bái thánh nhân. Nhưng, trên tất cả, là họ rất yên tâm và tự mãn với vị thế "*sang đây là chỉ để làm ăn*", và căm ghét những ai "*làm rối lòng*" họ "*vì những vấn đề chính trị*". Một thời, họ tụng niệm "chính trị là thống soái", ngày nay, họ ngoan

ngoãn nép mình khi coi kiểm tiền và du hí là tối thượng. Có người trong số họ thống thiết: "*Tôi yêu dân chủ, hãy cho tôi nghe về dân chủ, nhưng hãy đừng nói xấu chế độ!*". Không thể xây dựng lâu dài mà không biết dưới chân là đầm lầy hay hố cát. Ngày mai không thể tự trên trời rớt xuống bất biết đến hôm nay, hôm qua. Người ta chỉ có thể giải thoát những nô lệ thể xác, chứ không thể giải phóng những tâm thức nô lệ một cách tự tin. Dân chủ không thể lọt vào những ai nô lệ mà vẫn tự hào!

Không biết đã có bao nhiêu người Việt Nam tại Tiệp lặng đứng trước chân dung Jan Palach và Jan Zajic trên quảng trường Vaclav. Nhưng có lẽ, những kẻ nô lệ ranh mãnh hay vô thức thời nay, khi đi qua đài tưởng niệm, đã nghĩ thầm: "Thật đáng tiếc cho những con người đại dột!".

\*

Không, Palach và Zajic không hề khờ dại! Họ bất tử với tuổi trẻ và chiến thắng của họ. Họ tự nguyện chết để tố cáo sự tàn ác và mang lại sự sống cho tự do. Một người 21 tuổi, một người 19 tuổi, không như bậc tu hành Phật Giáo, họ cảm nhận được cái cực hình đau đớn của ngọn lửa thiêu. Có thể họ đã có người yêu, đã từng đắm đuối trong nụ hôn dài của cô bạn gái. Họ còn trẻ, tương lai còn bao la phía trước. Không như các bậc tu hành Phật Giáo, họ ý thức rằng chết đi là mất hết tất cả những lạc thú đầy ắp của đời. Nhưng, họ đã hiến dâng tất cả cho nước Tiệp và cho cả chúng ta. Từ các bức chân dung, ánh mắt của họ tràn đầy sức sống mãnh liệt và thiêng liêng muôn thủa.

Còn chúng tôi, vào ngày tháng 5 đầy ánh sáng hôm nay, đứng trước hai bức ảnh, lại thấy như chạm phải những ánh cười vừa buồn, vừa diều cợt: "Thưa quý vị con dân nước Việt, chúng tôi đã tự chết đi để chối bỏ chế độ độc tài, để tự do cho con người dành chiến thắng. Nước Tiệp hôm nay mà quý vị đang thừa hưởng là thành quả đầu tiên của chúng tôi. Xin quý vị đừng phỉ báng sự hy sinh của chúng tôi bằng sự hân hoan với chế độ độc tài của quý vị! Xin quý vị đừng mua quá rẻ cái chết của chúng tôi khi coi mảnh đất tự do của chúng tôi chỉ đơn giản là một chỗ kiếm tiền cho những ai đang đắc chí trong thân phận nô lệ của mình!".

Rồi cuối cùng, guồng máy độc tài nào cũng bị tiêu vong. Mùa Xuân năm 1968, người Việt Nam chúng tôi được người ta dạy rằng các thanh niên như Palach, Zajic là những phần tử "xét lại, phản động". Nhưng, trong cuộc Cách Mạng Nhung của Các Anh, đã có mặt những bạn trẻ Việt Nam. Và, trong mấy ngày tháng 5 này ở Praha, không ít người đã vượt qua những đe dọa, đến với những trao đổi chính trị trong tâm sự của những ưu tư trí tuệ. Nên, Palach và Zajic, mong Các Anh hãy cùng hy vọng!

**Phạm Việt Vinh**  
Praha-Berlin, 05-2005

(1) Tiệp Khắc: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa trước đây, đã từng là Liên bang của hai nước Tiệp (Czech) và Khắc (Slovakia) hiện nay.

(2) Những chữ viết nghiêng trong ngoặc kép là được dẫn từ những tạp chí tiếng Việt ra tháng 5-2005 tại Tiệp.

# NÓI THÊM VỀ NHÓM ĐỆ TỬ TẠI PHÁP

Hoàng Khoa Khôi

Ngày 15-12-1989 tại Paris, nhóm Thông Luận tại Pháp đã mở rộng diễn đàn cho ông Hoàng Khoa Khôi nói chuyện về Đệ Tử đối với vấn đề "Dân chủ đa nguyên trong phong trào lao động".

Gần đây, trong *Thông Luận* số tháng 2- 2005, trong bài giới thiệu quyển sách mới nhất của nhóm Đệ Tử và các thành viên Đệ Tử Quốc Tế Việt Nam tại Pháp bằng các lời lẽ nhiệt thành, thân ái, có vài đoạn quá khẳng định, không sát sự thật và thiếu tính thuyết phục. Chúng tôi thấy cần phải trả lời và bổ túc để tránh ngộ nhận. Phần in chữ nghiêng trích bài báo *Thông Luận*.

1. "*Một cách lạ thường, trong khi nhóm cộng sản Đệ Tử bị tiêu diệt tại Việt Nam thì nó lại rất thành công trong giới Việt kiều tại Pháp. Lý do là vì đa số Việt kiều tại Pháp xuất phát từ số 20.000 lính thợ được gửi sang Pháp năm 1940 do nhu cầu chiến tranh trong khi những người lãnh đạo nhóm Đệ Tử tại Pháp như Hoàng Khoa Khôi, Nguyễn Văn Liên, Đặng Văn Long đều thuộc khối lính thợ này... Chính sự thành công trong giới công nhân tại Pháp này đã khiến nhóm Đệ Tử tồn tại lâu dài cho đến ngày nay. Tuy nhóm Đệ Tử tại Paris có lúc lồi kéo được một số trí thức, kể cả ông Nguyễn Khắc Viện trong một thời gian...*".

- **Công binh** là ai ?

Trong suốt thời kì Pháp thuộc, một số nông dân Việt ở Bắc phần và Trung phần, vì cuộc sống kinh tế quá cùng cực và nhất là vì bị nhà nước bảo hộ cưỡng bức, phải di cư vào Nam hay sang Tân Đảo (1929-1930) làm phu mỏ, khai thác đồn điền. Những năm đầu hai cuộc thế chiến, nhà nước bảo hộ cũng bắt ép nhiều nông dân Việt sang tận mẫu quốc phục vụ. Từ tháng 10 năm 1939 đến tháng 6-1940, chưa kể số người làm lính và thợ chuyên môn, khoảng hai mươi ngàn người Việt phải sang Pháp làm công binh, trong đó chỉ có một số rất nhỏ là thông ngôn và giám thị tình nguyện. Họ phải làm việc như công nhân và sống đời kỉ luật nghiêm ngặt như quân đội. Hàng chục ngàn người sống biệt lập, cơ cực, bị bóc lột đàn áp, coi khinh.

Khi Pháp bị Đức chiếm, trừ một ít được trả về Việt Nam sau tháng 6-1940, tổng số người Việt khi đó trên toàn nước Pháp trên 25.000, gần hai phần ba là công binh. Tuy một vài công binh có hành động chống đối cấp trên, nhưng nói chung, đó là những phản ứng cá nhân, lẻ tẻ. Phải đợi đến một vài năm sau, khi phát xít Đức bại trận, Pháp được giải phóng, một nhóm Đệ Tử quốc tế, trong đó có vài công binh và thông ngôn, biết lợi dụng thời cơ, kêu gọi tổ chức, đoàn kết và tranh đấu. Từ những nông dân mù chữ, mù chữ Việt lẫn chữ Pháp, sống chia rẽ, chỉ trên dưới 5 năm sau họ đã kết hợp lại thành một tổ chức có hệ thống, đặt cơ sở cho một phong trào người Việt to lớn ở Pháp, mà mãi cho đến nay chưa một nơi nào có đông đảo người Việt sinh sống ở nước ngoài có thể sánh ngang được về nhiều mặt, nhất là về cách tổ chức và số lượng.

Một đoàn thể ra đời dựa theo nguyên tắc tổ chức dân chủ, đoàn kết, đủ tiếng nói và sức mạnh để cải thiện đời sống kinh tế xã hội của mình tại nước Pháp, đồng thời tham gia vào phong trào đòi lại độc lập cho quê hương đất nước. Chính vì sự lớn mạnh và độc lập này, dù chỉ chính thức tồn tại vài năm, họ bị chính phủ Pháp, đảng cộng sản Pháp, cũng như người đại diện chính thức cho chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh là ông Trần Ngọc Danh tìm đủ mọi cách khống chế và phá hoại.

Kể từ năm 1950, sau khi hơn 80% lính thợ trở về đất Việt, tổ chức công binh tan rã. Số người còn lại khoảng một ngàn. Trong số này, có người còn tiếp tục đấu tranh, thành lập một tổ chức gồm 300 người mang tên *Hiệp Đoàn Thợ Việt Nam tại Pháp*.

- **Lí do thành công và tồn tại của nhóm Đệ Tử**

Trở lại thời gian Pháp bị Đức chiếm đóng. Tại Paris, từ cuối năm 1942 đến đầu năm 1943, một nhóm người Việt quyết định thành lập một tổ chức chính trị theo lí thuyết Marx. Nhóm này gồm 6 sáng lập viên (Nguyễn Được, Hoàng Đôn Trí...) và 4 thông ngôn (Hoàng Khoa Khôi, Lê San, Đào Văn Lễ và Đỗ Văn Bài). Với sự giúp sức của một đảng viên Đệ Tử Pháp, có biệt hiệu Raoul, những thành viên Việt Nam học tập lí thuyết cộng sản, học cách tổ chức và phương pháp hoạt động bí mật nhằm tránh bộ lưới bao vây của mật vụ Pháp và Gestapo Đức.

Từ năm 1943, hai kĩ sư Nguyễn Được và Hoàng Đôn Trí đã len lỏi vào các trại công binh dạy chữ quốc ngữ, tuyên truyền lí thuyết cộng sản, giảng giải cách tổ chức, bầu cử người đại diện trong các trại và đòi được học chữ, học nghề, được bình đẳng về mặt nghề nghiệp, kinh tế, xã hội như công nhân Pháp (1). Ông Hoàng Khoa Khôi tuy sống trong trại công binh nhưng không phải là lính thợ ONS (ouvrier non spécialisé), ông sang Pháp với tư cách thông ngôn sau một cuộc thi tuyển. Bị bắt vì tội xách động chống đối và tổ chức đình công bãi thực trong trại Vénisseux năm 1941, ông Khôi bị xử ba tháng rưỡi tù và năm ngày biệt giam trong cachot (2). Chỉ có hai ông Nguyễn Văn Liên và Đặng Văn Long (3) mới thật sự là lính thợ ONS và sau đó đã được bầu vào các chức vụ đại diện công binh.

Những thành viên lãnh đạo này viết truyền đơn, sách giáo khoa, xã luận, bài công kích, thơ phú, truyện ngắn v.v. cho các báo chí công binh thợ thuyền người Việt suốt mấy thập niên liền, từ những năm 1940 cho đến nay.

Ngày ấy, các ông cùng với nhiều người khác, liên lạc, kêu gọi, khơi động được một phong trào công binh lớn mạnh và đưa đến kết quả cụ thể là việc thành lập *Tổng Ủy Ban Đại Diện* cho 25.000 người Việt Nam tại Pháp cuối năm 1944. Tổ chức này, tuy do nhóm Đệ Tử khởi đầu vận động mọi thành phần người Việt, trong đó có sự tham gia của rất nhiều trí thức khuynh hướng quốc gia không cộng sản, nhưng không hề chiếm đa số trong ban lãnh đạo trung ương. Trái lại, ở cấp vụ trung ương thành phần công binh

có nhiều lúc nhóm chiếm đa số.

Bị nhà cầm quyền Pháp đàn áp và giải tán cuối năm 1945, một tổ chức khác mang tên *Việt Kiều Liên Minh* đứng ra thay thế. Tổ chức này sau đó tự giải tán, giao quyền điều khiển cho đại diện cho phái đoàn chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh khi phái đoàn này sang Pháp, để tiếng nói của phái đoàn có thêm trọng lượng trong các cuộc thương thuyết với Pháp. Về sau hai tổ chức mới, *Trung Ương Công Binh* và *Trung Ương Chiến Binh*, đại diện cho những người công binh và chiến binh Việt Nam ở nước Pháp được ra đời.

Ảnh hưởng quan trọng của nhóm Đệ Tứ trong phong trào công binh thời kỳ này phần lớn dựa vào tư tưởng, lý thuyết, hành động của nhóm và tư cách cá nhân của những người lãnh đạo. Nhóm đã phát triển mạnh vì đã đáp ứng kịp thời những khát vọng của đa số người Việt tại Pháp. Hơn nữa mọi người đều có thể trở thành chiến sĩ nếu được đa số tín nhiệm chứ không phải chỉ vì thuộc về hay ở trong một giai cấp xã hội nào đó. Sự tồn tại của nhóm này cho đến nay không có gì lạ thường cả. Nhiều tác nhân và chứng nhân các giai đoạn lịch sử công binh vẫn còn sống và lưu giữ nhiều tài liệu. Nước Pháp không phải là Mexico của những năm 1940, không phải là Hungary những năm 1950 và càng không phải là Moskva trong những thập niên Stalin trị vì. Những người này vẫn liên tục hoạt động : làm báo, dịch thuật, xuất bản sách, đồng thời liên lạc giúp đỡ người trong nước.

Nguyên vọng thiết thân của đa số quần chúng công binh lúc ấy, nếu không nói của hầu hết mọi người Việt tại Pháp, kể cả giới trí thức Việt Nam mặc dù không hay biết gì về sự hiện diện và cuộc đời khổ cực của các công binh và chiến binh, là làm sao thoát khỏi đời sống tối tăm, dốt nát, cơ cực, không bị khinh bỉ và đối xử bất công của các quan chức lãnh đạo tây và ta tại Pháp. Họ cũng đồng thời muốn thấy quê hương được tự do, độc lập, nghĩa là gia đình họ, đồng bào họ tại quê nhà thoát khỏi vòng nô lệ. Những nguyên vọng này đa số tìm được thấy trong các chương trình hành động do nhóm Đệ Tứ đưa ra.

### **- Chủ trương của nhóm Đệ Tứ và Tổng Ủy Ban Đại Diện**

Chủ trương của nhóm Đệ Tứ tập trung vào những điểm chính sau đây : chống áp bức, bất công trong đời sống công binh ; đòi bình đẳng về quyền lợi với công nhân Pháp ; đòi đế quốc Pháp trả lại độc lập hoàn toàn cho Việt Nam ; chống chủ nghĩa tư bản và đế quốc.

Dưới thời Pháp bị Đức chiếm đóng, người cộng sản Đệ Tứ hoạt động dưới mọi áp lực đến từ phía quốc xã, cộng sản Đệ Tam Pháp-Việt theo Stalin cũng như chính phủ Vichy. Những thành viên sáng lập nhóm Đệ Tứ vận động lập chiến tuyến duy nhất với các khuynh hướng chính trị khác như đấu tranh đòi Pháp trả độc lập cho quê hương của Nguyễn An Ninh và Tạ Thu Thâu tại miền Nam trong những năm 1925-1930.

Trong khoảng thời gian đầu sau khi Đức vừa bại trận, cuộc vận động của nhóm Đệ Tứ đã đưa đến sự đồng thuận là thành lập một cơ quan đại diện chung cho toàn thể người Việt tại Pháp. Trong ngày đại hội, ông Trần Đức Thảo đã

đọc bài diễn văn nói về chương trình chính trị của Ủy Ban. Ông Nguyễn Khắc Viện cũng đóng góp cho phong trào bằng các bài vở, sách giáo khoa dạy kiến thức tổng quát do chính ông soạn thảo.

Vào thuở ấy, Đảng Cộng Sản Pháp, hoàn toàn lệ thuộc Stalin, muốn Việt Nam nằm trong tay Pháp vì chính phủ De Gaulle thân thiện với Stalin. Cũng nên biết kể từ khi Trotsky bị ám sát, Hitler bị thua, thế lực của Stalin bao trùm lên thế giới cộng sản. Đa số các trí thức thiên tả tại Pháp đều nghiêng về phía chính phủ Hồ Chí Minh và sau này về phía Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng miền Nam. Có lẽ hơi quá đáng khi cho rằng nhóm Đệ Tứ đã "lôi kéo" được các ông Trần Đức Thảo và Nguyễn Khắc Viện ; hai ông chỉ hợp tác với phong trào công binh và Đệ Tứ trong một thời gian rất ngắn, sau đó đã viết nhiều bài báo công kích phong trào cho đến khi hai ông về Việt Nam.

Chính sách đàn áp và giết hại những người *trotskyist* được các đảng cộng sản theo lệnh Stalin áp dụng trên khắp thế giới nơi các đảng cộng sản chiếm ưu thế (Trung Quốc, Hi Lạp, Albanie, Việt Nam, Tiệp Khắc...). Riêng tại Việt Nam, cuối năm 1945, nhóm Đệ Tứ và những đảng phái quốc gia đều bị Việt Minh sát hại (4), như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương, Trần Văn Thạch, Huỳnh Phú Sổ... Việt Minh còn ám sát, xử tử cả những người ở ngoài đảng cộng sản, ngay dù đa số những người bị giết trước đó đã đồng ý giao quyền đại diện cho Việt Minh nhằm tiếp đón Đồng Minh khi Đồng Minh đổ bộ giải giới quân Nhật tại Sài Gòn.

Tại Pháp, sự bất đồng ý kiến về các vụ giết hại này cũng như về nhiều vấn đề thời sự khác khiến nhóm Đệ Tứ trở thành một chương ngại vật, gây khó khăn cho phái đoàn đại diện chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh. Chẳng hạn, Hoàng Đôn Trí, thay mặt nhóm Đệ Tứ đã không ngần ngại chất vấn ông Hồ Chí Minh về vụ ám sát Tạ Thu Thâu. Ngoài ra nhóm Đệ Tứ còn phổ biến các bài báo phân tích, bình luận, công khai chỉ trích việc làm của chính phủ lâm thời mặc dù tuyên bố ủng hộ chính phủ lâm thời.

2. "*Leon Trotsky (Lev Davidovich Bronstein, 1879-1940) là cánh tay mặt của Lenin và là nhân vật thứ hai trong cuộc Cách mạng tháng 10-1917 đưa đảng cộng sản lên cầm quyền tại Nga. [...] Trotsky cũng sắt máu không thua gì Lenin. Về mặt kỹ thuật có lẽ ông ta còn cực đoan hơn cả Stalin...*".

Tác giả không căn cứ vào sự thực lịch sử khi viết như thế. Giữa Trotsky và Stalin, cũng như giữa Lenin và Stalin, có rất nhiều khác biệt trên mọi lãnh vực. Về quan điểm và lập trường chính trị và về tư cách cá nhân con người.

Các sử gia đều biết trước khi chết, Lenin tuyên bố bất đồng chính kiến với Stalin trên nhiều vấn đề, đặc biệt là vấn đề dân tộc. Lenin trách Stalin, khi Stalin giữ trách nhiệm về bộ Dân Tộc, đã giải quyết vấn đề này một cách độc tài theo chính sách "đại Nga". Ông đề nghị Bộ Chính Trị cách chức tổng bí thư của Stalin và thay bằng một người khác "có đủ tư cách hơn Stalin" trong di chúc. Trong phần

tái bút, Lenin còn tuyên bố "đoạn tuyệt" với Stalin. Di chúc này đã bị Stalin giấu biệt cho đến năm 1956.

Về phần Trotsky, ông cũng chống lại chính sách của Stalin trong các vấn đề quan trọng như nông nghiệp, hợp tác xã, tập thể hóa, dân chủ trong đảng... và triệt để phê bình chủ thuyết "thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội trong một nước" của Stalin. Trong cuốn "*Cách mạng bị phản bội*" viết năm 1936, Trotsky đã bác bỏ có bài bản chủ thuyết này. Trotsky đã cảnh báo trước rằng Stalin sẽ dẫn Liên Xô tới chỗ phá sản và Liên Xô sẽ trở lại chế độ tư bản. Ngày nay điều cảnh báo này đã trở thành hiện thực. Cho rằng Trotsky cũng sắt máu như Stalin là lời nói thiếu bằng chứng và không đúng. Trong thực tế, Lenin cũng như Trotsky chưa hề ám hại một người đồng chí nào của mình ngay khi người này chống đối. Thí dụ khi hai người thuộc Bộ Chính Trị là Zinoviev và Kamenev, vào năm 1917, đã viết bài đăng trên một tờ báo ngoài đảng, tiết lộ tài liệu mật về sự chuẩn bị nổi dậy của đảng mà họ cho là mạnh động. Sau khi cách mạng thành công, mặc dù có vi phạm kỷ luật này, họ vẫn được Lenin giao cho những chức vụ quan trọng trong ban chấp hành và bộ chính trị (5).

Giữa Lenin và Trotsky, tuy lúc đầu có chống chọi nhau về lý thuyết và hành động nhưng vẫn có hợp tác và quý trọng nhau. Đối với Stalin lại khác, ông đã thủ tiêu 90% nhân viên bộ chính trị, 60% nhân viên ủy ban trung ương đảng và hàng ngàn đảng viên vì bất đồng chính kiến.

Đặt Trotsky và Stalin ngang hàng là đặt ngang hàng đao phủ thủ và nạn nhân, bởi chính Stalin đã trục xuất và ra lệnh truy nã và giết Trotsky đến tận cùng.

3. "*Ông chủ trương cách mạng liên tục và toàn diện, đặc biệt là phải phát động đấu tranh giành thắng lợi cho chủ nghĩa cộng sản tại Tây Âu. Bằng phương tiện nào? Trotsky tuyên bố: "Những người cộng sản chúng tôi không bao giờ sợ đổ máu (6)". Đó là một con người đam mê và cực đoan*".

Tóm tắt thuyết cách mạng thường trực của Trotsky bằng "liên tục và toàn diện", "không sợ đổ máu ..." thì Trotsky phải được nhìn như một con người "đam mê, sắt máu và cực đoan".

"*Không có gì bảo đảm rằng nếu được cầm quyền kế tiếp Lenin, Trotsky sẽ không độc đoán và tàn bạo hơn Stalin. Nhưng Trotsky đã không có cơ hội đó, ông đã bị Stalin đánh bại trong cuộc tranh giành quyền lực sau khi Lenin chết. Ông đào thoát ra nước ngoài và bị Stalin ám sát*".

Chúng tôi nhớ đến chuyện bà lão người Tàu ngày xưa khóc cái chết của một hôn quân vừa qua đời bởi vì e rằng vua mới sẽ còn vô đạo tàn ác hơn nữa. Trong chừng mực nào đó, theo kiểu lý luận này, chúng tôi cũng có thể nói "không có gì bảo đảm rằng ông Allende (lãnh tụ nước Chile) nếu không sớm bị Pinochet mưu hại, sẽ không tàn ác, cực đoan, sắt máu hơn cả Pinochet". Chúng ta có thể cho thí dụ về những điều không bảo đảm ấy đến vô tận! Đặt ngang hàng hay so sánh nạn nhân với sát nhân trong chiều hướng này chẳng khác giết nạn nhân thêm một lần nữa và điều mỉa mai nhất là nó đem lại cảm tưởng tác giả biện minh cho hành động kẻ sát nhân!

Trotsky không bị đánh bại trong việc tranh giành quyền lực với Stalin vì không có chuyện tranh giành quyền lực ở đây. Stalin chẳng cần và cũng chẳng biết tranh luận gì cả, ông chỉ sử dụng bạo lực để nhanh chóng loại bỏ những người đối lập hay bất đồng chính kiến với mình.

Để có nhận xét công bình và tóm tắt chính xác hơn về Trotsky và Stalin, không gì bằng xem lại lịch sử, theo dõi diễn tiến và kết quả hành động của họ. Về Trotsky, có thể đọc thêm *Đời tôi* hay *Cách mạng thường trực*.

Trotsky, như đã nói ở trên, không hề chạy trốn ra nước ngoài, mà chính Stalin đã ra lệnh trục xuất Trotsky, đồng thời Stalin làm áp lực với các nước Âu Châu để các nước này không cấp chiếu khán cho phép Trotsky được vào và định cư ở các nước châu Âu. Gia đình Trotsky đã phiêu bạt khắp thế giới như "đi trên một hành tinh không có giấy nhập cảnh" ("planète sans visa"), không chỗ trú thân trong vòng nhiều năm cho đến khi chính phủ Mexico can đảm cho phép nhập cư. Vợ cũ và các con của Trotsky, con trai, con gái, con dâu, con rể đều bị Stalin sát hại, hoặc bị chết trong những hoàn cảnh đặc biệt, đôi khi bí ẩn. Và rồi cuối cùng, tại Mexico, chính Trotsky cũng không thoát khỏi bàn tay sát nhân Stalin (7).

4. "*Trong suốt hai cuộc chiến tranh Việt Nam, 1945-1954 và 1960-1975, nhóm Đệ Tứ bị giam hãm trong một bể tắc bi đát: vì theo chủ nghĩa Marx-Lenin và chống thực dân Pháp nên họ vẫn phải miễn cưỡng ủng hộ Đảng Cộng Sản Việt Nam, dù đảng này đã mạt sát và tàn sát họ. Ông Hoàng Khoa Khôi nói: "Chúng tôi đành phải ủng hộ kháng chiến, đợi cho vấn đề độc lập thống nhất giải quyết xong đã, nhưng lịch sử đã đi một hướng khác". Chỉ từ sau 1975, nhóm Đệ Tứ mới lấy một thái độ dứt khoát với chính quyền cộng sản Việt Nam. Quá trễ*".

Trong buổi họp ra mắt *Hồ sơ Đệ Tứ*, tập 3 tại Paris ngày 26-9-2004, trong bài diễn văn khai mạc Hoàng Khoa Khôi có câu "Nhóm Đệ Tứ Việt Nam tại Pháp được phát triển nhanh chóng là nhờ sự phát triển của những tổ chức nói trên. Từ một nhóm nhỏ năm bảy người, trở thành một khối với 519 đảng viên vào năm 1950. Nhóm hi vọng đào tạo cán bộ đưa về Việt Nam, kết hợp và sát nhập vào nhóm Đệ Tứ của Tạ Thu Thâu để tiến đến sự thành lập một chính đảng có tầm cỡ lớn. Nhưng lịch sử đã tiến theo chiều hướng khác".

Lập trường của nhóm Đệ Tứ Việt Nam ở Pháp cũng như của các nhóm Đệ Tứ khác trên thế giới đối với kháng chiến chống đế quốc và chủ nghĩa tư bản, kháng chiến tại Việt Nam hay Algérie hay tại bất kỳ nơi nào khác, đều thành tâm ủng hộ chứ không miễn cưỡng ủng hộ. Họ ủng hộ mặc dầu thái độ của những kẻ cầm đầu các phong trào kháng chiến này ra sao đối với họ. Và sự ủng hộ ấy là ủng hộ có phê bình (*soutien critique*). Thái độ này là thái độ truyền thống của phong trào lao động toàn thế giới chống lại đế quốc và tư bản. Và cách đây hơn 50 năm, ông Hoàng Khoa Khôi đã giải thích trong bài báo "Trả lời anh Đông Vũ" trong báo *Tiếng Thợ* tháng 12-1951 (2), cho nên hai chữ "đành phải" trong trích dẫn *Thông Luận* là không

đúng. Thêm, bớt vài chữ trong câu trích dẫn có thể làm thay đổi ý nghĩa cũng như nội dung vấn đề.

5. "Có một cái gì rất xúc động ở nhóm Đệ Tứ. Không ai có dịp tiếp xúc với họ mà không kính phục họ. Ở nơi họ lòng yêu nước, sự bao dung, sự lương thiện và sự bền bỉ được đẩy tới mức độ tuyệt đối. Sự kính phục đạt tới mức ngỡ ngàng khi người ta tự hỏi tại sao những người lính thợ, mà trình độ học vấn chỉ ở mức tiểu học hay trung học là cùng, lại có thể do học hỏi cá nhân mà đạt tới một trình độ kiến thức, lý luận và diễn đạt cao như vậy. Họ viết nhiều bài, nhiều sách và viết một cách xuất sắc. Đó là những người mà mọi người Việt Nam dù đồng ý hay không đồng ý với họ đều phải tự hào. Họ đúng là những tinh hoa thực sự của dân tộc Việt Nam, dù họ đã thất bại. Điều cũng cần phải nói ra là trong tất cả các lực lượng chính trị đã có mặt tại Việt Nam từ trước thế chiến 2 trong giai đoạn huynh đệ tương tàn, nhóm Đệ Tứ là nhóm duy nhất đã không làm đổ một giọt máu nào của bất cứ ai.

Như để trấn trối cho các thế hệ mai sau, ông Hoàng Khoa Khôi đã viết hồi ký Nhìn Lại Sáu Mươi Năm Tranh Đấu cho Việt Nam, ông Nguyễn Văn Liên viết Tự Thuật. Cả hai vị đã có nhã ý gửi tặng Thông Luận cuốn sách cuối cùng của họ. Ông Nguyễn Văn Liên viết trong thư: "Đồng bào quốc nội và hải ngoại đang nóng lòng mong đợi sự toàn thắng của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên". Xin rất cảm ơn hai vị tiên bối".

Đa số thành viên của nhóm như đã nói ở trên không phải là trí thức. Nhưng bằng cấp cũng như văn hay chữ tốt, mà thiếu lí tưởng, thiếu học hỏi và trau dồi, thiếu tôi luyện liên tục, chắc chắn không đủ để khiến một người không có tư tưởng trở thành nhà hùng biện hoặc lí thuyết gia. Cũng như "tài năng và sức thu hút" không đủ khiến một chính trị gia được nhiều người tín nhiệm và tôn trọng dài lâu.

Trong thời Pháp thuộc, trường hợp những nhà ái quốc Việt Nam, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm... không phân biệt khuynh hướng chính trị, tôn giáo, v.v. và nhất là trường hợp nhóm Đệ Tứ tại Pháp (may mắn còn sống sót để bảo vệ và truyền bá lí tưởng của mình), ngoài tài năng và sức thu hút, ngoài việc trình bày lí thuyết và lí tưởng với sức thuyết phục, điều khiến cho nhóm có được sự tin tưởng của bạn đồng hành và đồng bào chính là tấm lòng hướng về đất nước thể hiện qua lời nói và hành động.

6. Điều cũng cần phải nói ra là trong tất cả các lực lượng chính trị đã có mặt tại Việt Nam từ trước thế chiến II trong giai đoạn huynh đệ tương tàn, "nhóm Đệ Tứ là nhóm duy nhất đã không làm đổ một giọt máu nào của bất cứ ai". Câu này chính tác giả trả lời cho mình khi đưa ra giả thiết "không có gì đảm bảo..." ở trên! Điều không may cho những người trotski và cho đất nước là họ đã bị sát hại trong thời kháng chiến chống Pháp và trong cuộc chiến vừa qua.

"Đồng bào quốc nội và hải ngoại đang nóng lòng mong đợi sự toàn thắng của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên".

Nhóm Đệ Tứ không biết nhiều về Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, nhưng theo tinh thần đa nguyên thật sự, nhóm khó lòng mong sự "toàn thắng" của bất cứ một tập hợp duy nhất nào, vì đó là tiền đề nguy hiểm cho dân chủ và tự do, chúng tôi đề nghị thay hai chữ toàn thắng bằng hai chữ thắng lợi.

"Họ đúng là những tinh hoa thực sự của dân tộc Việt Nam, dù họ đã thất bại". Nếu cho rằng thất bại vì không nắm được quyền lực chính trị (?) thì quả thật nhóm Đệ Tứ thất bại. Nếu "lấy chuyện thành bại luận anh hùng" thì có lẽ nhóm Đệ Tứ cũng không phải anh hùng, nhưng lúc nào cũng chủ trương lắng nghe và tôn trọng ý kiến kẻ khác, tuy cương quyết bảo vệ và quảng bá lí tưởng của mình không thông qua bạo lực và phương cách gian ác, dối trá, lường gạt. Nhóm Đệ Tứ tự thấy mình đã cố gắng thực hiện bốn phạm, không làm hổ thẹn Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm v.v. và luôn tin tưởng rằng sẽ có những kẻ hậu sinh sẽ tiếp tục việc làm của mình (8).

Paris, tháng 4-2005

**Hoàng Khoa Khôi**

và **nhóm Trótskit Việt Nam** tại Pháp

Chú thích :

(1) Xin đọc thêm bài *Công nhân Việt Nam tại Pháp trong những năm 1939 đến 1950* của Hoàng Đôn Trí ("Nhìn lại 60 năm tranh đấu cho Việt Nam").

(2) Xem *Người Việt tại Pháp 1939-1954* của Đặng Văn Long.

(3) Tác giả nhiều công trình khảo cứu lịch sử giá trị do Tủ Sách Nghiên Cứu xuất bản.

(4) Xem *Vietnam 1920-1945 - Révolution et contre-révolution sous la domination coloniale* của Ngo Van, nhà xuất bản L'Insomniaque, Paris, 2000.

(5) Hai người này cũng như hơn 2/3 nhân sự ban chấp hành trung ương và hầu hết thành viên bộ chính trị có công trong cuộc Cách mạng tháng 10 lật đổ Nga hoàng, bị Stalin sát hại sau đó.

(6) "Những người cộng sản chúng tôi không sợ đổ máu", chúng tôi chưa tìm ra xuất xứ của trích dẫn này cũng như văn cảnh toàn bộ, nhưng nếu đặt nó vào vị trí "một cuộc cách mạng" thì cuộc cách mạng nào không có đổ máu và đổ vỡ hoặc ít hoặc nhiều. Thí dụ cuộc Cách mạng Pháp năm 1789.

(7) Trong khoảng thời gian lưu vong, mặc dù luôn luôn đề phòng bàn tay của Stalin, Trotski không ngừng hoạt động, viết sách báo phân tích, công kích chính sách độc tài của Stalin. Đọc *Đời tôi* và toàn bộ tác phẩm của ông, người ta thấy Trotski ưa thích văn học và viết văn hơn là làm chính trị. Nhưng thời cơ, vận mệnh đất nước Nga và cuộc gặp gỡ chủ thuyết Marx đã khiến ông trở thành nhà lí luận kiêm chính trị gia, tuy bất đắc dĩ nhưng xuất sắc và hiếm có. Những người hiểu biết về lịch sử, chính trị và văn học không bao giờ đặt Stalin ngang hàng với Trotski.

(8) Cách đây 20 năm, trong bài thơ "Hai thế hệ", Hoàng Khoa Khôi, dù không nắm giữ một quyền lực nào, tỏ ra rất lạc quan khi nói về hoài bão nhóm Đệ Tứ và tương lai nhân loại.

*Mấy chục năm rồi, mấy chục năm ?*

*Mãi mê tranh đấu chẳng dừng chân*

*Tuổi già đã tới mà không nản*

*Biết có người sau sẽ góp phần.*

# CHO TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI

Ba mươi năm sau cuộc xung đột Nam-Bắc, mà đảng cộng sản mệnh danh là "cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước", có ít nhất ba mốc thời gian quan trọng trong quan hệ ngoại giao Việt-Mỹ, đó là sự tái lập bang giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ tháng 7-1995, Thương ước song phương tháng 12-2000 và chuyến viếng thăm Hoa Kỳ tháng 6-2005 của thủ tướng Phan Văn Khải.

Những cố gắng chật vật của chính quyền cộng sản Việt Nam để mưu tìm hợp tác tối đa với Hoa Kỳ phơi bày sự phi lý trần trụi của "cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam", làm thiệt mạng trên dưới bốn triệu người Việt Nam mà họ đã chủ xướng. Về phía Hoa Kỳ, chừng nào sự hy sinh vì tự do của gần sáu mươi ngàn quân nhân Hoa Kỳ tham chiến chưa có được ghi nhận xứng đáng, nghĩa là nếu chính sách đối với Việt Nam không đi kèm với những điều kiện dân chủ, nhân quyền rõ ràng thì mọi hợp tác với Hà Nội đều mang tính phản bội. Đối với cộng đồng người Việt hải ngoại, đặc biệt là tại Hoa Kỳ, một chính sách hòa giải không điều kiện với chính quyền cộng sản Việt Nam cũng là một sự trở mặt ô nhục.

Sẽ không có một tương lai như mong đợi nếu quá khứ bị vứt bỏ số sòng. Sau tất cả những lý do rất chính đáng để căm thù người ta cần lý do để hòa giải, mà lý do tối thiểu là sự sòng phẳng với quá khứ. Lòng bao dung luôn tồn tại trong mỗi con người và sẽ được nhân rộng ra dưới sự soi đường của lý trí nếu có điều kiện thuận lợi. Khi sự uất hận là động lực của hành động phản kháng thì sự uất hận đó phải được giải tỏa nếu muốn chấm dứt sự thù địch. Cho đến nay đối lập dân chủ Việt Nam đã bày tỏ nhiều thiện chí, nhưng bàn tay thiện chí đưa ra đã chỉ nhận được quả đấm thô bạo đưa lại.

Trong thực tế những cuộc xuống đường biểu tình của đồng bào hải ngoại chống các hành động đàn áp của nhà nước cộng sản Việt Nam thể hiện một tinh thần đứng đắn khi họ đòi hỏi tự do, dân chủ, nhân quyền cho tám mươi triệu người trong nước. Những đòi hỏi cao thượng này cũng chính là thách thức trước hết cho ông Phan Văn Khải mà hóa giải hận thù đối với tập thể người Việt hải ngoại là một sứ mệnh quan trọng trong chuyến công du Hoa Kỳ lần này.

Làm sao để có hòa giải? Hòa giải là một khái niệm phổ thông được dùng để chỉ sự hàn gắn của những mâu thuẫn, đổ vỡ. Anh em trong nhà xung đột thì chắc chắn ít nhiều hai bên đều vừa có lý vừa có lỗi. Muốn cùng tiếp tục chung sống trong một mái nhà, cùng chia sẻ một tương lai chung với nhau thì trước hết phải tìm cách hòa giải với nhau. Hai người phải bình tĩnh ngồi xuống, nhận lỗi với nhau và tha thứ cho nhau trong tinh thần bình đẳng và tương kính. Hòa giải phải thành thật và triệt để mới có hòa hợp bền vững, hòa giải đi trước mới có hòa hợp thật sự theo sau.

Hãy nhìn vào trường hợp Nam Phi và Úc. Sự ra đời của "Hội đồng Sự thật và Hòa giải" (Truth and Reconciliation Commission) của Nam Phi và nỗ lực của nhà nước Úc đưa

vấn đề hòa giải thường trực trên bình diện quốc gia là hai trường hợp tiêu biểu của tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Họ không lấp liếm quá khứ. Cả hai quốc gia này đều đã trải qua những vấn đề trầm trọng mà sự tích lũy mâu thuẫn nội tại, nếu không được tháo gỡ một cách đúng đắn, sẽ phá vỡ giềng mối quốc gia. Nam Phi đã trải qua nạn phân biệt chủng tộc apartheid ghê rợn. Úc đã phải đối diện thường trực với những vấn đề nhức nhối giữa người di dân và người bản xứ từ khi người Anh đến thành lập thuộc địa năm 1788. Khái niệm hòa giải khi đem vào áp dụng ở những quốc gia này đã trở thành một cách ứng xử, là kim chỉ nam cho hành động vì được trang bị một nội dung thuận lòng người, hợp lẽ phải, được hỗ trợ bởi một tiến trình cụ thể và khả thi.

Nhưng, trái lại, trong tiếng Việt khái niệm *reconciliation* vẫn còn là một khái niệm gây nhiều bối rối vì thường được diễn giải một cách tùy tiện. Sự ngộ nhận do đó là điều không tránh khỏi, chưa kể những gán ghép đầy ác ý nhằm phục vụ những ý đồ riêng. Sự tùy tiện này thường được thấy qua các khẩu hiệu "hòa hợp dân tộc", "đại đoàn kết dân tộc" do đảng cộng sản đưa ra. Đây chỉ là con đường một chiều, bất chấp công lý. Hòa hợp dân tộc sẽ không thể có vì là một sự đầu hàng, bởi vì nó chỉ là sự chấp nhận đơn phương một chính quyền đã là thủ phạm của những đổ vỡ. Những khẩu hiệu trống rỗng như thế không có chỗ đứng trong một tiến trình lương thiện để xây dựng đồng thuận dân tộc, vì trước hết phải được xuất phát từ một tình cảm.

Cụm từ "hòa hợp hòa giải" không chính về mặt ngữ nghĩa, không có chỗ đứng trong tiếng Việt nhưng vì được dùng quá nhiều trong suốt hơn 30 năm qua nên nó đã trở thành một khái niệm khá cụ thể: nói đến "hòa hợp hòa giải" người ta thường nghĩ đến bọn đón gió trở cờ, cơ hội, trục lợi. Nhưng điều đáng nói là, do cố ý nhiều hơn vô tình, cụm từ "hòa hợp hòa giải" thường được gán ghép một cách có ác ý với lập trường trong sáng "*hòa giải và hòa hợp dân tộc*" của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Từ khi lập trường này ra đời năm 1982, và sau khi hòa thượng Thích Quảng Độ gửi thông điệp kêu gọi dân chủ đa nguyên vào dịp xuân Ất Dậu, các cụm từ "hòa giải và hòa hợp dân tộc", "hòa hợp dân tộc", "đại đoàn kết dân tộc", và cả cụm từ vô nghĩa "hòa hợp hòa giải", v.v., được đề cập lại rất nhiều, một cách bình tĩnh hơn, trên các phương tiện truyền thông. Chúng trở thành những đề tài bàn luận thời sự. Đây là điều đáng mừng, nó biểu lộ sự quan tâm trước một vấn đề là bước đầu tốt để vấn đề được nhận rõ.

Lập trường "*hòa giải và hòa hợp dân tộc*" trước hết là tình cảm quảng đại, nhưng nó cũng là một chiến lược đấu tranh cho dân chủ và một là nền tảng triết lý để xây dựng tương lai Việt Nam. Hòa giải là điều kiện cần để có dân chủ đa nguyên và hòa hợp là để động viên mọi khối óc và mọi bàn tay. Việt Nam là dân tộc có nhiều vấn đề cần hòa giải hơn cả. Xét cho cùng quân dân hai miền trong cuộc chiến vừa qua nhiều ít đều là nạn nhân.

Quân dân miền Bắc được các lãnh tụ cộng sản cho ăn bánh vẽ về thế giới đại đồng và đã đổ rất nhiều xương máu để giải phóng "miền Nam đói khổ". Quân dân miền Nam phải chịu sự lãnh đạo của những người thiếu hẳn tinh thần dân tộc. Phải hòa giải giữa hai khối nạn nhân này để cùng đoàn kết đánh bại thiếu số độc tài còn sót lại.

Phải hòa giải giữa các tôn giáo với nhau do những mâu thuẫn lịch sử, giữa các sắc tộc trong cộng đồng dân tộc, giữa người miền Nam và người miền Bắc bị cách biệt về địa lý và bị đặt vào thế xung đột, giữa cộng đồng người Việt hải ngoại và nhà nước Việt Nam bị chính quyền cộng sản khống chế và lạm dụng, v.v. Thật ra quốc gia là một thực thể phức tạp, trong đó mâu thuẫn là thường trực, nên luôn cần hòa giải để quốc gia tồn tại và tiến tới.

Ở đây cũng cần nhấn mạnh rằng, sự phát triển của quốc gia là sự thăng tiến một cách hài hòa cả vật chất lẫn tinh thần, cả kinh tế lẫn nhân quyền. Viện cố phát triển kinh tế để bóp nghẹt các quyền thiêng liêng của con người chỉ là một nguy hiểm trở trên. Vả lại thực tế của các dân tộc đã chứng tỏ phát triển phải đi đôi với tự do và dân chủ.

Các cấp lãnh đạo trong đảng cộng sản Việt Nam đang coi khối tám mươi triệu người như một đàn cừu, nhưng thật ra chính họ cũng đang mang thân phận nô lệ, tự hãm mình trong một hệ thống kinh điển đã hoàn toàn thuộc về lịch sử, vì chưa dám bước ra khỏi nó. Những người đang cầm tù chính mình không thể muốn đồng loại có tự do vì họ không biết đến tự do. Một thiểu số người da đen dù được ban quyền cai quản đoàn nô lệ cùng màu da vẫn là những nô lệ. Phải giải phóng chính mình mới có thể giải phóng đoàn nô lệ, nếu không số phận của họ sẽ rất bi đát khi đoàn nô lệ ý thức được giá trị của sự tự do đứng lên tự giải phóng mình. Hình ảnh vùng dậy dũng mãnh nhất trong lịch sử Saint Dominique của những nô lệ da đen, với những hậu quả khốc liệt cho thành phần thống trị và tay sai, vẫn còn nguyên vẹn ; Cộng hòa Haiti, nền cộng hòa đầu tiên này của người da đen trên thế giới, cũng vừa kỷ niệm hai trăm năm độc lập với những hình ảnh tương tự như thế. Thoát khỏi sự tù túng của tâm lý, của những trói buộc và cấm đoán, con người có khả năng làm ra những phép màu. Vẫn biết dân chủ đa nguyên là một môi trường đầy hứa hẹn, một vùng trời rộng lớn cho những con người tự do tung hoành, nhưng nó sẽ chỉ là giấc mơ nếu khối tám mươi triệu người trong nước chưa ý thức được tầm quan trọng của bước tiến hóa quyết định này để nhất quyết làm con người tự do.

Hòa giải phải là một tiến trình nghiêm túc trước khi có hòa hợp. Việt Nam là ngôi nhà chung. Nỗ lực hòa giải trước hết phải đến từ tình cảm, từ tình tự dân tộc nhưng nguyên tắc căn bản vẫn phải dựa trên sự bình đẳng, tương kính, với tiếng nói ngang nhau, nghĩa là phải có dân chủ đích thực. Nam Phi, Úc đã hình thành một tiến trình hòa giải có giám sát trên bình diện quốc gia. Nếu không có một tiến trình hòa giải, trong đó mọi thành phần dân tộc đều được tôn trọng, những người đã bị xúc phạm được phục hồi danh dự, những vết thương được hàn gắn thì phải hiểu "hoá giải hận thù" vẫn chỉ là khẩu hiệu rỗng tuếch và giả dối.

Nước Mỹ đang mùa tưởng niệm Ngày Chiến Sĩ Trận

Vong (Memorial Day) 30 tháng 5. Chỉ ba năm sau cuộc nội chiến 1861-1868, đã có nhiều nỗ lực từ cả hai phía Nam-Bắc (Union và Confederacy) để hàn gắn vết thương chiến tranh, cụ thể là ngày tưởng niệm những người đã nằm xuống của cả hai miền Nam Bắc, ngày Chiến Sĩ Trận Vong được thành hình. Trong lúc đó chiến tranh Việt Nam, có thể không cần đặt tên cho nó, đã kết thúc ba mươi năm nhưng chính quyền cộng sản vẫn huênh hoang tổ chức ngày chiến thắng, và cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn buồn rầu tưởng niệm ngày quốc hận 30-4 là điều dễ hiểu. Người sống có tương lai nhưng người chết chỉ còn quá khứ. Trước hết phải hòa giải với những người đã chết, hay ít nhất để những người đã chết có cơ hội hòa giải với nhau bằng sự hàn gắn cụ thể, thành thực từ những người sống.

Mọi tiến trình đều cần có khởi điểm, tiến trình hòa giải không là ngoại lệ. Lịch sử Việt Nam trong một ngàn năm qua đã có quá nhiều nội chiến, đổ vỡ. Đã có rất nhiều ngày chiến thắng và cũng đã có từng ấy ngày chiến bại, giữa vinh quang và tủi nhục là hố hận thù ngày càng sâu.

Ngày 30 tháng 4 không cần được kỷ niệm là ngày chiến thắng, hay ngày chiến bại, hãy để nó là ngày để suy nghĩ, ngày mà những người đã nằm xuống được tưởng nhớ một cách phù hợp và trân trọng.

Nguyễn Văn Hiệp (North Carolina)

## Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

**Tại Pháp** : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

**Tại Đức** : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

**Tại Hòa Lan** : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

**Tại Anh** : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

**Tại Hoa Kỳ** : Thông Luận, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

**Tại Úc** : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

Tìm đọc Thông Luận  
và nhiều tiết mục khác trên internet :  
<http://www.thongluan.org>

# Một nhân vật phi thường

Ta có thể nhỏ lệ vì một người vừa mới khuất  
Hay cười lên vì ông đã từng có mặt ở cõi đời  
*Khuyết danh*



**Trương Trọng Thi**  
người chế tạo ra máy vi  
tính cá nhân đầu tiên  
trên thế giới

**André Trương Trọng Thi** (hay TTT) đã từ giã chúng ta ngày 1-4-2005. Máy vi tính vừa mồ côi cha vào tuổi 32.

TTT, "cha đẻ của máy vi tính", đã để lại một dấu ấn mãnh liệt trong ngành vi tính tại Pháp và là một trong những người đóng góp tích cực cho sự tăng trưởng máy vi tính trên thế giới trong suốt hơn 20 năm qua.

Sinh ở Sài Gòn năm 1936 trong một gia đình đại tư sản miền Nam (cha ông là người

Việt đầu tiên tốt nghiệp trường Cao học Thương Mãi Pháp HEC, khóa 1924), Trương Trọng Thi sang Pháp năm 14 tuổi, tốt nghiệp trường Kỹ sư Điện Phát thanh (EFR, sau thành EFREI, trường Điện tử và Tin học Pháp), làm việc cho công ty Schlumberger. Tại đây ông sáng chế ra máy đo Carbon Dating 14 đầu tiên trên thế giới dùng transistors. Năm 1965, trong chuyến viếng thăm Hoa Kỳ, ông rất chú ý tới các mạch điện tử tại đây vừa tốt lại vừa nhỏ gọn hơn ở Pháp.

Trở về Pháp, ông cùng vài người bạn thành lập công ty R2E (Réalizations Etudes Electroniques) để chế tạo ra những mạch điện tử nhỏ gọn này. Năm 1972, hãng R2E chế tạo máy Control of Process cho Viện Quốc gia Nghiên cứu Nông nghiệp (INRA) để thực hiện những việc tính toán và đo lường, máy này vừa rẻ vừa gọn nhẹ hơn máy PDP-8 của hãng DEC, nên rất dễ di chuyển. Cũng nên biết vào lúc đó, hãng Intel vừa cho ra đời máy 8008 với bộ vi xử lý (microprocessor) mới 8-bit ; đây là bộ vi xử lý đầu tiên của hãng Intel, mạnh và nhanh gấp hai lần máy 4004 của chính mình, do đó chiếm lĩnh thị trường máy tính điện tử. Với cơ phận này, trong vòng 5 tháng, TTT và các kỹ sư hãng R2E đã chế tạo ra máy vi tính (microcomputer) đầu tiên trên thế giới, được đặt tên là **Micral N**, với đầy đủ cơ phận và thiết kế của một máy vi tính hiện đại : thẻ Central Unit (CPU), BUS, sử dụng các thẻ nhớ MOS, RAM và EPROM, thẻ I/O, thẻ Format Control (cho đĩa mềm floppy và băng nhớ), hệ thống điều hành *real time* và Cross Assembler.

Máy vi tính đầu tiên được giao cho viện INRA tháng 1-1973 ; trong năm này hãng R2E sản xuất 500 máy Micral N dùng để thu lệ phí trên các tuyến xa lộ trả tiền (toll road). Cho đến cuối năm 1982, hơn 100.000 máy đã được bán ra trên thị trường. Cũng nên biết, công ty Microsoft được thành lập năm 1975 và công ty Apple năm 1976.

Hiện có một máy Micral N được trưng bày tại Computer Museum tại Boston và một máy khác tại Musée des Arts

et Métiers tại Paris từ tháng 12-2003. Máy Micral N đã được trưng bày ở đại hội vi tính Comdex 1997 tại Las Vegas để kỷ niệm 25 năm microprocessor.

Năm 1978, hãng 2E hội nhập cùng hãng Bull, một công ty của chính phủ Pháp, để trở thành công ty Bull-Micral với tham vọng chiếm lĩnh thị trường máy vi tính thế giới. Khi thấy hãng IBM đầu tư vào lãnh vực máy vi tính cá nhân (PC) năm 1981, TTT đã cùng công ty R2E of America (Minnesota) chế tạo thành công một máy PC tháng 7-1982. Nhưng TTT đã không thuyết phục được lãnh đạo hãng Bull đầu tư vào lãnh vực này, ông từ nhiệm khỏi công ty Bull vào tháng 10-1982 và thành lập công ty Normerel sản xuất và bán máy vi tính đầu tiên của Pháp, dưới tên thương mại OPLite, tương đương với máy IBM PC.

Trong thập niên 1980, TTT là người cầu chứng (trademark) bằng phát minh đầu tiên về lưu trữ dữ kiện điện toán (GED) trên đĩa điện quang (optical). Chưa hết, TTT cùng nhóm chuyên gia của ông đã thành công trong việc "thu gọn" (downsizing) những dữ kiện thông tin từ hệ thống lớn xuống hệ thống nhỏ đầu tiên trên thế giới, sử dụng mạng lưới vi tính trong môi trường *customer-server*. Những năm gần đây, ông lãnh đạo công ty APCT (Advanced PC Technologies), cung cấp dịch vụ và sản phẩm sử dụng trong môi trường Windows NT.

Nói tóm lại, TTT là một người có viễn tượng tinh tế, thích tìm hiểu mọi chuyện, đam mê các kỹ thuật và có tài kinh doanh để thực hiện những sáng kiến kỹ thuật của ông. Ông cũng là một người dễ mến khác thường với một lòng rộng lượng thành thật và tự nhiên.

Tuy không nói rành tiếng Việt, ông không hề quên nguồn gốc xuất thân và luôn đề cao người Việt. Lúc nào ê kíp của ông cũng có chuyên gia người Việt, tôi là người được ông mời đứng đầu dự án downsizing cho công ty bảo hiểm SGGA và sau đó cho Thư viện Quốc gia ở Bắc Kinh.

Năm 1978, TTT về Việt Nam đề nghị sản xuất máy Micral nhưng rất tiếc dự án này không thành, nếu không Việt Nam có thể là quốc gia đầu tiên phong sản xuất máy vi tính ở Á Châu. Về lại Việt Nam năm 1992, TTT khuyến khích quyền cộng sản cố gắng bắt kịp đà tiến bộ chung của thế giới, nhưng cũng không thành. Sau nhiều lần về thăm nước theo lời mời của Bộ Khoa học, Kỹ thuật và Môi trường, ý kiến của ông không được mấy ai tôn trọng.

Cuối cùng chỉ nước Pháp biết vinh danh ông. TTT được trao Huân chương Légion d'Honneur Đệ ngũ đẳng năm 1999. Hy vọng rằng ở thế giới bên kia, khi nghĩ đến quê hương nguồn cội, TTT sẽ không thốt ra câu cay đắng như nhà thơ Lê Đạt : "*Đất nước mẹ mình hay mẹ ghẻ ?*".

**Phạm Tùng Cương** (New Jersey)



**Máy Micral N và CPU**

## Nguyên nhân giải thể **PHONG TRÀO TÂY NGUYÊN TỰ TRỊ**

Sau hiệp định Genève 1954, Việt Nam bị chia thành hai miền với hai chế độ chính trị khác nhau : Việt Nam Cộng Hòa tại miền Nam và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại miền Bắc. Riêng tại miền Bắc, chính quyền cộng sản đã chiêu dụ khoảng từ 6 đến 7.000 người Thượng tập kết, những người này được chở từ cảng Qui Nhơn đến Hà Nội để sau đó được đi huấn luyện tại Trường các dân tộc ít người miền Nam, những thành phần ưu tú sau đó được đưa đi huấn luyện tại Trường sư phạm trung ương, chỉ vài người thật xuất sắc mới được đưa sang Bắc Kinh đào tạo thêm.

Tại miền Nam, toàn khu sinh trú của người Thượng từ Quảng Trị đến Tây Ninh được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Tháng 3-1955, chính quyền Ngô Đình Diệm xóa bỏ chế độ "Hoàng Triều Cương Thổ", được thành lập ngày 15-4-1950 bởi hoàng đế Bảo Đại, dành cho các sắc tộc cao nguyên một qui chế đặc biệt. Để loại trừ ảnh hưởng của người Pháp ra khỏi cao nguyên, thủ tướng Ngô Đình Diệm cử những quan chức người Việt lên thay thế và áp dụng chính sách "Việt hóa", thật ra là đồng hóa, bất chấp phong tục tập quán cổ truyền của các sắc dân địa phương. Những địa danh, nơi sinh trú của người Thượng, trên cao nguyên đều được Việt hóa.

Lần đầu tiên bị đặt dưới quyền lãnh đạo của người Kinh, chính sách Việt hóa cứng nhắc này đã khiến một số trí thức người Thượng trên Tây Nguyên bất mãn, đặc biệt là giới chuyên viên hành chánh và quân đội được đào tạo dưới thời Pháp thuộc. Đầu năm 1955, một nhóm trí thức người Ê Đê thành lập Mặt trận giải phóng dân tộc Cao Nguyên (FLM-Front de libération des Montagnards) do ông Y Mok Niê Kdam làm chủ tịch. Ngày 1-5-1958 Mặt trận giải phóng dân tộc Cao Nguyên mở rộng sang các thành phần sắc tộc khác và đổi tên thành mặt trận BaJaRaKa, tên ghép của bốn sắc tộc lớn trên Tây Nguyên, do ông Y Bham Enoul làm chủ tịch.

Cùng lúc đó, chính quyền cộng sản Hà Nội cử người xâm nhập vào miền Nam, trong đó của những lãnh tụ người Thượng. Năm 1960, Mặt trận Giải phóng Miền Nam kết nạp một số thành viên BaJaRaKa để thành lập phong trào Tây Nguyên Tự Trị ngày 19-5-1961, trong đó có 23 lãnh tụ người Thượng, do ông Y Bih Aleo làm chủ tịch, kiêm phó chủ tịch Mặt trận giải phóng miền Nam.

Sự ra đời của phong trào Tây Nguyên Tự Trị vào một thời điểm thuận lợi đã được đồng đảo người Thượng ủng hộ. Hai chữ "tự trị" đã hấp dẫn một số đông người Thượng trên Tây Nguyên, tất cả đều hy vọng chính quyền cộng sản dành cho họ qui chế tự trị một khi giành được chính quyền tại miền Nam. Trong tinh thần đó, các sắc tộc Mnông, Sedang, Bahnar, Jarai, Radé, Kaho, v.v. sinh sống ở những nơi xa xôi hẻo lánh tình nguyện theo Y Bih Aleo chống lại các chính quyền miền Nam để được tự trị.

Kế hoạch giải phóng Tây Nguyên, do Y Bih Aleo đưa ra, gồm ba giai đoạn : xây dựng cơ sở và phát triển quần

chúng, xây dựng lực lượng võ trang và lập căn cứ du kích chiến và sau cùng là tổng phản công cướp chính quyền.

Những nhóm võ trang người Thượng trong phong trào Tây Nguyên Tự Trị, mà căn cứ quân sự đặt dọc theo vùng biên giới Việt-Lào và Việt-Miền do Y Bih Aleo lãnh đạo, đã cùng với bộ đội miền Bắc và Mặt trận Giải phóng Miền Nam tấn công các đồn bót quân sự trên khắp Tây Nguyên và chiếm thành phố Buôn Ma Thuột ngày 19-3-1975.

Mục đích tham gia phong trào Tây Nguyên Tự Trị của các ông Y Bih Aleo và những lãnh tụ người Thượng khác như Y Ngông, Y Vang, Y Bloc Eban không ngoài ước muốn được tự trị trong một nước Việt Nam độc lập. Nhưng từ sau gày 30-4-1975, những đóng góp và hy sinh của họ cho phe cộng sản tan biến vào mây khói, những lời hứa cho tự trị trước kia bị nhận chìm vào quên lãng. Phong trào Tây Nguyên Tự Trị, cũng như Mặt trận Giải phóng Miền Nam, đã không những bị giải tán mà còn bị cấm nhắc tới. Đối với người Kinh, những quỷ thuật này có lẽ là bình thường và mọi người chấp nhận nó một cách vui vẻ, nhưng đối với người Thượng đây là sự phản bội một khế ước đã thỏa thuận giữa những người đã từng hy sinh xương máu cho nhau. Ngày nay không những chính quyền cộng sản đã phản bội những khế ước ngày xưa mà còn áp dụng chính sách phân biệt đối xử với cộng đồng người thiểu số Tây Nguyên một cách không nề nang. Họ đã cạy đông hiệp ít, cạy mạnh hiệp yếu, cạy gian manh hiệp thật thà. Khao khát duy nhất của người Thượng là được sinh sống bình yên trên lãnh thổ của cha ông để lại cũng không được toại nguyện, họ bị xua đuổi vào những vùng hẻo lánh để chết dần chết mòn theo thời gian vì không thể canh tác. An ủi cuối cùng của người Thượng là được sống trong ơn lành của Thượng Đế cũng không xong, những lãnh tụ tôn giáo bị đánh đập và tù đầy, những nhà nguyện bị phá sập. Có cái gì bảo đảm rằng nước Việt Nam hiện nay tôn trọng các quyền tự do và sự bình đẳng giữa người và người ?

Ước mơ duy nhất của các chiến sĩ gốc Tây Nguyên trong suốt 20 năm thoát ly đi tập kết, 20 năm tham gia đấu tranh giành độc lập để thấy Tây Nguyên tự trị ngày nay tan vào mây khói. Cú sốc này là một sự phản bội vô cùng đau đớn. Làm sao thuyết phục được cộng đồng người Thượng trên Tây Nguyên tin vào chính quyền ? Chính quyền cộng sản đã không ngưng miệng sử dụng những lời đường mật ru ngủ lòng người, tung ra chiêu bài tự trị để rồi nuốt trọng lời hứa. Tiếng nói của những lãnh tụ Thượng cộng không có trọng lượng nào khi bên vực cho quyền sống của đồng bào họ. Sự bất mãn của những sắc tộc Thượng đã như trái cây chín muối đến ngày phải rụng. Những cuộc xuống đường tháng 2-2001 và tháng 4-2004 chỉ là những dấu hiệu khởi đầu, nếu Hà Nội không có một chính sách dân tộc thích hợp dành cho người Thượng một chỗ đứng xứng đáng trong lòng dân tộc Việt Nam, mọi kêu gọi kết hợp, hợp tác xây dựng một tương lai chung chỉ là sáo nghĩa. Và cũng đừng làm sống lại bóng hình Fulro để hù dọa hay đàn áp những đòi hỏi chính đáng. Cộng đồng người Thượng ngày nay không còn đơn độc.

**Ya Biloh** (Cheo Reo)

Dưới ánh sáng xét lại :

# Các vua nhà Nguyễn, giới Văn Thân và sự bại vong của Việt Nam

(tiếp theo Thông Luận số 191, và hết)

Tôn Thất Thiện

## Phần II

Giáo sư Tsuboi đã để rất nhiều công nghiên cứu đặc biệt giới Văn Thân, và trong sự nghiên cứu này, ông đã làm sáng tỏ một khía cạnh rất đặc biệt của chế độ quân chủ thời các vua nhà Nguyễn, và đặc biệt là thời vua Tự Đức, mà các nhà nghiên cứu về Việt Nam khác không chú ý đến, tuy rằng nó rất cần thiết để hiểu rõ những gì xảy ra trong thời gian này.

Chế độ quân chủ Việt Nam thời Nguyễn được các nhà chính trị học và các nhà luật học xếp vào loại "chuyên chế" thuộc hệ thống Khổng giáo, trong đó vua nắm quyền hành tối thượng tuyệt đối. Quanh vua là những viên chức có quyền nhất, những vị đại thần thuộc Cơ Mật Viện. Vua và những vị đại thần này là "triều đình". Kế đến là các đình thần cao cấp, rồi các quan trong bộ máy hành chính. Trong chế độ này, uy quyền đi từ trên xuống, trên ra lệnh, dưới thi hành. Nhưng, trong thực tế, nó không phải vậy.

Trong tư tưởng chính trị nhà Nguyễn, khởi đầu với triều Gia Long, quyền hành của vua dựa trên khái niệm "thuận Thiên, ứng dân". Đây là khái niệm mà chúa Nguyễn Phước Ánh viện dẫn khi các đình thần tôn ông lên ngôi vua năm 1802. Theo quan niệm chính trị thời đó, vua là "Thiên tử", con Trời, người được Trời lựa chọn để trị dân. Làm vua là theo ý Trời, do "Thiên mệnh", nhưng "Thiên mệnh" này thể hiện qua "dân ý" - lòng dân. Được lòng dân mới chiếm và giữ được Vương vị. Điều này rất rõ trong trường hợp Chúa Nguyễn Phước Ánh. Nhờ có dân bảo vệ mà ông ta thoát được sự truy nã của Tây Sơn trên khắp miền Nam trong hơn 20 năm trời, gây dựng lại được lực lượng, và cuối cùng đánh bại được Tây Sơn.

Phần khác, có được lòng dân, vua mới làm tròn sứ mạng của mình được. Đây là điều mà vua Tự Đức ý thức rất rõ. Về những quyết định lớn, vua không độc đoán, mà nương theo dư luận, qua phương thức "đình nghị". Điều này giải thích tại sao, trong sự đương đầu với những tấn công của Pháp, vua Tự Đức không theo đuổi được một số chính sách cần thiết để tránh cho xứ sở những đổ vỡ mà ta biết.

Một học giả người Pháp thời đó, từng làm trú sứ Pháp ở Huế, hiểu rõ tâm lý, phong tục và rất thiện cảm với dân Việt Nam, ông Paul Philastre nói : *"Ngay trước khi nói đến những cận thần của nhà vua, chính những giới trung lưu gồm những quan chức nhỏ, những thợ lại, những nhà có tài sản lớn, những người thể hiện ý muốn của dân, lại là những chướng ngại xem ra có vẻ không đáng kể, nhưng thực sự lại là những chướng ngại mạnh nhất ngăn cản bất cứ sáng kiến hay thử nghiệm thay đổi nào"* (Tsuboi, tr. 243).

Theo giáo sư Tsuboi, "không gian xã hội" Việt Nam thời đó bị các quan chức, Nho sĩ - giới Văn Thân - và thân

hào chiếm chỗ. Đây là "nhóm xã hội có uy thế nhất", triều đình cần có sự đồng thuận và hợp tác của nhóm này để thực hiện những chính sách mong muốn.

Theo giáo sư Tsuboi, "Văn Thân" là một thành phần xã hội gồm những Nho sĩ (người biết chữ), thân hào, thợ lại, công chức hưu trí. Tuy giữ những địa vị khác nhau, nhóm này cùng hấp thụ một nền giáo dục căn bản như nhau về xã hội-văn hóa. Là những người đọc được chữ Hán, và với tư thế đó, họ đóng vai trò trung gian giữa triều đình và dân vì là những người chuyển những công bố của triều đình đến quần chúng, không những vào những dịp quan trọng và ngay cả trong đời sống hàng ngày. Điểm chung của "tập đoàn nho sĩ" này - gồm từ vua đến các quan, đến các thợ lại, các giáo viên, thân hào, những người chuẩn bị đi thi và những người đã thi đỗ... - là biết chữ Hán. Họ là những người phổ biến Khổng giáo, và thấy có nhiệm vụ phải bảo vệ đạo lý Khổng giáo.

Một điều rất đáng để ý nữa là những Nho sĩ chuẩn bị thi cử. Họ là những thành phần tạo dư luận và quảng bá dư luận hiệu nghiệm hơn cả. Nhân các kỳ thi, hàng ngàn thí sinh từ khắp các tỉnh trong xứ tụ hội đông đảo tại các trung tâm thi như Huế, Nam Định (trên 5.000 tại Huế và cùng số đó tại Nam Định nhân kỳ thi năm 1864), đã trao đổi tin tức với nhau về tình hình đất nước. Khi về lại tỉnh nhà, họ là những người quảng bá và bình luận thời sự, tạo ra dư luận. Có thể ví các dịp thi cử này như những đại hội toàn quốc của các đảng chính trị lớn.

Giới Văn Thân chống sự du nhập của đạo Công giáo vì cho rằng những người theo đạo này - "giáo dân" - sống cuộc sống khác lối sống của người dân thường - "lương dân". Những giáo dân này tụ tập riêng với nhau, sống ngoài lề cộng đồng, và nhất là từ chối một số nghi lễ liên hệ đến một tục lệ mà người Việt coi là tối trọng : thờ cúng ông bà, tổ tiên. Họ từ bỏ tục lệ này vì một quyết định của Giáo Hoàng Benoit XIV năm 1742 cho đó là một "mê tín Tà". Vì tư tưởng, văn hóa Khổng giáo đặt nặng vấn đề "chính thống", "chính-tà" và không chấp nhận sự khác biệt ý kiến, nên giới Văn Thân coi Công giáo như là "Tả đạo".

Ngoài các yếu tố về đạo lý và tư tưởng, còn một yếu tố nữa là yếu tố kinh tế. Điều này rất sáng tỏ sau vụ Pháp chiếm Bắc Kỳ, sa thải quan chức do triều đình bổ nhiệm, và thay thế bằng những viên chức theo đạo Công giáo, không thuộc giới khoa bảng. Trước hiện tượng này, giới Nho sĩ cảm thấy bị đe dọa vì không còn thấy tương lai, nhất là những người chưa đỗ đạt, và cho dầu có đỗ đạt đi nữa cũng không còn được trọng dụng và quý nể. Địa vị ưu đãi của họ bị đe dọa, do đó phải có phản ứng.

Một lý do khác, có lẽ quan trọng hơn cả, là giới Văn

Thân coi người Công giáo là những người dọn đường cho quân xâm lăng Pháp. Họ dựa trên những sự kiện là trong các cuộc tấn công của người Pháp thường có sự hợp tác của người Công giáo, và trong những âm mưu chống lại triều đình, những kẻ chủ mưu thường tìm sự ủng hộ của người Công giáo. Điều này cũng dễ hiểu vì bị cấm đoán, ngược đãi và chém giết, người Công giáo phải tìm một lực lượng bảo vệ mình và một chính quyền nâng đỡ họ để tự tồn. Lực lượng đó là Pháp, chính quyền đó là chính quyền Công giáo. Vô tình, giới Văn Thân đã đẩy người Công giáo vào thế phải đi với Pháp và chống triều đình.

Thái độ của giới Văn Thân trong giai đoạn này gồm hai phần : truyền thống chống xâm lăng và sự hấp thụ sâu đậm văn hóa Khổng giáo. Phản ứng chống sự xâm lăng của Pháp không có gì ngạc nhiên vì dân Việt Nam có truyền thống chống ngoại xâm từ lâu đời. Cho nên sự kiện giới Văn Thân chống hòa với Pháp và chủ chiến là điều đương nhiên. Nhưng qua đó, Pháp có cơ để gây chiến. Phần khác, giới Văn Thân chủ chiến trong khi Việt Nam ở vào thế rất yếu so với Pháp. Điểm này sẽ được xét ở đoạn dưới.

Trong việc chống Pháp có một khía cạnh ít được nói đến là khía cạnh văn hóa. Thái độ của triều đình, và đặc biệt là của giới Văn Thân, là hậu quả tai hại không tránh được của sự hấp thụ sâu đậm, nếu không muốn nói là mù quáng tôn sùng, văn hóa Khổng giáo mô hình Trung Hoa. Cho đến cuối thế kỷ XIX, giới Nho sĩ - trí thức - Việt Nam chỉ biết có văn minh Trung Hoa và coi văn minh đó là tuyệt mỹ, tuyệt đối, không có văn minh nào có thể hơn được. Nói theo ngôn ngữ ngày nay, đó là đỉnh cao của trí tuệ, khuôn mẫu để mọi người bắt chước. Tất cả những biểu hiện khác với văn minh đó đều là man di, thấp kém, không đáng học hỏi, bắt chước. Đây là thái độ của Nho sĩ Việt Nam đối với người Tây phương, nói chung, và người Pháp, nói riêng, khi người Pháp xuất hiện và xin giao dịch với Việt Nam. Thái độ này dẫn đến sự gạt bỏ tất cả các đề nghị canh tân, hiện đại hóa kiểu Tây phương để đạt phú cường và đương đầu với ý đồ bành trướng của Pháp.

Quan điểm và thái độ của giới Văn Thân được trình bày rất rõ ràng trong *Hịch Văn Thân* ngày 19-3-1874. Hịch này kêu gọi "kẻ Nho gia" ném bút cầm vũ khí để chống "Tây tặc" và "Dương di". Mà chống Pháp trước hết là diệt hết Công giáo thì "Tây tặc không cửa bước vào mà Dương di cũng không chỗ nào tới được". Khẩu hiệu được tung ra là "Sát Tả, Bình Tây". Đạo Gia Tô đột nhập Việt Nam là một đạo giáo "vô phụ vô quân như loại chó dê... bỏ phải trái nói điều mạnh yếu"...

Tại sao vua Tự Đức không sử dụng uy quyền tối thượng của mình ? Ông không thể làm như thế được, về nguyên tắc cũng như về thực tế.

Về nguyên tắc thì, như giáo sư Tsuboi nhận xét ở trên, triều đình - vua, các đại thần và các quan cao cấp - cũng nằm trong "tập đoàn nho sĩ", nên quan điểm căn bản của họ về người Tây phương và Công giáo cũng không khác gì quan điểm của các Nho sĩ trong nước hồi đó. Thời Minh Mạng đã phân biệt rõ Nho đạo là "Chính đạo" và Công giáo là "Tả đạo". Dụ cấm đạo đầu tiên, năm 1825 nói :

"Đạo Tây phương là tả đạo, làm mê hoặc lòng người và hủy hoại phong tục cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chính đạo". Ông Trần Trọng Kim nhấn mạnh : "Lúc bấy giờ không phải là một mình vua Thánh Tổ ghét đạo mà thôi, phần nhiều những quan lại cũng đều có ý cả...". Sau vụ dấy loạn của Lê Văn Khôi trong những năm 1830-1833, vấn đề Công giáo trở thành một vấn đề chính trị. Người Công giáo bị coi là những phần tử chống lại triều đình và sự cấm đạo được giới Nho sĩ ủng hộ mạnh.

Đến triều Thiệu Trị, vấn đề Công giáo lại thêm một khía cạnh an ninh quốc gia. Tuy vua Thiệu Trị không nặng tay với Công giáo, người Tây phương vẫn bị coi là "cuồng di", và sau vụ Pháp bắn chìm tàu của Việt Nam năm 1847, việc cấm đạo lại càng gắt gao hơn nữa, vì Công giáo được đồng hóa với Tây phương.

Nhưng dưới triều Tự đức sự cấm đạo gay gắt hơn cả, sau vụ Pháp tấn công Đà Nẵng lần thứ hai, tháng 4 năm 1959. Giữa năm 1858 và năm 1862 có đến 15 Dụ cấm đạo. Việc cấm đạo gay gắt này là cơ mà Pháp viện dẫn để xâm chiếm Việt Nam, và sự bất đồng trong cách đối phó với sự kiện này đã làm rạn nứt mối quan hệ giữa triều đình và giới Văn Thân. [...]

### Phần III

Thế kỷ XIX mục kích một sự phát triển rất mạnh về khoa học kỹ thuật và kinh tế dẫn đến sự tranh đua bành trướng thế lực và ảnh hưởng giữa các cường quốc Âu châu. Trung Quốc bị Anh, Nhật Bản bị Hoa Kỳ, dùng "ngoại giao bằng pháo hạm" ép buộc "mở cửa", và các cường quốc Âu châu ép Trung Quốc chấp nhận "nhượng địa". Việt Nam được Pháp chú ý đến từ thời chúa Nguyễn Phước Ánh, nhưng vì bận rộn nội bộ, đến triều Napoléon III Pháp mới thực sự hành động. Năm 1859, Napoléon III cho lập "Hội đồng Nam Kỳ" để vạch kế hoạch xâm chiếm Việt Nam. Triều đình vua Tự Đức phải đương đầu với vấn đề này.

Trước ý đồ xâm chiếm của Pháp, Việt Nam có ba phương thức đối lại :

1. Chống đối trực tiếp bằng quân sự : chiến. Muốn chiến, phải mạnh về cả quân sự lẫn kinh tế. Muốn mạnh phải có kỹ thuật cao, kinh tế phát triển, tài chánh dồi dào, nghĩa là phải canh tân.

2. Tránh giao tranh : hòa. Muốn hòa, phải chấp nhận một số điều kiện của địch.

3. Trì hoãn : thủ. Muốn thủ, trong nước phải đủ điều kiện để kéo dài chiến tranh, nghĩa là phải đoàn kết chặt chẽ, kỹ luật cao, có hậu cần vững chắc, và phải có khả năng gia tăng phú, cường, nghĩa là phải canh tân.

Các vấn đề trên đã được vua Tự Đức đưa ra "đình nghị", nghĩa là đưa ra triều đình bàn cãi. Cuộc "đình nghị" quan trọng nhất là bàn cãi về nghị hòa của đại tá Rigault de Genouilly, tháng 6-1859, và của thiếu tướng Page tháng 1-1860. Trong những tiếp xúc từ triều Gia Long đến đầu triều Tự Đức, Pháp xin bốn điều chính : được tự do truyền giáo, tự do thương mại, đặt trú sứ ở Huế, nhường cho Pháp một phần đất nào đó để bảo đảm cho sự thi hành hòa ước. Tất

cả những quan điểm về chiến, hòa, thủ đều được đưa ra mở xẻ tường tận trong dịp này.

Nói chung, quan điểm chiến được đại đa số chủ trương. Theo họ, ở vùng Đà Nẵng thì chiến thuyền Pháp nhiều mà đã vào sâu trong sông "có thể vây đánh được", vậy nên "đợi họ vào sâu nữa, rồi lần lượt tiêu trừ"; ở Gia Định thì chiến thuyền họ ít, mà "ở xa ngoài biển, khó nổi tiến bức". Cho nên nên cùng họ đánh một trận trên đất, "toàn thắng rồi lần lượt tiêu trừ". Nếu hòa thì "bỏ cấm đạo, cho thông thương, họ được lập nhà thờ, lập phố chợ, trăm điều giao hiếu sẽ từ chữ hòa mà sinh ra". [...].

Phe chủ hòa có khâm sai ở Nam Kỳ, Nguyễn Bá Nghi, là người luận lý hợp lý, hợp tình hơn cả. Nhân vua hỏi, Nguyễn Bá Nghi thực tình tâu: "*Tôi vốn nghe nói tàu Tây đi mau như bay, súng Tây bắn thủng được mấy thước thành đá, xa được mấy mươi dặm, tôi vẫn chưa tin. Đến năm Thiệu Trị, tàu Tây đến Đà Nẵng, bắn phá năm chiếc thuyền đồng của ta chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, bấy giờ tôi quyền chức bố chánh Quảng Nam, chính mắt trông thấy, mới tin là thiệt. Ba bốn năm lại đây, binh ta không phải là không dũng, súng ta không phải là không mạnh, đồn lũy của ta không phải không dày, thế mà thua họ, cũng chỉ vì tàu súng của họ hơn ta xa vậy. Các quan quân-thứ không biết người biết mình, cứ cưỡng mà đánh nên ngày nay mới thế... tôi cho là đánh, giữ đều không được, phải hòa chứ không thì không xong cuộc... Người Tây biết ta không thiệt tình, e lại ép lấy thêm đất, khi ấy công không được, thủ không được, mà hòa cũng không được...*" (Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử (1884-1945)*, tr. 157). Trong số đại thần, người chủ hòa mạnh hơn cả là ông Phan Thanh Giản, người điều đình hiệp ước 1862.

Trong phe chủ trương thủ, người đại diện nổi bật nhất là Nguyễn Tri Phương. Ông tâu rằng: "*Người Tây thủy quân, lục quân nương đỡ nhau, khó mà hơn họ được. Ta thì thủy chiến đã không tiện, còn về lục chiến thì họ súng ống đã tinh lại đánh giỏi, quân ta khiếp sợ sinh ra bần rùn, nên cũng không thể địch nổi.... Tình thế như vậy, giữ còn chưa được, nói đánh sao nên? Vậy xin đem binh lực hiện có, dự bị cho nghiêm mà đợi, để làm kế trì cữu, rồi lo trừ liệu lương lương, gặp cơ hội sẽ động, ấy là có hoàn toàn vậy*".

Phản ứng của vua Tự Đức phản ảnh quan điểm của phe chủ chiến, tức phe đa số. [...] Vua bác bỏ hai điều khoản xin đặt sứ quán và xin cho giáo sĩ tự do giảng đạo. Sự bác bỏ này khiến Pháp kéo quân tiến chiếm thành Gia Định...

Rõ ràng là chiến không thắng được, mà hòa thì đa số triều đình và Nho sĩ không chịu, chính vua cũng đồng quan điểm với họ, nhất là sau khi Pháp chiếm ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ. Cuối cùng vua chọn giải pháp nửa chừng và chấp nhận chiến lược "trì cữu" của Nguyễn Tri Phương, nghĩa là chịu lép, nhưng khi có dịp sẽ chiến để phục hưng.

Qua những sự kiện này, ta thấy vua Tự Đức không coi việc mất sáu tỉnh Nam Kỳ, và nhất là sau khi ký hòa ước 1874 chấp nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn cõi đất nước còn lại, như là mất hẳn. Vua có một kế hoạch lâu dài do Nguyễn Văn Tường vạch ra. Đó là chiến lược "hòa để thủ, thủ để mưu chiến", chấn chỉnh nội bộ, chuẩn bị một cuộc

chiến đấu trường kỳ, đợi thời vận. Kế hoạch này đặt trọng tâm vào "tự cường", sự thông hiểu, kiên nhẫn, và kỷ luật của giới Nho sĩ và nhân dân, và dựa vào sự trợ giúp của Trung Quốc. Ở đây có một điểm tế nhị về chiến lược "thủ để mưu chiến" mà vua cùng triều thần không thấy vì không biết gì về quan niệm về bang giao quốc tế của người Tây phương. Không chấp nhận hòa có nghĩa là tiếp tục chiến, người Pháp hiểu như vậy. [...]

Không chú ý đến những gì xảy ra ở ngoài là một quan niệm sai lầm. Theo giáo sư Tsuboi, quan niệm này trở thành phổ biến vì các sử gia Việt Nam, như Lê Thành Khôi, lặp lại những gì mà các giáo sĩ thời đó đã viết. Sự thực là các vua không đẩy được khối Nho sĩ bảo thủ vây quanh. Vua Minh Mạng đã rất chú tâm đến các cường quốc Tây phương; ông đã bảo giáo sĩ Jacquard dịch cho ông đọc những chuyện về Ấn Độ và Napoléon. Năm 1838, khi thấy Trung Quốc bị xâm lăng, ông có ý định thay đổi chính sách. Vì vậy ông gửi một sứ bộ đi Âu châu để do xét tình hình. [...] Năm 1844 vua Thiệu Trị cũng phái người đi Âu châu mua một chiếc thuyền chạy hơi. Vua Tự Đức cũng tò mò về kỹ thuật Tây phương, hay những biến chuyển chính trị ở ngoại quốc. Từ sau khi mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ đến khi băng, ông ý thức được nhu cầu canh tân, nhưng không làm được những cải tổ lớn vì triều đình chống đối, và giới Nho sĩ "ngăn chặn". [...]

Năm 1863 vua Tự Đức phái hai ông Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ đi sứ sang Pháp chuộc lại ba tỉnh Miền Đông. Khi về, hai ông thuật lại, trong phúc trình "*Tây Hành Nhật Ký*", về những gì mắt thấy tai nghe trong thời gian thăm viếng, đặc biệt là sự mô tả các "thiết kiều" và "thạch lộ". Thay vì tìm hiểu, các quan trong triều đình cho rằng các ông đi xa về nói khoác. [...] Năm 1878, ông Nguyễn Tăng Doãn, nhân dịp đi sứ sang Pháp về kể lại những kỹ thuật và văn minh Tây phương liền bị đình nghị giáng chức vì đã kể những chuyện "hoang đường". [...]

Về miền Bắc thì, để lấy lại quyền hành sau những vụ xáo trộn do Jean Dupuis và Francis Garnier gây ra, vua phải chấp nhận hòa ước 1874. Nhưng hòa ước này cũng không được tôn trọng, Nho sĩ miền Bắc, trong đó có cả các quan triều đình, đã tự động kéo nhau đến đốt phá làng mạc và giết chóc người Công giáo, rồi còn kêu gọi người Tàu vào giúp. [...]

Vì vua Tự Đức không bảo đảm được sự tôn trọng hiệp ước, đặc biệt bảo vệ sinh mạng và tài sản của người Công giáo tại đất Bắc, nhất là các giáo sĩ ngoại quốc, quân Pháp đã đánh chiếm Bắc Kỳ năm 1874, rồi chiếm Thuận An, uy hiếp kinh đô, buộc triều đình Huế ký hòa ước bảo hộ, tháng 8-1883. Việt Nam thật sự mất hết chủ quyền. Người đứng đầu phong trào chống đối hòa ước này là Tôn Thất Thuyết, lúc đó là phụ chính vì vua Tự Đức đã băng hà. Các vua Dục Đức và Hiệp Hòa lần lượt bị truất phế, Thuyết đưa các vua Kiến Phúc, rồi Hàm Nghi lúc đó đang còn nhỏ tuổi lên thay. Sự chống đối của Thuyết dẫn đến cuộc đột kích thất bại đêm 4 và 5-7-1885, Pháp chiếm kinh thành, kể cả cung điện, rồi truy nã vua Hàm Nghi. Pháp đưa Đồng Khánh lên ngôi và đày vua Hàm Nghi đi Algérie. Đây là hậu quả của

những hàng động nóng nảy và chủ quan của giới Văn Thân, không biết lượng sức người. Từ tháng 7-1885, quyền lãnh đạo đất nước hoàn toàn nằm trong tay người Pháp.

Giới Văn Thân chống đối các hòa ước là một việc tự nhiên : nó xuất phát từ khí khái, tự ái dân tộc, khi thấy nước nhà bị ngoại xâm. Nhưng trong thực tế, vì thiếu trang bị và huấn luyện quân đội ta bị Pháp đánh tan để dàng, và mất luôn cả nước. Người được cử ra để điều đình với Pháp, Nguyễn Trọng Hiệp, đã tỏ ra rất là khó xử. Sau khi đã mất đồn Thuận An và kinh đô bị uy hiếp, đại diện Pháp, ông Harmand, nói thẳng thừng rằng : *"Tôi cho các ông 48 giờ để chấp nhận hay từ chối toàn bộ những điều kiện chúng tôi đưa ra... Nếu bác bỏ, các ông phải sẵn sàng đón chờ những tai họa vô cùng lớn... Đế quốc An Nam, vua, các hoàng tử sẽ bị diệt. Ngay cả tên An Nam cũng sẽ không còn"*. (Nguyễn Thế Anh, *sdd*, tr. 66). Không những thế, tướng de Courcy, chỉ huy quân Pháp, còn đề nghị dẹp bỏ luôn chế độ quân chủ đi và thôn tính luôn Việt Nam. Ông Nguyễn Trọng Hiệp chỉ còn biết nhân danh triều đình ký hòa ước chấp nhận bảo hộ của Pháp với niềm an ủi tuy bị tước hết chủ quyền, nhưng vẫn còn vua, như vậy nước Việt Nam vẫn còn tồn tại. [...]

Đang lúc lâm nguy, cả vua lẫn giới Văn Thân đều mong chờ vào sự giúp đỡ của thiên triều, nhưng Trung Quốc cũng bị Tây phương, trong đó có Pháp, đánh bại và phải chấp nhận ký những hiệp ước bất bình đẳng. [...]

Trong khi đó đất Bắc Kỳ không phải là hậu cần của nhà Nguyễn, và ở đó nhiều người còn quyến luyến nhà Lê, nên dùng danh nghĩa phục hưng nhà Lê luôn luôn có người hưởng ứng. Đây là một lo ngại lớn của triều đình Huế. Nhưng, trước mắt vua Tự Đức và triều đình, cũng như quân dân ở Bắc, sự giúp đỡ của Trung Quốc là rất cần thiết để chống lại quân Pháp và phục hưng các vùng đất đã bị mất. Chính vì thế, Việt Nam cần giữ Bắc Kỳ để thông thương với Trung Quốc. Quan niệm này ăn sâu trong tâm trí họ, và mãi đến năm 1885, lúc Trung Hoa ký hòa ước Thiên Tân với Pháp, công khai bỏ rơi Việt Nam, cả triều đình lẫn các Nho sĩ mới hiểu rằng ngay cả Trung Quốc cũng còn bị Pháp cưỡng chế để dàng thì mong chờ cứu trợ của Trung Quốc là chuyện mơ mộng hão huyền.

Trong việc này, cũng như trong sự lựa chọn chiến lược "thủ để mưu chiến", chung quy là vua, triều đình, cũng như giới Văn Thân, chỉ bang giao với Trung Quốc mà không hay biết gì về hệ thống bang giao quốc tế đang thông dụng giữa các quốc gia Âu châu, được quy định trong các công ước quốc tế về ngoại giao được chấp nhận tại Hội Nghị Vienna năm 1818 và sau đó. Theo hệ thống này (còn được áp dụng ngày nay) các quốc gia đều bình đẳng, trao đổi sứ thần với nhau, và các sứ thần này đại diện cho quốc trưởng của họ, được quyền đối xử kính trọng và miễn tố, cùng quyền diện kiến quốc trưởng sở tại. Phần khác các chính phủ sở tại có bổn phận bảo vệ sinh mạng và tài sản của công dân các nước khác ở trên đất mình ; vi phạm điều này là xúc phạm đến "danh dự hay quyền lợi trọng yếu" và cho phép nước bị xúc phạm có lý do chính đáng để gây chiến.

Những quan niệm trên đây hoàn toàn xa lạ đối với vua,

quan và giới Nho sĩ Việt Nam thời đó. Họ được đào luyện theo văn hóa Khổng giáo mô hình Trung Quốc. Họ chỉ quen thuộc với một hệ thống bang giao quốc ngoại theo chiều dọc, và chỉ một chiều : trên là Trung Quốc (Thượng quốc, nước lớn, mạnh hơn, văn minh hơn) ; dưới là Việt Nam (Phiên quốc, nhỏ hơn, yếu hơn, văn hóa kém hơn) ; dưới Việt Nam là các Phiên quốc nhỏ hơn, yếu hơn, văn hóa kém hơn (Cao Mên, Lào, tù trưởng các sắc tộc khác). Không có bình đẳng giữa các quốc gia, do đó không có đại diện tại kinh đô của nhau, chỉ có lệ Phiên quốc theo định kỳ gửi sứ sang cống phẩm vật cho Thượng quốc, và mỗi khi Phiên quốc thay đổi triều đại thì Thượng quốc phái sứ, có khi chỉ là viên chức cấp tỉnh, sang phong tước cho vua mới.

Cho nên ta thấy các vua từ vua Gia Long xuống, không chấp nhận tiếp sứ thần của các nước Tây phương, không cho họ diện kiến vua, và không chịu cho họ mở trú sứ quán ở kinh đô Huế. Cho đến sau khi ký hòa ước 1874 vua Tự Đức vẫn kiếm cố thoái thác không tiếp sứ thần Pháp. Với các kiều dân Pháp và các giáo sĩ, vua quan ta cứ dựa vào "phép nước" để giết họ vì vi phạm các dụ cấm đạo.

Trong văn hóa Việt Nam, thương mại là một lãnh vực bị khinh khi. Sự sắp loại theo thứ tự quan trọng sĩ, nông, công, thương. Chuyện trong xã hội Việt Nam thương mại chiếm địa vị rất thấp là chuyện phổ cập. Trong các thế hệ trước, và ngay cả ngày nay, thành đạt thường có ý nghĩa là học thi đỗ làm quan-công chức hay chiếm những địa vị được xã hội quý nể - giáo sư, kỹ sư, bác sĩ, chuyên viên - thay vì làm con buôn. Thành kiến của giới Nho học đối với thương mại rất sâu.

Bá tước Kleckowski, tham vụ Tòa đại sứ Pháp ở Bắc Kinh, trong một cuộc tiếp xúc với hai thượng quan Việt Nam năm 1857, khi đề cập đến thương mại, hai vị quan này nói : *"Người Anh chết đói trên đảo của họ nên phải đi buôn khắp nơi. Điều đó dễ hiểu. Nhưng người Pháp ? Họ chỉ bịa chuyện, vì họ quá giàu để phải đi buôn, họ xấu lắm nên mới đi truyền bá tà đạo của họ, và đầu độc dân chúng tôi với những sai lầm tai hại của họ"* (Tsuboi, *sdd*, tr. 60). [...]

Nếu ở cấp vua và triều đình, là cấp có nhiều cơ hội tiếp xúc với ngoại quốc, mà còn phản ứng tiêu cực như vậy, thì ở cấp thấp hơn, quan lại trung cấp và thấp, Nho sĩ, dân chúng không hề có dịp tiếp xúc với ngoại nhân, còn mù mờ hơn nữa. Có thể nói rằng lúc đất nước đang phải đối đầu với một loạt vấn đề mới thì cả nước như con cóc ngồi dưới đáy giếng khuôn mẫu Khổng giáo Trung Hoa.

## Phần IV

Trong suốt thời gian trị vì (1847-1883), vua Tự Đức luôn có một thái độ cứng rắn, không nhân nhượng. Khi thấy trực chiến không thể được, vua vẫn không chịu hòa mà chỉ theo một chính sách "trì cửu", nghĩa là "hòa để thủ, thủ để mưu chiến". Mà "thủ để mưu chiến" là một chính sách chiến, không phải hòa. Vua đã phải nhượng ba tỉnh Nam Kỳ năm 1862 để giữ vững Bắc Kỳ vì tin rằng sẽ "phục hưng", "giải phóng" mấy tỉnh đó về sau. Vua buộc phải ký hòa ước 1874 sau khi các giới Văn Thân chém giết người Công giáo và

kêu gọi quân Tàu can thiệp chống Pháp, khiến Pháp đánh lấy Bắc Kỳ, nhưng hòa ước này chỉ nhượng chủ quyền về ngoại giao. Trước sự chống đối của giới Văn Thân và sự can thiệp của quân Tàu khiến Pháp một lần nữa đánh chiếm Thuận An, uy hiếp kinh đô, và ép triều đình Huế ký hòa ước 1883, tước chủ quyền lần ngoại giao lần nội trị của Việt Nam, lập lên cuộc bảo hộ. Nhưng ngày quân Pháp chiếm Thuận An thì vua Tự Đức vừa băng. Sau này, cuộc đột kích của Tôn Thất Thuyết đêm 4 và 5 tháng 7, 1885 dẫn đến sự chiếm đóng kinh đô, kể cả cung điện nhà vua, và áp đặt một chế độ bảo hộ càng nặng hơn nữa. Trong suốt những chuyển biến trên, không hề có chuyện vua Tự Đức "rước voi về giày mõ".

Cho nên, trong sự áp đặt bảo hộ, tước hết quyền hành đối ngoại và đối nội của Việt Nam, trách nhiệm thực sự là của giới Văn Thân. Việt Nam đã phải ký những những hòa ước tai hại vì giới Văn Thân nóng nảy, chủ quan, không hiểu gì tình hình, đã gây ra những tình thế buộc triều đình phải ký dưới sự đe dọa bị tiêu diệt. Sở dĩ có các hòa ước 1862, 1874, 1883 và nhất là 1884, là vì phía ta khiêu khích voi, nó giận dữ và xông vào giày mõ chúng ta. Sau 1885 thì không cần ai khiêu khích cả, voi đã quen đường cũ cứ vào đập vì không còn ai đủ sức ngăn cản nó. Giới khiêu khích đó là nhóm Văn Thân, nhưng vừa không có khí cụ vừa thiếu mưu kế nên đất nước mới bị suy vong.

Ta có thể trách vua Tự Đức đã sai lầm trong sự chọn lựa giải pháp chiến và không đẩy mạnh cuộc canh tân xứ sở để có khả năng chống lại sự xâm lấn của Pháp. Nhưng vua không thể bất chấp ý kiến của đình thần. Như chúa Nguyễn Phước Ánh đã nói với giám mục Bá Đa Lộc : bất chấp dư luận là dẫn đến loạn. Hơn nữa, vua cũng như các đình thần là sản phẩm của nền giáo dục Khổng Nho kiểu Trung Hoa, do đó cách xử trí của vua hoàn toàn theo khuôn mẫu đó. Nói tóm lại vua và triều đình là nạn nhân của nền văn hóa Khổng Nho.

Nhóm Văn Thân, cũng vậy. Họ cũng là sản phẩm của nền giáo dục Khổng Nho, do đó đã chỉ phản ứng đúng như những gì đã học, nghĩa là rất giống vua và các quan lại của triều đình. Cái khác biệt là họ rất nóng nảy vì không thích ứng với tình hình mới, và nhất là rất sợ mất vai trò nếu nền văn hóa Khổng Nho mà họ theo không còn nữa.

Ở đây cũng cần nhận định lại về một quan niệm khá phổ biến trong lịch sử Việt Nam, nhất là của những người tự nhận là "cách mạng", là những giới Văn Thân là "yêu nước" và vua Tự Đức và triều đình nhà Nguyễn là "không yêu nước". Những người trong giới Văn Thân thấy nước nhà bị lấn áp, xâm lăng, dày xéo, đã đứng lên chống lại. Đó là một hành động khí khái, can đảm, có tính yêu nước. Nhưng cách yêu nước đó, trong thế nước vô cùng yếu, trong một tình hình quốc tế vô cùng bất lợi, đã làm mất nước. Như vậy, xét về mặt thực tế, hữu hiệu, có phải là thật sự là một hành động yêu nước đáng tán dương hay không ?

Vua Tự Đức và triều đình bị mang tiếng là "không yêu nước" vì đã ký những hòa ước nhục nhã. Nhưng xét cho cùng, vua và triều đình không hề chủ trương đầu hàng Pháp và luôn luôn chủ chiến. Nhưng sau khi thấy rõ chiến

không thắng được thì vua chuyển qua kế "trì cửu", "thủ để mưu chiến". Nhưng kế hoạch này đã không thực hiện được một phần vì sự canh tân đã bắt đầu quá trễ. Đứng ra thì sự canh tân phải bắt đầu từ thời Minh Mạng, nhưng vua không thực hiện được vì sự ỳ lỳ của các Nho sĩ. Vua Tự Đức cũng gặp một sự ỳ lỳ như vậy bởi vì giới Nho sĩ, do hấp thụ văn hóa Khổng Nho, mô hình Trung Quốc quá nặng, đã cản trở mọi ước vọng canh tân. [...]

Chính sách cấm đạo, bài đạo của vua lần triều đình cùng giới Văn Thân là hậu quả của lối nhìn hẹp hòi của những người xuất thân từ khuôn mẫu Khổng Nho. Có thể nói là vấn đề Công giáo chỉ là một chuyện bé xé ra to một cách tai hại. Theo giám mục Pellerin, năm 1881, Đại Nam có 600.000 giáo dân. Chắc chắn đây là một con số thổi phồng. Nếu ta lấy một con số phải chăng, 400.000, thì so với tổng số dân hồi đó, ước lượng khoảng 14 triệu người, thì tỷ lệ người Công giáo ở mức 2,8 %. Đây là một con số không đáng kể sau hơn ba thế kỷ truyền giáo, và nhất là sáu năm sau khi hòa ước 1874 cho Công giáo được công khai và tự do hoạt động trên khắp cõi Việt Nam, do đó không đáng quan trọng hóa đến mức đánh liều đương đầu với Pháp để rồi mất tất cả. Nếu sáng suốt hơn một chút, các vua Gia Long và Minh Mạng có thể điều đình với Tòa Thánh Vatican để giải quyết vấn đề này một cách ổn thỏa.

Tóm lại, xã hội Việt Nam giữa thế kỷ XIX lâm vào thế bế tắc, không đương đầu được với những vấn đề mới được đặt ra trong sự tiếp xúc với một văn minh mới và lạ, văn minh Tây phương. Mới đầu, Việt Nam, cũng như Trung Quốc, khi miệt người Tây phương là man di, văn minh của họ là tả đạo. Nhưng khi bị đám người này đánh bại thì lại sinh ra luýnh quýnh, không biết xử trí làm sao cả. Sự bế tắc này là hậu quả của một nền giáo dục chỉ huấn luyện những con người để tuân lệnh chứ không phải để suy nghĩ, do đó họ chỉ hoạt động rập khuôn theo những gì đã được giáo dục, nghĩa là hưởng về quá khứ, chú trọng về văn chương, kinh sử, đạo lý, không chú tâm gì đến khoa học, thực vật, nên không tin và không hấp thụ được những tiến bộ khoa học, kỹ thuật của các quốc gia Tây phương, nhất là cách tổ chức xã hội khoa học và thực dụng.

Chính vì được giáo dục từ ngàn năm trong nền văn hóa đó nên xã hội ta lâm vào bế tắc, không chấp nhận thay đổi, văn hóa bị xơ cứng. Toàn thể xã hội Việt Nam, chớ không riêng gì vua, triều đình, hay giới Văn Thân, là nạn nhân của tình trạng này. Trong những thập niên qua, nhiều chính trị gia và học giả Việt Nam đặt nặng vấn đề chính trị, cho rằng thay đổi thể chế chính trị là giải pháp cứu nước Việt Nam, nhưng nay rõ ràng rằng vấn đề không phải vậy. Ngày nay, sau 50 năm "tranh đấu" và đã độc lập rồi, các chế độ bảo hộ-thực dân, quân chủ-phong kiến đã bị loại bỏ, nhưng tình hình vẫn không thay đổi, xã hội Việt Nam vẫn còn mang nặng dấu ấn của nền văn hóa Khổng giáo, khuôn mẫu Trung Hoa.

Hy vọng sẽ có nhiều học giả trẻ, như là học giả thuộc tộc Nguyễn Phước, chịu bỏ công bỏ thì giờ và áp dụng những lối tiếp cận mới, để làm sáng tỏ việc này.

**Tôn Thất Thiệp** (Ottawa)

## 5. Xứ Huế - Thuận Hóa - Phú Xuân giữa đại vùng văn hóa ven biển miền Trung

Le Văn Hào

Rời hai vùng văn hóa xứ Thanh xứ Nghệ đi về hướng Nam của đất nước, ta sẽ gặp vùng văn hóa xứ Huế giữa đại vùng văn hóa ven biển miền Trung.

Xứ Huế, theo nghĩa rộng, bao gồm một vùng đất cổ từ Bố Chính Địa Lý, Ma Linh đến Ô và Ri, vốn thuộc vương quốc Champa từ cuối thế kỷ 2, và chỉ từ thời Trần nó mới thuộc về vương quốc Đại Việt. Nói cách khác, xứ Huế xưa chính là vùng đất Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và thành phố Huế ngày nay. Do đó nói vùng văn hóa xứ Huế là nói tới ba tiểu vùng văn hóa Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và nhất là vùng văn hóa Phú Xuân - Huế.



Giếng Chấm cổ Quảng Bình

Hoàng Gia Anh.

Còn hệ thống Hồ khoan Lệ Thủy ở Quảng Bình cũng có vài cái "nhất" khi vang lên trên những cánh đồng phì nhiêu, những dòng sông hữu tình, hay trong những hội hò khoan kéo dài thâu đêm suốt sáng được đông đảo quần chúng yêu cầu nghệ nhân phải hò đi hò lại nhiều đêm liên tiếp cho hết hàng trăm câu của một tổ khúc sáu làn điệu

làm cho người nghe quên ăn quên ngủ vì quá ngon, quá no với những hò mái chèo, hò mái nện, hò mái ba, hò mái nhì, hò mái đuổi, hò mái xấp.

Hồ khoan Lệ Thủy khi cần đắm thắm thì vô cùng tha thiết : "*Nước cạn em xuống sông mò cua bắt cá/Nước này (lớn) em lên rừng hái rau má rau mướp/Anh ơi chua cay mặn ngọt đã từng/Dầu chàng ăn đi mà thiếp nhịn/Một hai ba*

*bốn xin đừng theo ai...*". Nhưng khi bất bình phản đối thì ý tình rất quyết liệt : "*...Ai nói với anh em đã có chồng ?/Tức mình em đổ cá xuống sông em về*" với ngụ ý là sau khi "đổ cá" có thể "đá cổ" luôn đó ai ơi !

Bên cạnh tổ khúc Hồ khoan Lệ Thủy nổi tiếng, nghệ nhân Quảng Bình xưa còn sáng tác hơn 20 điệu hò khác : hò vãn, hò là, hò hí la, hò mái đờ, hò mái dài, v.v., như đã được thống kê trong những năm gần đây.

### Tiểu vùng văn hóa Quảng Bình của xứ Huế

Có thời là một phần đất của tỉnh Bình Trị Thiên cũ (sau 1975) nhập rồi lại tách (1988), tỉnh Quảng Bình ngày nay với 8.000 km<sup>2</sup> và 850.000 dân có một tính cách văn hóa-tinh thần đặc sắc xứng đáng với tên gọi *tiểu vùng văn hóa Quảng Bình*, với những thắng cảnh, địa danh nổi tiếng : đèo Ngang, sông Gianh, sông Nhật Lệ, phá Hạc Hải, Bàu Tró, Bàu Sen, Lũy Thầy, núi Đâu Mâu, chợ Ba Đồn, hai vựa thóc Lệ Thủy, Quảng Ninh. Do đó Quảng Bình đã nhiều lần đi vào tục ngữ, ca dao, dân ca, thơ Lê Thánh Tông, Nguyễn Du, Ngô Thì Nhậm, Bà Thanh Quan... :

- "*Dừng chân đứng lại trời non nước...*"

- "*Lũy Thầy ai đắp mà cao*

*Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu*", v.v.

Hai đỉnh cao của tiểu vùng văn hóa Quảng Bình chắc chắn là Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng và hệ thống Hồ khoan Lệ Thủy.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO tuyên dương là một di sản thiên nhiên của nhân loại, vì nhiều cái "nhất" : nằm trong vùng đá vôi già nhất (hàng trăm triệu năm) ; có rừng nguyên sinh rộng nhất (200.000 ha) ; có dòng sông ngầm xuyên núi dài nhất (14 km) ; có những thạch nhũ tráng lệ kỳ ảo nhất, v.v., theo đánh giá của Hội Hang Động Việt Nam và Hội Hang Động



Hoàng hôn trên sông Hương

Tên tỉnh Quảng Trị chỉ mới xuất hiện từ đầu thời Gia Long nhưng mảnh đất này đã từng thuộc quận Nhật Nam thời Bắc thuộc, rồi thuộc châu Ma Linh và châu Ô của Champa.

Quảng Trị có Tá Linh Sơn và động Voi Mẹp, núi Mai Lĩnh, sông Thạch Hãn ; ở thời cận hiện đại, Mai Lĩnh và Thạch Hãn đã trở thành biểu tượng của tỉnh Quảng Trị vì tính chất kỳ vĩ, hữu tình của "non Mai, sông Hãn".

Bất chấp gió Lào khắc nghiệt, Quảng Trị có một mảng Trường Sơn uy nghi ở phía Tây và một dải Đại Trường Sa dang đặc ven Biển Đông, nổi tiếng với bãi biển Cửa Tùng thời Pháp thuộc từng được mệnh danh là "nữ hoàng của các bãi tắm".

Quảng Trị còn có danh thắng Đắc



Vạc đồng thời chúa Nguyễn

Krông hùng vĩ và các địa điểm Dinh Cát, Ái Tử, Trà Bát ghi dấu sự nghiệp Nam tiến vĩ đại. Ở Trà Bát, nay còn khu Chợ Thuận với nhiều di tích Chăm cổ : giếng, mộ, đồ gốm.

Cảm động nhất là di tích miếu thờ Huyền Trân, người con gái Việt đã đem về cho tổ quốc một dải đất dài rộng từ nam Quảng Trị đến bắc Quảng Nam (1306) : sau 700 năm hương khói, miếu Huyền Trân nay vẫn còn ở Xóm Chùa, huyện Cam Lộ.

Vùng danh thắng *Suối nước nóng Tân Lâm* (trên 40°C) chữa được nhiều bệnh và *Nhà thờ La Vang*, nơi tương truyền Đức Mẹ đã hiện ra cuối đời Tây Sơn đã thu hút hàng ngàn du khách và hàng vạn tín đồ hành hương.

Quảng Trị là nơi lưu giữ một di sản văn nghệ dân gian đặc sắc, đây là quê hương của nhiều nghệ nhân, nghệ sĩ, nhạc sĩ, nhạc sư, danh ca : Châu Loan, Duy Khánh, Nguyễn Hữu Ba... Quảng Trị có những điệu dân ca riêng biệt của mình : *hò đập bắp*, *hò dô hậy*, *hò Hải Thanh* (hò Như Lệ)...

Nghệ nhân Quảng Trị đã sáng tạo ra *nhạc trống quân*, một loại hình khí nhạc nửa dân gian nửa cổ điển : ra đời gần 200 năm nay tại hai làng Điếu Ngao và Bích Khê (huyện Triệu Phong), nhạc trống quân đã trở thành một điển xướng sân khấu bê thế với một dàn nhạc gồm nhiều trống con, kèn bốp và một xập xõa, biểu diễn bảy khúc nhạc độc đáo từ chậm rãi, đồng đặc, trang nghiêm đến rất nhanh, sôi nổi, hào hùng.

### Tiểu vùng văn hóa Thuận Hóa – Thừa Thiên

Đây là một vùng thiên nhiên kỳ thú bao quanh cố đô Phú Xuân - Kẻ Huế và thành phố Huế hiện đại.

Từ tây sang đông, Thuận Hóa - Thừa Thiên có Trường Sơn, đèo Hải Vân, Vườn Quốc Gia Bạch Mã, sông Hương, hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, hệ thống bãi biển Thuận An - Cảnh Dương, hệ thống các làng nghề, làng chài, làng nông cổ kính.

Thuận Hóa - Thừa Thiên lại nổi tiếng về nhiều điệu hát hò : *hò ô*, *hò lơ*, *hò xay lúa*, *hò giả gạo*, *hò nện* (hò hụi), *hò đưa linh*, *hát ru em*, *hát hầu văn*, v.v.

Đây còn là một tiểu vùng phong phú về lễ hội dân gian và tôn giáo : *hội vật làng Sinh*, *hội lễ cầu ngư Thai Dương Hạ*, *hội lễ điện Hòn Chén*, *lễ cúng âm hồn*, *lễ thu tế* ở các đình làng và nhà thờ họ...



Nhà rường Huế truyền thống

### Vùng văn hóa Phú Xuân - Huế : nơi tiếp biến văn minh Mường - Việt - Chăm, chốn giao hòa văn hóa dân gian - cổ điển - cung đình

Huế được thương, được nhớ trước hết nhờ cái duyên thâm của cảnh vật và con người, cái duyên kín đáo tỏa ra từ dáng đi, giọng nói, nụ cười, tà áo, chiếc nón..., cái duyên trầm lắng đó cũng bao trùm nước

non, man mác trong đất trời, thâm nhập vào cỏ cây, nhẹ như mây bay gió thoảng, êm ả chiều tà Vọng Cảnh, Văn Lâu, băng khuâng trăng thu Kim Long, Vĩ Dạ, đìu dặt chiều xuân Thiên Mục, Nam Giao, nồng nàn trưa hè Tam Giang, Cửa Thuận, dạt dào nắng sớm Kim Phụng, Ngự Bình.

Tới Huế dù chỉ một ngày là sáng lên Trường Sơn, chiều xuống Biển Đông, hoặc sáng dạo thuyền trên sông ngắm vườn, thăm chùa, viếng lăng tẩm, tắm biển rồi ăn trưa dưới bóng phi lao Cửa Thuận, nghỉ đêm giữa sóng êm gió nhẹ phá Tam Giang, được ru ngủ bằng tiếng đế núi, thức giấc vì tiếng chim rừng Bạch Mã.

Núi Ngự Bình, đồi Thiên An đã đẹp, núi Kim Phụng còn xinh tươi hơn : một ngày đẹp trời nào đó từ trên đỉnh Kim Phụng tầm mắt quán xuyên núi rừng Trường Sơn xanh thắm sau lưng, ruộng đồng xứ Huế mênh mông trước mặt, dải lụa biếc Hương Giang uốn lượn đi tìm cho được dải cát xa mờ Cửa Thuận, nơi màu biển chan hòa màu trời.

Tinh hoa của thiên nhiên Huế tích tụ vào một dòng sông, xưa gọi là Lô Dung, Linh Giang, hay sông Dinh, nay là giòng xanh mang tên Hương do mùi thơm tinh khiết của những sâm rừng, xương bồ. Hương có hai ngọn nguồn xuất phát từ sâu thẳm Trường Sơn : nguồn Tả Trạch từ núi Trường Động chảy về hướng tây bắc lao mình qua 55 ngọn

thác hùng vĩ rồi chậm chậm đi qua ngã ba Bằng Lăng ; nguồn Hữu Trạch ngắn hơn, sau khi vượt qua 14 ngọn thác hiểm trở và qua khỏi bến đò Tuần, cũng tới ngã ba sông hợp dòng với Tả Trạch, và thế là Hương vừa mới ra đời đã nhẹ nhàng lơ xuôi về Biển Đông. Từ Bằng Lăng đến Cửa Thuận, Hương chuyển đời thật chậm, uốn éo quanh co làm duyên làm dáng giữa núi rừng từ thác Thủ cuộn sóng về bến Tuần.

Rồi Hương chậm chậm lướt qua những xóm thôn, vườn tược Nguyệt Biều, Kim Long, Đập Đá, Vĩ Dạ, Đông Ba, Gia Hội, Chợ Dinh, Nam



Con đò Thiên Mục trên dòng Hương xanh

Phổ, Bao Vinh, quỳn theo vô vàn mùi thơm bông Huế : quỳn huyền vi, cau ngan ngát, sen thanh cao, ngọc lan thoang thoảng, dạ lý nồng nàn, phù dung quỳn rũ... Hương tấu lên một bản giao hưởng xanh xanh với những hợp âm là sắc độ tế nhị của nước trời cây cỏ, điểm xuyết bằng mảng đỏ rạo rực nồng thắm phượng vĩ mùa thi, mảng trắng ngậy thơ dịu nhẹ tà áo với nón bài thơ nữ sinh dập dờu "hoa thơm bướm lượn" trên nền về mái trường, công viên hay trên cầu Trường Tiền, cầu Phú Xuân lộng gió.



**Chợ nón Dạ Lê**

Cảnh quan đôi bờ cố đô, nào thành quách phố xá, dinh thự, chùa tháp, vườn hoa... bóng lờng mặt nước lấp lánh lung linh, làm cho Hương vốn yêu kiều càng nên thơ nên mộng : ngày là dải lụa biếc hong ánh nắng trời, đêm là tấm thảm nhung ghi dáng trăng sao, Hương làm cho khúc *Nam ai*, *Quả phụ* thêm nỉ non, ngậm ngùi, ai oán, cho tiếng *Mái nhì*, *Mái dấy* thêm dịu dặt, điệu vợ, mệnh mang.

Nhà thơ Nguyễn Du đã từng thở than :

*Sông Hương một mảnh trăng  
Gọi niềm sầu vĩnh cửu.*

Và một nhà văn hóa châu Phi, tổng giám đốc UNESCO một thời, đã từng thốt ra lời ngợi ca bất hủ : "*Huế là bài thơ đô thị tuyệt tác, [...] là thành phố đượm nét hài hòa trọn vẹn*" (A.M. M'Bow, 1981).

### **Sáng tạo thứ nhất của văn hóa Phú Xuân - Huế : nghệ thuật kiến trúc**

Cuối năm 1993, Ủy ban Di sản Thế giới thuộc UNESCO đã long trọng tuyên bố đã ghi tên quần thể di tích Huế vào danh mục di sản thế giới.

Trong gần bốn thế kỷ (1558-1945), xứ Huế - Thuận Hóa - Phú Xuân từng là trung tâm chính trị - văn hóa của nửa nước (Đàng Trong của vương quốc Đại Việt) thời các chúa Nguyễn, rồi kinh đô của cả nước (Đại Việt, Đại Nam, Việt Nam) thời các vua Tây Sơn và Nguyễn : người dân, thợ giỏi và nghệ nhân xứ Huế cùng với dân, thợ và nghệ nhân các xứ khác đã dựng nên bao kỳ công kiến trúc.

Trải bao vật đổi sao dời, phần lớn di sản kiến trúc Phú Xuân - Huế đã trở về với cát bụi, nhưng may mắn thay di tích Huế vẫn còn sót lại khá đủ để được tuyên dương là một di sản văn hóa của nhân loại.

Đáng khâm phục là chỉ trong thời khoảng 27 năm dưới hai triều Gia Long - Minh Mạng (1802-1828), hàng triệu nhân công và

nghệ nhân của xứ Huế và nhiều miền của vương quốc Việt Nam - Đại Nam, đã xây dựng nên quần thể kinh thành, hoàng thành và tử cấm thành, với hơn 100 công trình kiến trúc và mỹ thuật, kể cả một Ngọ Môn hoành tráng mà xinh xắn và hàng chục cung điện, lầu gác lộng lẫy sơn vàng ở bờ bắc sông Hương ; ở bờ nam là hệ thống bảy công viên - lăng tẩm rất khác nhau từ Gia Long tới Khải Định. Giữa hai khu vực ấy rải rác gần xa là Đàn Nam Giao, đấu trường Hồ Quyền, Văn Thánh miếu tàng trữ 32 bia tiến sĩ, chùa Thiên Mụ cổ

kinh nhất xứ Huế (1601), điện Hòn Chén thờ vị mẫu Chăm-Việt Thiên Y A Na, cầu ngói Thanh Toàn (1776), v.v. Đỉnh cao của kiến trúc cố đô Huế có lẽ là lăng tẩm các vua Nguyễn. Nhà văn hóa Phạm Quỳnh đã viết ra những lời hay nhất : "*Lăng đây là gồm cả màu trời sắc nước, núi cao, rừng rậm, gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá... Lăng đây là bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp, ghép thêm một bối cảnh nhân tạo tuyệt khéo... tô điểm cho sơn thủy*".

Lăng tẩm Huế là nơi nhà thơ đã thấy "*tang tóc mỉm cười, niềm vui thổn thức*", đây không phải là cõi chết mà là cõi thơ, cõi mộng, nơi tình thiên nhiên quỳn lấy tình nghệ thuật cho hương vị yêu đời thêm say đắm, dạt dào.

### **Sáng tạo thứ hai của văn hóa xứ Huế : nghệ thuật âm thanh**

Sau đám cưới Huyền Trân - Chế Mân và sự chuyển hóa hai châu Ô Ri thành châu Thuận, châu Hóa, âm nhạc xứ Huế đã trở thành đứa em của âm nhạc Champa. Nhà dân tộc học đã nói bóng bẩy nhưng có cơ sở : trải qua một quá trình giao lưu văn hóa lâu dài trong lịch sử, "*nhạc Việt đã nhuộm màu Chăm*" (Trần Văn Khê). Trong các thang âm của âm nhạc Chăm, có một thang âm ngũ cung chia ra thành nhiều quãng nhỏ hơn một cung : *do - ré (già) - fa (già) - sol - la (non)*, làm cho nhạc Chăm đượm vẻ u hoài và nỗi buồn man mác, rất gần với thang âm ngũ cung dân gian của các *điệu lý, điệu hò Huế*, mà cũng gần với thang âm cổ điển của các *điệu ca Huế* (Lê Văn Hảo, *Tìm hiểu quan hệ giao lưu văn hóa Việt - Chăm*, 1979).

Giao lưu văn hóa Việt - Chăm đã cung cấp cho chúng ta nhiều bằng chứng đầy thuyết phục, cho phép đi đến kết luận : âm nhạc xứ Huế là hậu quả của giao lưu và tiếp biến âm nhạc Việt - Chăm mà cũng là nơi giao thoa hoàn hảo giữa nhạc dân gian - nhạc cổ điển - nhạc cung đình. Và lịch sử còn cho biết có nhiều



**Phục hiện lễ Tế Nam Giao xưa tại Huế**

vua chúa xứ Huế tâm hồn rất bình dân và tha thiết mến yêu mến nhạc dân gian.

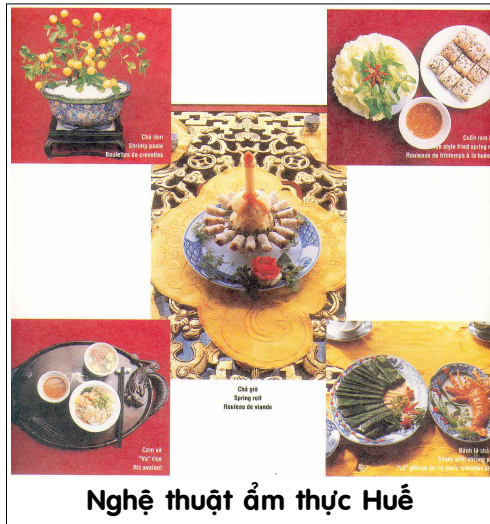
Điệu Bắc của nhạc Huế chắc chắn là kế thừa từ điệu Bắc của nhạc Đàng Ngoài, nhưng rõ ràng là điệu Nam của nó với những *hơi xuân, hơi thương, hơi dưng, hơi ai, hơi oán* của ca Huế, và những câu hò điệu lý buồn thương nhất của xứ Huế (*hò mái nhì, lý hoài nam, lý tương tư...*) đã thấm đượm tinh hoa nghệ thuật âm nhạc vương quốc Champa vang bóng một thời.

### Sáng tạo thứ ba của văn hóa xứ Huế : nghệ thuật ăn uống

Nhân dịp Tết Con Gà đầu năm nay tại hội chợ Huế Xuân 2005, một hội thảo quan trọng về *văn hóa ẩm thực Huế, truyền thống và hiện đại*, đã được tổ chức trong ba ngày 15, 16, 17-1-2005. Qua cuộc hội thảo này, với sự tham dự của đông đảo nhà Huế học, nhà nghiên cứu văn hóa Huế, nhà văn, doanh nhân, giám đốc các công ty du lịch, khách sạn, các chủ nhà hàng tư nhân nổi tiếng ở Huế, chúng ta đã có được những hiểu biết mới về nghệ thuật ẩm thực Huế. Hội thảo cho thấy *món ngon xứ Huế là một kết hợp hài hòa món ngon Chăm cổ với món ngon Việt cổ, món ngon Mường cổ, món ngon dân gian Huế lâu đời và nhiều món ngon nhất cả nước, được đưa về Phú Xuân Huế dâng chúa, tiến vua.*

Theo những thống kê mới nhất, cả nước có khoảng 1.700 món ăn thì xứ Huế có tới 1.300 món : *món ăn dân gian, món ăn cung đình và món ăn chay*. Giữa thế kỷ 20, Hoàng Thị Kim Cúc, vị giáo sư gia chánh xuất sắc nhất của trường Đồng Khánh, đã giới thiệu được 600 món ăn Huế trong đó có 125 món chay, 34 loại canh, 50 món tráng miệng, 47 loại bánh, 70 loại mứt, 30 loại gia vị, v.v. đặc biệt là bà Kim Cúc giới thiệu được 60 thực đơn hoàn chỉnh của bốn mùa xuân hạ thu đông Huế đã trở thành mẫu mực cho các thế hệ nội trợ Việt Nam.

Ăn uống đối với xứ Huế, người Huế hình như từ lâu đã trở thành một nghệ thuật, một văn hóa, một triết lý sống. Phong cách ăn của Huế chắc chắn đã làm vừa lòng nghệ sĩ và nhà triết học ẩm thực Tản Đà với những nguyên tắc hợp tình hợp lý như : *ăn*



**Nghệ thuật ẩm thực Huế**

*nóng* (trừ cơm hến), *ăn theo mùa* (mùa nào thức ấy), *ăn bổ dưỡng* (thức ăn cũng là liều thuốc bổ), *ăn giản dị và thanh đạm* nhưng vẫn *ăn tinh tế, phức hợp, đa dạng, hài hòa âm dương, ăn thơm ngon và đẹp mắt* (mâm cơm đẹp như bức tranh đan thanh), *ăn giữa khung cảnh thiên nhiên dễ chịu.*

Bữa ăn Huế dù giản dị đến mấy đi nữa vẫn luôn luôn là bữa tiệc của hoa tay nội trợ, của tình cảm, ân nghĩa, tình người : người phụ nữ Huế nấu ăn bằng tất cả tâm hồn mình để làm vui lòng mẹ cha, chồng con và bạn bè. Trước khi ăn, con cái trân

trọng mời mẹ cha, vợ mời chồng, bạn bè ân cần mời nhau, nhường miếng ngon cho nhau.

Nghệ thuật ẩm thực Huế diễn ra ở bất kỳ nơi đâu : ăn trong nhà, ăn ngoài vườn, ăn trên đò, ăn trên đầm, trên phá, ăn ngoài biển, ăn trong chùa, ăn giữa lảng... Nghệ thuật ăn cũng là nghệ thuật sống, khi tình người chan hòa

với tình non xanh nước biếc ; một đĩa sò huyết Lăng Cô, một chén cơm hến, một chén chè bắp bên Cồn... đơn sơ lắm, mà sao nó vương vấn cái dịu ngọt đất trời, cái nồng nàn nắng gió, cái dịu trắng sao. Hình như món ăn Huế dù giản dị, tinh tế hay cầu kỳ vẫn luôn luôn có một cái duyên hài hòa, thâm trầm của tâm hồn xứ Huế. Cũng cái



**Xóm chài Bao Vinh trên sông Hương**

duyên thâm ấy cứ đeo đẳng mãi một vài biểu tượng đơn sơ của xứ Huế : một dòng sông, một ngọn núi, một ngôi nhà vườn, một đóa quỳnh khuya, một tà áo tím, một chiếc nón bài thơ, một nụ cười e ấp, một tiếng dạ nhỏ nhẹ, bằng lòng cũng dạ, không bằng lòng cũng dạ. Ôi, tiếng dạ Huế như có một phép mầu làm mê hoặc lòng người ! Nó ngấn trong một giây mà sao cứ vang vọng ray rứt suốt một đời. Tiếng dạ ấy đầm đẹ, bồi hồi bồi hồi như cái vẫy nón, ngoắc tay, hay như lời năn nỉ ỉ ôi nghe rất tội :

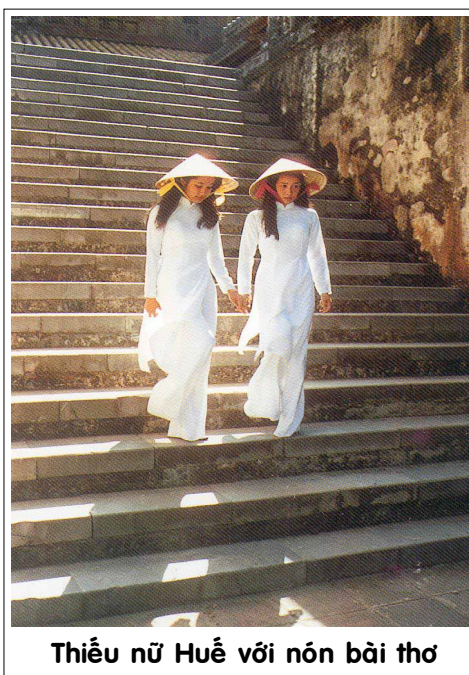
*"Ra về đã tới giữa đồng  
Nón che tay ngoắc động lòng bước  
lui !"*

hay :

*"Có thương thì thương cho chắc,  
cho chắc, cho xoắn, cho vó, cho có  
lòng thương,*

*Đừng như con thỏ đầu truông  
Khi vui giỡn bóng khi buồn giỡn  
trăng".*

**Lê Văn Hảo (Paris)**



**Thiếu nữ Huế với nón bài thơ**

Đã có rất nhiều người nói và viết về cái xấu của tham nhũng, nhất là tham nhũng tại Việt Nam ta. Theo luật sinh tồn tự nhiên thì những gì có sức sống bền bỉ, truyền từ đời nay sang đời khác tất nhiên nó phải có cái lợi gì đó cho sinh vật cứu mang nó. Bài viết này chỉ nêu lên những cái tốt của tham nhũng, vì qua bao thăng trầm của lịch sử nó cứ đi theo dân tộc ta như hình với bóng. Cái ao nhà nó đục như thế có ghét mãi cũng hoài công.

Lấy một thí dụ điển hình là bệnh *thalassemia minor* mà đa số người Việt, người Chăm, người Phi Châu và Địa Trung Hải đều có trong người. Hồng huyết cầu của những người mắc bệnh di truyền này nhỏ hơn bình thường nhưng có khả năng chống lại bệnh sốt rét (malaria). Khi hai vợ chồng cùng mắc bệnh *thalassemia minor* (trường hợp bà con gần lấy nhau), có 50% khả năng đứa con sinh ra mắc bệnh theo và có thể chết, hoặc sống èo uột nhờ tiếp máu thường xuyên. Trong quá khứ xa xôi, bệnh sốt rét đã giết hại rất nhiều người, chỉ một số người có khuyết tật trong máu tại những nơi căn bệnh đang hoành hành mới được sống sót và sinh sản ra những hậu duệ hôm nay. Đó là một khuyết tật tổ truyền nhưng bảo tồn được nòi giống.

Tham nhũng cũng không lạ gì với dân An-nam-mít ta. Đọc truyện xưa tham nhũng đã có từ thời Xuân thu, Chiến quốc, rồi tới thời cận kim Lê, Nguyễn. Tham nhũng cũng ngang nhiên hiện diện dưới những triều vua sáng chói như Lê Thánh Tôn, Minh Mạng, vì thế trong dân gian mới có câu : "Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan". Như vậy tham nhũng là một thành tố không thể chối cãi được trong văn hóa và lịch sử Việt Nam. Nếu như văn hóa Khổng Mạnh đã in sâu vào tiềm thức của người Việt Nam thì truyền thống tham nhũng cũng không thua gì.

Tham nhũng đã có trước đảng cộng sản của bác Hồ, bác Duẩn. Khi xã hội Việt Nam bị chủ thuyết cộng sản xâm nhập vào thế kỷ trước, một hiện tượng đã xảy ra. Khả năng tham nhũng tổ truyền đã vùng dậy toàn diện và cùng khắp như một hệ thống miễn nhiễm bị kích thích để chống lại cộng sản độc tài ngoại nhập. Kết quả là sự phát triển kỷ lục của tham nhũng chẳng những vượt xa từ thời Đinh tới thời Nguyễn mà còn giữ ngôi vị nhất nhì của thế giới mở rộng hôm nay.

Tham nhũng trước tiên giúp người dân hiền vượt qua những luật lệ ngu ngốc của chính quyền toàn trị. Nhờ tham nhũng mà quyền lực tuyệt đối trở nên tương đối. Một cách tiêu cực hơn là nó khuyến khích chính phủ tiếp tục ngu ngốc (thật hoặc giả vờ) để tiếp tục nhận tiền tham nhũng. Nếu nhờ tham nhũng mà những quyết định kinh tế sáng suốt của người dân được thông qua và đời sống từ đó được cải thiện thì chính quyền ngu ngốc thì có sao đâu.

Tham nhũng cũng tạo cơ hội cho nhiều người xưa vốn nghèo nay được giàu có và thâm tóm nhiều quyền lực. Những người đang giàu nhờ tham nhũng bị xui sa cơ thất thế cũng thường. Chúng ta không nên buồn nhiều cho sự

sa cơ của họ vì chết mập thầy vẫn hơn là chết ốm đói. Nói đến mập thì phong tục Việt Nam coi mập béo là phát tướng phát tài. Chúng ta cho rằng ăn cố xác đồ bỏ, nhất là đồ dương (liệt dương mới đáng lo), càng nhiều càng hay. Béo phì là một biểu hiệu tốt đẹp cho phụ nữ cũng như nam giới. Quan niệm này thể hiện qua những lời chúc mát da mát thịt mà chúng ta vẫn nghe hằng ngày. Nói chung lòng tham lam là một chứng tật tổ truyền. Cũng vì lòng tham lam và tham những mà từ lâu phép vua đã thua lệ làng.

Nhờ tham nhũng và tham lam tổ truyền mà dân tộc Việt Nam đã vô hiệu hóa chủ nghĩa cộng sản và tiếp tục phát triển trong suốt 15 năm qua, từ ngày bức tường Bá Linh sụp đổ. Tham nhũng có sức mạnh khuấy phục bạo lực, vô hiệu hóa luật lệ ngu ngốc và tái phân phối tiền của, sức lao động trong sự tương quan quyền lực của đồng tiền. Bạo quyền chuyên chính có phép thuật *mị dân tề thiên* nhưng "Tề Thiên Đại Thánh ai nói rằng hay, ngũ hành sơn úp lại về tay Phật Bà". Chính quyền tham nhũng cũng như chú khỉ đội vòng kim cô mà thôi. Người Anh, Mỹ đặt luật và hiến pháp để kiểm soát chính phủ. Tổ tiên dân An-nam ta phát minh ra tham nhũng để vô hiệu hóa độc tài và cân bằng quyền lực. Ai có ở với Tây Mỹ mới thấy rất khó mà làm giàu được, vì phải đóng thuế thực sự và không có đường nào để hối lộ. Tây Mỹ chúng nó thấy dân mình mần ra tiền là tìm cách đóng thuế để lấy tiền đi nuôi bá vợ. Ít ra tham nhũng của nhà nước An-nam ta còn có chỗ để thương lượng kì kèo dè ngõng. Cái quái chiêu là ở chỗ đó.

Do đó suy cho cùng, chúng ta không nên kỳ vọng gì nhiều ở sự biến mất của khuyết tật tổ truyền tham nhũng này ít nhất là trong một tương lai gần. Khi người cho tham nhũng và người nhận tham nhũng bỗng đứng từ bỏ phong tục tổ truyền này thì người Việt Nam không còn là người Việt Nam nữa, tức là mất gốc, lai Mỹ, lai Anh mất rồi. Nguyễn Bính viết trong *Chân Quê* : "Van em, em hãy giữ nguyên quê mùa", nghe rất tình tự. Cái giá phải trả cho tiến bộ là mất đi sự quê mùa dân tộc tính. Vì tham nhũng là một dân tộc tính !

Đã tới lúc người Việt Nam phải dứt khoát quẳng đi tự ti, mặc cảm vì mỗi dân tộc đều có một sản phẩm tiêu biểu. Người Tàu có gấm lụa Thượng Hải và cơm chiên Dương Châu ; người Phi Luật Tân có tú giày phong phú của mệnh phụ Imelda Marcos ; người Nhật có xe Honda, Toyota ; người Mỹ có Coca Cola và vũ khí tối tân ; người Anh có Hoàng gia rùm beng xà rắn và xe Rolls Royce ; người Ý có Vatican và xe Fiat ; người Pháp có rượu nho và nước hoa đắt tiền ; người Việt Nam chúng ta có 4.000 năm tham nhũng và nước mắm Phú Quốc. Hơn thế nữa, khởi đầu từ zero rồi phát triển thần tốc lên 7% một năm nhờ tham nhũng, đúng là thiên hạ vô địch.

*Giàu vì tham nhũng mới ngoan*

*Giàu vì cần kiệm thể gian sự thường.*

**Võ Thanh Liêm** (Victoria, Úc)

## Căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc

Tổng thống George W. Bush không có thói quen nói úp mở. Ông đã thẳng thắn đả kích quyết định giảm thuế xuất khẩu cho các mặt hàng may mặc của Trung Quốc để gia tăng sức mạnh cạnh tranh vào lúc các mặt hàng này đang tràn ngập các thị trường Âu Mỹ. Sự giận dữ của ông Bush là chính đáng, kỹ nghệ may mặc của các nước phương Tây, và ngay cả các nước châu Á và châu Phi, không thể cạnh tranh nổi với Trung Quốc và sẽ phá sản chắc chắn nếu tình trạng hiện nay tiếp tục. Biện pháp miễn thuế này được coi là một khiêu khích vào giữa lúc thế giới đang đòi hỏi Trung Quốc giảm xuất khẩu hàng may mặc.

Trong cơn thịnh nộ, ông Bush đả kích luôn việc Trung Quốc đòi Nhật xin lỗi vì những tội ác gây ra chiến tranh trong thế chiến II. Ông nói Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã làm thiệt mạng hàng chục triệu người Trung Quốc trong các chiến dịch cải cách ruộng đất, bước nhảy vọt, cách mạng văn hóa, do đó phải xin lỗi nhân dân mình trước đã.

Bộ trưởng quốc phòng Mỹ, Donald Rumsfeld, cũng cùng một ngôn ngữ như thượng cấp. Ông đã từng gọi các nước châu Âu chống Mỹ trong cuộc chiến tại Iraq, chủ yếu là Pháp và Đức, là các nước "châu Âu già". Mới đây, ngày 5-6, trong hội nghị các bộ trưởng quốc phòng các nước thuộc khu vực Thái Bình Dương nhóm họp tại Singapore, ông Rumsfeld đã thẳng thừng chỉ trích Trung Quốc là không có tự do, vi phạm nhân quyền và như thế không thể phát triển bền vững được. Ông cũng nói thẳng sự lo âu của Hoa Kỳ trước việc Trung Quốc gia tăng chi phí quốc phòng. Rumsfeld nói không có nước nào đe dọa Trung Quốc cả, vậy Trung Quốc gia tăng vũ khí nhằm mục đích gì ?

Phát biểu của ông Rumsfeld đã làm bộ trưởng quốc phòng Trung Quốc tức bực. Ông này hỏi ngược lại có quả thực ông Rumsfeld nghĩ là Trung Quốc đe dọa Hoa Kỳ không, và khi đặt ra vấn đề nhân quyền ông Rumsfeld có ý định làm mất thăng bằng cho Trung Quốc không ? Ông Rumsfeld trả lời một cách ngắn gọn : "Liên kết tự do với mất thăng bằng là sai".

Thái độ cứng rắn của Hoa Kỳ được phát biểu ngay trước chuyến viếng thăm của thủ tướng Phan Văn Khải sẽ được Hà Nội phân tích như thế nào ? Có hai dự đoán. Một mặt, nó là một dấu hiệu nếu Việt Nam thực sự muốn sáp nhập lại với Mỹ để giải tỏa sức ép của Trung Quốc thì sẽ có sự cảm thông và ủng hộ của Mỹ. Mặt khác, nó cũng có thể khiến Việt Nam sợ không dám đến gần Mỹ vào lúc Mỹ đang căng thẳng với Trung Quốc để tránh hậu quả.

## TRUNG QUỐC Trị giá của những cổ phần

Từ 5 năm trở lại đây, giới mua bán chứng khoán quốc tế quan tâm tới thị trường chứng khoán tại Trung Quốc. Đây là một lãnh vực hoàn toàn mới đối với những công ty,

xí nghiệp Trung Quốc muốn được thế giới biết đến.

Cũng nên biết hiện nay có trên 1.300 công ty, xí nghiệp lớn của Trung Quốc, trong đó nhà nước nắm giữ 100% vốn, đăng ký vào thị trường chứng khoán này. Số cổ phần được phép bán ra trên thị trường chứng khoán nội địa từ 30 đến 50%, một vài công ty được phép bán tới 70% vốn, nhưng nhà nước vẫn làm chủ hơn 50% cổ phần bán ra. Trong thực tế ít nhà đầu tư hay giới mua bán chứng khoán nào mua được những cổ phần này ; lý do là cổ phần của những công ty lớn, có khả năng thu lợi cao, chưa được công bố bán đã được những tay đầu cơ xuất phát từ chính quyền mua hết, nghĩa là nhà nước vẫn độc chiếm thị trường. Những tay đầu cơ này là những cán bộ thuộc chi bộ đảng địa phương hay

thân nhân của những nhân vật trong chính quyền. Thêm vào đó, cứ mỗi tháng 3 hàng

năm, khi quốc hội Trung Quốc nhóm họp, giá những cổ phần được nâng cao một cách bất thường rồi liền hạ giá sau khi quốc hội bế mạc. Khi đến mùa chia lời tháng 6 hàng năm giá các cổ phần lại tăng vọt lên, sau khi chia chác xong giá cổ phần lại tụt xuống. Cũng may cách mua bán chứng khoán này chỉ xảy ra tại Trung Quốc. Tại các quốc gia tư bản, cách mua bán chứng khoán vừa nói không thể xảy ra vì vi phạm đạo đức nghề nghiệp, độc chiếm thị trường là một tội hình sự ; những công ty, xí nghiệp nào vi phạm luật này không những bị đuổi ra khỏi thị trường mà còn bị cấm xuất hiện nữa.

Thật ra cũng ít ai biết đến cổ phần của những công ty, xí nghiệp Trung Quốc này, chỉ một vài hãng chứng khoán nhỏ của Nhật mua qua bán lại qua mạng Internet, số còn lại là những du khách đến viếng thăm Trung Quốc được những hãng du lịch địa phương giới thiệu mua. Đa số du khách xem đây là một thứ cờ bạc : nếu mua vào đúng những dịp tháng 3 và tháng 6 kể trên thì có lời, nếu mua vào những thời điểm khác thì không có gì bảo đảm.

## Hậu quả của tiếng NON tại Pháp

Ngay sau kết quả cuộc trưng cầu dân ý ngày 29-5-2005, 55% dân chúng Pháp phủ nhận bản dự thảo hiến pháp của Liên Hiệp Châu Âu, Pháp đang chờ đón những hậu quả của quyết định này, ít nhất trên hai địa bàn cụ thể là tại châu Âu và trong nội bộ nước Pháp.

Tại châu Âu, cặp bài trùng Đức-Pháp mất đi sức mạnh lôi kéo, Đức trở thành cô đơn trước khối Anh và Bắc Âu cổ võ sinh hoạt kinh tế tự do. Ước mơ xây dựng một châu Âu thống nhất về chính trị và hùng mạnh về quân sự cũng sẽ rất khó ra đời trong một tương lai gần ; đồng Euro cũng mất đi sức mạnh trao đổi so với đồng Dollar và đồng Yen.

Thật ra cũng không ai hiểu được tiếng NON này của dân Pháp : Pháp vừa là quốc gia hùng mạnh nhất trong Liên Hiệp vừa là quốc gia chủ xướng xây dựng Liên Hiệp, thêm vào đó lại là quốc gia thừa hưởng quyền lợi nhiều nhất trong Liên Hiệp, đặc biệt là về nông nghiệp. Chủ nhiệm ủy ban soạn thảo bản hiến pháp châu Âu là một

người Pháp, trụ sở quốc hội châu Âu cũng đặt tại Pháp (Strasbourg), v.v.

Thế thì tại sao họ lại từ chối ? Có một cái gì bất bình thường trong tâm lý người Pháp : hoặc là trình độ dân trí xuống cấp hoặc là dân Pháp mất đi khả năng hợp tác. Từ nay Pháp bị nhìn như là một quốc gia ích kỷ và kỳ thị chủng tộc. Uy tín và ảnh hưởng của Pháp từ nay mất hẳn trong Liên Hiệp và chỉ còn là một hội viên bình thường.

Trong nội bộ nước Pháp, tiếng nói ồn ào của những phe nhóm chống bản dự thảo hiến pháp bỗng nhiên im bật. Không còn ai vênh váo biện hộ cho sự chống đối của mình. Nội bộ đảng Xã Hội, chính đảng lãnh đạo cánh tả, bị chia ra làm hai bởi hai phe chống và ủng hộ bản dự thảo : Laurent Fabius và François Hollande. Những đảng phái thiên tả và cực tả nhỏ đang đánh phá lẫn nhau để tranh giành ảnh hưởng. Đảng UMP, lãnh đạo cánh hữu cầm quyền, cũng mất đi đồng thuận trên những định hướng lớn, và không chừng cũng sẽ rạn nứt giữa một bên là Sarkozy, chủ tịch đảng UMP, và một bên là tổng thống Jacques Chirac. Trong khi đó, sự thay đổi chính phủ của cánh hữu cầm quyền cũng sẽ không làm thay đổi tình trạng suy thoái kinh tế. Nạn thất nghiệp sẽ không thuyên giảm vì giới đầu tư quốc tế, thường xuyên bị những cộng đoàn thiên tả phá rối, đang tìm đường tháo lui bằng cách đóng cửa xí nghiệp hay dời cơ xưởng sang những quốc gia khác, để dãi hơn.

## HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 12 180 ĐỘ ?

Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ họp hội nghị trung ương lần thứ 12 vào cuối tháng 6 này, có nguồn tin cho hay là ngày 27-6. Sẽ có khoảng 150 người tham dự, gồm các ủy viên ban chấp hành trung ương và một số được "tăng cường", nghĩa là có nhiều khả năng sẽ vào ban chấp hành trung ương kỳ tới. Hội nghị có mục đích chuẩn bị cho đại hội 10 sắp tới.

Hội nghị lần này sẽ rất quan trọng (phải hiểu là rất căng thẳng). Nguồn tin trong nước cho hay là có thể sẽ có thay đổi 180 độ bởi vì đã có những người đề nghị đòi sửa hiến pháp, chấp nhận đa nguyên đa đảng. Cũng sẽ có những người đề nghị giải quyết dứt khoát các vụ Năm Châu - Sáu Sứ, Tổng Cục 2, T4.

[Nhắc lại : vụ Năm Châu - Sáu Sứ là một báo cáo mật của Tổng Cục 2 trước đại hội 7 năm 1991, theo đó có một âm mưu lật đổ phe cầm quyền trong đảng, nếu cần ám sát Lê Đức Anh, để đưa hai ông Võ Nguyên Giáp và Trần Văn Trà lên cầm quyền. Ông Năm Châu và bà Sáu Sứ là hai người làm công tác liên lạc giữa những người chủ mưu trong Nam và ngoài Bắc. Đến nay ông Năm Châu được coi là vô can, còn nhân vật Sáu Sứ, tức Nguyễn Thị Sứ, thì không biết là ai, có khi chỉ là một nhân vật giả tưởng. T4 là bí danh của một điệp viên mà Tổng Cục 2 nói là đã gài được vào cơ quan trung ương tình báo Mỹ CIA. Điệp viên T4 báo cáo nhiều về các thành viên cao cấp trong đảng và nhà nước cộng sản có liên hệ với CIA, hoặc đang âm mưu đảo chính. Sự thực thì T4 cũng chỉ là một điệp viên giả

tưởng được bịa đặt ra để dựa vào đó lập hồ sơ giả lên án một số người mà phe Lê Đức Anh cho là chống lại họ].

Hiện nay có ba khuynh hướng trong giới lãnh đạo cộng sản : phe Lê Đức Anh, phe chống Lê Đức Anh và phe đòi đổi mới toàn bộ chính sách. Phe Lê Đức Anh chủ trương giữ nguyên cơ chế hiện nay, nếu cần chỉ làm những cải tổ giới hạn để chống tham nhũng và thỏa mãn một số đòi hỏi về kinh tế. Phe chống Lê Đức Anh, qui tụ chung quanh hai ông Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Nam Khánh, chỉ muốn làm sạch đảng, xử lý những gian trá, loại bỏ Lê Đức Anh và các chân tay của ông này trong Tổng Cục 2 chứ không chủ trương dân chủ hóa.

Càng ngày càng xuất hiện nhiều người chủ trương phải đổi mới thực sự, chấp nhận đa nguyên chính trị, liên kết thẳng thắn với Mỹ để chống lại áp lực của Trung Quốc. Khuynh hướng này thực ra đã có từ lâu, nhưng điều mới là lần này họ dám nói thẳng ra mà không sợ bị trừng trị. Theo một số thông tin từ trong nước thì lần này rất có thể họ sẽ đưa lập trường này ra trước hội nghị trung ương 12.

Một vấn đề quan trọng và căng thẳng khác là cách tổ chức đại hội 10 sắp tới (trên nguyên tắc cuối năm 2005, đầu năm 2006). Các đại biểu (khoảng 1.200 người) sẽ được phát biểu tới mức độ nào, bao nhiêu lần và bao nhiêu lâu, các đề nghị nào sẽ được chọn để đưa ra biểu quyết ? Tổng bí thư sẽ do đại hội hay ban chấp hành trung ương bầu ra ? v.v. Đây là những vấn đề rất gay go cần được giải quyết trước. Trên nguyên tắc, theo nội qui của Đảng Cộng Sản Việt Nam, thì đại hội là cơ quan quyền lực cao nhất ; trong thực tế nó chỉ là một sự dàn cảnh, tất cả đã được sắp đặt trước trong hội nghị trung ương cuối cùng trước đại hội, đại đa số các đại biểu sẽ không phát biểu. Mặt khác, hội nghị trung ương cuối cùng cũng chỉ thông qua những quyết định của nhóm cầm quyền trong đảng. Nhóm cầm quyền này trước đây do Lê Đức Thọ cầm đầu, bây giờ do Lê Đức Anh. Nhưng hiện nay Lê Đức Anh đang bị chống đối quá mạnh nên khó có thể khống chế được hội nghị trung ương 12.

Một điều cũng đáng được lưu ý là, trước hội nghị này, ba vị lãnh đạo cao nhất trong đảng đã công du. Tổng bí thư Nông Đức Mạnh thăm viếng Pháp, chủ tịch Trần Đức Lương sang Bắc Kinh và thủ tướng Phan Văn Khải đi Mỹ. Phải chăng là để thăm dò khả năng có thể sáp lại với phương Tây để đương đầu với sự chèn ép ngày càng gia tăng của Trung Quốc ?

Mặc dầu có những bàn tán rất xôn xao chung quanh hội nghị trung ương 12, người ta vẫn chưa thể quả quyết là sẽ có những thay đổi lớn. Phe chống Lê Đức Anh, với biểu tượng là hai tướng Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Nam Khánh và sự tiếp tay kín đáo nhưng đắc lực của tổng bí thư Lê Khả Phiêu, thực ra không có hậu thuẫn mạnh vì không đưa ra điều gì mới. Phe đổi mới thực sự thì thiếu tổ chức và cũng không hẳn có chính nghĩa vì, trên thực tế, tất cả mọi cấp lãnh đạo cộng sản đều không nhiều thì ít dính líu vào tham nhũng, thường là dính líu nhiều.

Cũng không thể bỏ qua khả năng đặc biệt của Đảng Cộng Sản Việt Nam là cứ ỳ ra đấy, không giải quyết những vấn đề phải giải quyết, có lẽ vì không giải quyết nổi.

## Ngôn sử

Hắn đem gia đình sang du lịch Paris. Khi hắn vừa tốt nghiệp cử nhân văn khoa thì miền Nam thay đổi chế độ, và mọi người trở thành thất nghiệp. Hắn may mắn thừa hưởng một miếng đất rất rộng ở ngoại ô Sài Gòn, hắn canh tác miếng đất đó, trồng rau quả, nuôi gà vịt, mở một quán cà phê nhỏ để sống qua ngày. Thì giờ rảnh rỗi hắn nghiên cứu về một môn học mà hắn gọi là môn "ngôn sử". Hắn nói ngôn sử tiếng Pháp là *philologie*, tôi chẳng hiểu gì cả. Hắn giải thích đó là môn học nghiên cứu lịch sử, cấu trúc và cách tạo thành của ngôn ngữ. Tôi vẫn mù tịt. Năm 1980, hắn nhờ tôi tìm mối bán nhà và đất lấy mười lượng vàng vượt biên. Tôi tìm không ra, và hắn ở lại. Không ngờ như thế mà lại may. Gần đây nhà đất vùn vụt lên giá, hắn bán một phần khu đất và trở thành triệu phú đô la. Hắn bảo tôi :

- Bôn ba không qua thời vận. Mà y xông xáo như thế mà cuối cùng lại chẳng ra gì so với tao. Cái nhà mà y hơi bị nhỏ đấy. Tao là một sản phẩm của tệ đoan xã hội. Chúng nó ăn hối lộ và buôn lậu, nhiều tiền bản quá phải mua nhà đất để tẩy, nhờ thế mà tao giàu sụ. Tao bán hơn năm ngàn mét đất được vài ngàn cây, sau khi lịch sự mất vài trăm cây.

- Lịch sự ?

- À, đó là một tiếng mới - hắn cười to. Bây giờ người ta không nói là dứt lốt hay đưa hối lộ nữa, xưa rồi ! Bây giờ người ta nói là "lịch sự". Lịch sự trở thành một động từ. Làm cái gì cũng phải lịch sự mới xong ; không biết lịch sự thì không sống được. Tao nhờ một thằng bạn lành lẽ lịch sự giùm mới bán được miếng đất đấy. Thằng bạn nhờ đó được một trăm cây tiền lùi.

- Tiền lùi ?

- Đó cũng là một từ mới nữa. "Lùi" có nghĩa là tiền mà kẻ được lịch sự bớt cho, còn gọi là tiền lại quả, cũng một tiếng thời thượng mới. Nó đòi năm trăm cây nhưng lùi cho một trăm cây.

Hắn tặng vợ tôi một cái túi xách tay Louis Vuiton và nói đó là một túi mố. Hắn giải thích "mố" cũng là tiếng mới xuất hiện, dùng thay cho "thời trang", hay "mốt" trước đây. Hắn cho tôi một sơ-mi lụa và nói đó là lụa thực chứ không phải lụa đều. Tôi hỏi lụa đều là gì thì hắn phá lên cười :

- Mà y lỗi thời quá rồi. Bây giờ trong nước người ta không nói là "giả" nữa mà nói là "đều". Hàng đều, bằng đều, rượu đều, thuốc đều.

Tôi, sức nhớ ra hắn là một nhà ngôn sử, bèn hỏi hắn:

- Thế mà y nghĩ gì về những từ mới này ?

Hắn bỗng trở thành nghiêm trang, trầm mặc một lúc rồi nói :

Ngôn ngữ của dân tộc nào cũng gắn liền với lịch sử. Cái gì thường trực và lâu dài cũng trở thành ám ảnh rồi đi vào ngôn ngữ. Mà y thử xem, ngôn ngữ của nước nào

## Mục lục

1. Kinh nghiệm Ba Lan *Thông Luận*
  2. Ấn Độ, quốc gia đầy triển vọng của thế kỷ 21 *Nguyễn Minh*
  3. Nước cờ tính lộn ? *Nguyễn Long Vân*
  4. Liên Hiệp Châu Âu vấp ngã *Nguyễn Gia Kiểng*
  6. Đừng sợ dân chủ ! *Bùi Tín*
  8. Trợ giúp nạn nhân sóng thần *Lê Văn Cẩm Phương*
  9. Ra mắt THDCDN tại Tiệp *Nguyễn Sơn Bà*
  10. Ánh mắt Praha *Phạm Việt Vinh*
  12. Nói thêm về nhóm Đệ Tứ tại Pháp *Hoàng Khoa Khôi*
  16. Cho tiến trình hòa giải *Nguyễn Văn Hiệp*
  18. Một nhân vật phi thường *Phạm Tùng Cương*
  19. Phong trào Tây Nguyên Tự Trị *Ya Biloh*
  20. Các vua nhà Nguyễn, giới Văn Thân... *Tôn Thất Thiện*
  25. Xứ Huế - Thuận Hóa - Phú Xuân *Lê Văn Hảo*
  29. Luận về những ưu điểm của tham nhũng... *Võ Thanh Liêm*
  30. Thời sự quốc tế và Việt Nam
  32. Ngôn sử
- Đáy*

cũng xoay quanh hai từ "có" và "là", *être et avoir, to be and to have*. Người Việt thì không có gì cả mà cũng chẳng là gì cả, chỉ có cái thân phận nô lệ, bị bóc lột và đối triển miên, vì thế mà động từ căn bản của tiếng Việt là "ăn". Thắng bại thì gọi là ăn thua, thắng nào thắng thì có ăn, thắng nào thua thì đói ; sinh hoạt nghề nghiệp thì gọi là làm ăn, vợ chồng ăn ở, ăn nằm với nhau, nói chuyện là ăn nói, rồi ăn ý, ăn ảnh, ăn khớp... Ngay cả lúc chửi nhau cũng cho ăn cái này cái kia, rửa nhau là đồ ăn mày, ăn nhật, ăn cấp, ăn giết. Cái gì cũng ăn cả vì đối quanh năm, lúc nào cũng bị miếng ăn ám ảnh. Bây giờ cũng thế, cái gì cũng đều cáng cả. Chính quyền đều, nhà nước đều, nhà trường đều... Cái gì cũng đều cả nên đều hiện diện một cách trấn áp qua ngôn ngữ.

Hắn dừng lại một lúc rồi nói tiếp :

- Nhân loại tiến triển qua các thời kỳ đồ đá, đồ đồng, đồ sắt. Chúng ta còn có thời kỳ đồ đều. Nước mình đang ở thời kỳ đồ đều.